**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Ban hành theo Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 13/01/2020*

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Trang** |
| --- | --- | --- |
| **I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ** | |  |
| 1 | Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | 1 |
| 2 | Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | 5 |
| 3 | Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | 10 |
| 4 | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | 14 |
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | 19 |
| 6 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | 22 |
| 7 | Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | 33 |
| 8 | Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư) | 35 |
| 9 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 38 |
| 10 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ | 42 |
| 11 | Chuyển nhượng dự án đầu tư | 46 |
| 12 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế | 53 |
| 13 | Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài | 55 |
| 14 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | 57 |
| 15 | Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | 59 |
| 16 | Giãn tiến độ đầu tư | 61 |
| 17 | Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | 63 |
| 18 | Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | 65 |
| 19 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương | 67 |
| 20 | Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư | 69 |
| 21 | Quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý | 71 |
| 22 | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý | 74 |
| **II. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG** | |  |
| 23 | Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp | 121 |
| **III. LĨNH VỰC VIỆC LÀM** | |  |
| 24 | Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | 122 |
| 25 | Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | 129 |
| 26 | Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động | 135 |
| 27 | Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài | 141 |
| **IV. LĨNH VỰC XÂY DỰNG** | |  |
| 28 | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh | 147 |
| 29 | Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh | 151 |
| 30 | Cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong khu công nghiệp (trừ công trình cấp đặc biệt) | 159 |
| 31 | Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài | 171 |
| **V. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ** | |  |
| 32 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 175 |
| 33 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 181 |
| 34 | Điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 187 |
| 35 | Gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 193 |
| 36 | Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của cơ quan cấp Giấy phép | 197 |
| **VI. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG** | |  |
| 37 | Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường | 201 |
| 38 | Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt | 219 |
| 39 | Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án | 223 |
| 40 | Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường | 233 |

**Phần II**

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM**

**1. Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)**

**a) Trình tự thực hiện:**

\* Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) thực hiện theo trình tự sau:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư cho Ban Quản lý nơi dự định thực hiện dự án đầu tư.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan đến những nội dung quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP.

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi cơ quan đăng ký đầu tư.

+ Cơ quan quản lý về đất đai chịu trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ; cơ quan quản lý về quy hoạch cung cấp thông tin quy hoạch để làm cơ sở thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cơ quan đăng ký đầu tư.

- Bước 4: Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nội dung báo cáo thẩm định gồm:

+ Thông tin về dự án: Thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;

+ Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài);

+ Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

+ Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);

+ Đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Đối với dự án không đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư (đánh giá nhà đầu tư có được sử dụng địa điểm đầu tư theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật đất đai hay không).

+ Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư.

- Bước 5: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quyết định chủ trương đầu tư gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý và nhà đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

**d) Số lượng hồ sơ**:

04 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết**:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước[[1]](#footnote-1).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định.

Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện**:

- Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định và lập báo cáo thẩm định.

- UBND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Văn bản quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh theo mẫu II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT hoặc Văn bản thông báo từ chối quyết định chủ trương đầu tư (nêu rõ lý do).

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tưtheo Mẫu I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT;

- Đề xuất dự án đầu tưtheo Mẫu I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

- Dự án được nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua một trong các cách thức sau: (i) đấu giá quyền sử dụng đất, (ii) đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất hoặc (iii) nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Đối tượng này không bao gồm dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch.

- Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất. Đối tượng này không bao gồm dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch.

- Dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**2. Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)**

**a) Trình tự thực hiện:**

\* Việc quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện theo trình tự sau:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư cho Ban Quản lý nơi dự định thực hiện dự án đầu tư.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến dự án đầu tư để lấy ý kiến về các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Ban Quản lý và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Bước 4: Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các nội dung: (i) Nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đối với dự án được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất); (ii) Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có) đối với dự án đầu tư đề nghị giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; (iii) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).

- Bước 5: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm:

+ Thông tin về dự án: thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;

+ Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài);

+ Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

+ Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);

+ Đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Đối với dự án không đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư (đánh giá nhà đầu tư có được sử dụng địa điểm đầu tư theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật đất đai hay không).

+ Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư.

- Bước 6: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư (gồm các nội dung quy định tại Khoản 8 Điều 33 Luật Đầu tư). Văn bản quyết định chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,Ban Quản lý và nhà đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;

- Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có);

- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường.

**d) Số lượng hồ sơ**:

08 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết**:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Ban Quản lý và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện**:

- Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và lấy ý kiến thẩm định của Bộ, ngành và cơ quan khác có liên quan;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định;

- Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Văn bản quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ hoặc Văn bản thông báo từ chối quyết định chủ trương đầu tư (nêu rõ lý do).

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tưtheo Mẫu I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT;

- Đề xuất dự án đầu tưtheo Mẫu I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

Dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại Điều 31 Luật đầu tư, trừ dự án quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch, cụ thể:

Trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo pháp luật về đầu tư công và các dự án quy định tại Điều 30 của Luật này, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây:

1. Dự án không phân biệt nguồn vốn thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Di dân tái định cư từ 10.000 người trở lên ở miền núi, từ 20.000 người trở lên ở vùng khác;

b) Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; vận tải hàng không;

c) Xây dựng và kinh doanh cảng biển quốc gia;

d) Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí;

đ) Hoạt động kinh doanh cá cược, đặt cược, casino;

e) Sản xuất thuốc lá điếu;

g) Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu chức năng trong khu kinh tế;

h) Xây dựng và kinh doanh sân gôn;

2. Dự án của nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, trồng rừng, xuất bản, báo chí, thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ 100% vốn nước ngoài;

3. Dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**3. Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ dự án đầu tư cho Ban Quản lý nơi thực hiện dự án đầu tư.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ dự án đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước.

- Bước 3: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 33 của Luật Đầu tư và lập báo cáo thẩm định trình Chính phủ.

- Bước 4: Chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội. Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư gồm: Tờ trình của Chính phủ; Hồ sơ dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật đầu tư; Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước; Tài liệu khác có liên quan.

- Bước 5: Cơ quan được Quốc hội giao chủ trì thẩm tra thực hiện thẩm tra các nội dung: Việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội; Sự cần thiết thực hiện dự án; Sự phù hợp của dự án với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, quy hoạch sử dụng đất, tài nguyên khác; Mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường; Vốn đầu tư, phương án huy động vốn; Tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội; Cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).

- Bước 6: Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư gồm các nội dung: Nhà đầu tư thực hiện dự án; Tên, mục tiêu, quy mô, vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn, thời hạn thực hiện dự án; Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án; trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn; Công nghệ áp dụng; Cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có) và thời hạn hiệu lực của Nghị quyết về chủ trương đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;

- Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có);

- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường;

- Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có).

**d) Số lượng hồ sơ**:

21 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết**:

Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội

**e) Cơ quan thực hiện**:

Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước;

Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định;

Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức).

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư.

**i) Lệ phí**: Không.

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tưtheo Mẫu I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT;

- Đề xuất dự án đầu tưtheo Mẫu I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức) thực hiện các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội quy định tại Điều 30 Luật Đầu tư, cụ thể:

Trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội theo pháp luật về đầu tư công, Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư sau đây:

1. Dự án ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, bao gồm:

a) Nhà máy điện hạt nhân;

b) Chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng, lấn biển, bảo vệ môi trường từ 500 héc ta trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 héc ta trở lên;

2. Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên;

3. Di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở các vùng khác;

4. Dự án có yêu cầu phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**4. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)**

**a) Trình tự thực hiện:**

\* Điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP cho Ban Quản lý.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan nêu tại Bước 3, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định về các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Bước 5: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

\* Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP cho Ban Quản lý.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Bước 4: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP liên quan đến nội dung điều chỉnh.

- Bước 5: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Bước 6: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Quản lý và nhà đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;

- Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư), cụ thể:

+ Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng.

+ Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư.

+ Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động), tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn.

+ Thời hạn hoạt động của dự án.

+ Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn.

+ Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có);

- Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có), cụ thể:

+ Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

+ Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

+ Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

+ Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

+ Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

**d) Số lượng hồ sơ**:

- 04 bộ hồ sơ đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.

- 08 bộ hồ sơ đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

**đ) Thời hạn giải quyết**:

- Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh;

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh;

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan liên quan, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư và gửi cho Ban Quản lý.

- Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để lấy ý kiến về các nội dung điều chỉnh;

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình;

+ Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung điều chỉnh;

+ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điểm d Khoản này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban Quản lý.

**e) Cơ quan thực hiện**:

- Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ;

- UNND cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền;

- Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền;

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư trong nước (cá nhân, tổ chức).

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (của UBND cấp tỉnh hoặc Thủ tướng Chính phủ).

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(áp dụng đối với trường hợp có điều chỉnh chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

Nhà đầu tư trong nước (cá nhân, tổ chức) có dự án đầu tư được UBND cấp tỉnh hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp:

- Điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính;

- Điều chỉnh tăng hoặc giảm trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư;

- Điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

Thủ tục này cũng áp dụng đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành (trước 01/7/2015) và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành. Nay, nhà đầu tư điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 5 Điều 63 Nghị định 118/2016/NĐ-CP).

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**5. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư cho Ban Quản lý.

Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định trên đây, trong đó đề xuất dự án đầu tư được thay bằng báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Nộp qua internet tại địa chỉ: <http://diza.dongnai.gov.vn/> (vào mục Thủ tục hành chính); hoặc <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/web/bqlkcn>.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư, gồm:

+ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

+ Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

+ Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay cho đề xuất dự án đầu tư.

+ Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

+ Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

+ Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

**d) Số lượng hồ sơ**:

01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết**:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện**:

Ban Quản lýnơi thực hiện dự án đầu tư

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân và tổ chức), nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo mẫu số II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tưtheo Mẫu I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT;

- Đề xuất dự án đầu tư(đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.3 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân và tổ chức), tổ chức kinh tế quy định tại điểm a, b và c Khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư thành lập tổ chức kinh tế mới (Điều 22 và Khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư);

+ Nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân và tổ chức) và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a, b và c Khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC (Khoản 1 Điều 23 và Khoản 2 Điều 28 Luật đầu tư);

+ Tổ chức kinh tế quy định tại điểm a, b và c Khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư thực hiện dự án đầu tư (Khoản 1 Điều 36 Luật đầu tư).

- Thủ tục này cũng áp dụng đối với dự án của nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế quy định tại Khoản 2 Điều 23 Luật đầu tư nếu nhà đầu tư đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Có hồ sơ hợp lệ.

- Mục tiêu của dự án đầu tư không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh.

- Đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp mục tiêu dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**6. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư**

**a) Trình tự thực hiện:**

1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thực hiện theo trình tự sau:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư cho Ban Quản lý nơi dự định thực hiện dự án đầu tư.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan đến những nội dung quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP.

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi cơ quan đăng ký đầu tư.

+ Cơ quan quản lý về đất đai chịu trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ; cơ quan quản lý về quy hoạch cung cấp thông tin quy hoạch để làm cơ sở thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cơ quan đăng ký đầu tư.

- Bước 4: Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nội dung báo cáo thẩm định gồm:

+ Thông tin về dự án: thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;

+ Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài);

+ Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

+ Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);

+ Đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Đối với dự án không đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư (đánh giá nhà đầu tư có được sử dụng địa điểm đầu tư theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật đất đai hay không).

+ Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư.

- Bước 5: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quyết định chủ trương đầu tư gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý và nhà đầu tư.

\* Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT thì khi lấy ý kiến thẩm định theo Bước 2, ngoài việc lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tại Bước 5, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ban Quản lý. Các bước và nội dung khác thực hiện theo thủ tục chung.

- Bước 6: Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện theo trình tự sau:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư cho Ban Quản lý nơi dự định thực hiện dự án đầu tư.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến dự án đầu tư để lấy ý kiến về các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Ban Quản lý và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Bước 4: Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các nội dung: (i) Nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đối với dự án được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất); (ii) Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có) đối với dự án đầu tư đề nghị giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; (iii) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).

- Bước 5: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm:

+ Thông tin về dự án: thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;

+ Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài);

+ Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

+ Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);

+ Đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Đối với dự án không đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư (đánh giá nhà đầu tư có được sử dụng địa điểm đầu tư theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật đất đai hay không).

+ Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư.

- Bước 6: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư (gồm các nội dung quy định tại Khoản 8 Điều 33 Luật Đầu tư). Văn bản quyết định chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Quản lý và nhà đầu tư.

- Bước 7: Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, thực hiện theo trình tự sau:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ dự án đầu tư cho Ban Quản lý nơi thực hiện dự án đầu tư.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ dự án đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước.

- Bước 3: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 33 của Luật Đầu tư và lập báo cáo thẩm định trình Chính phủ.

- Bước 4: Chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội. Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư gồm: Tờ trình của Chính phủ; Hồ sơ dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật đầu tư; Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước; Tài liệu khác có liên quan.

- Bước 5: Cơ quan được Quốc hội giao chủ trì thẩm tra thực hiện thẩm tra các nội dung: Việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội; Sự cần thiết thực hiện dự án; Sự phù hợp của dự án với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, quy hoạch sử dụng đất, tài nguyên khác; Mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường; Vốn đầu tư, phương án huy động vốn; Tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội; Cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).

- Bước 6: Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư gồm các nội dung: Nhà đầu tư thực hiện dự án; Tên, mục tiêu, quy mô, vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn, thời hạn thực hiện dự án; Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án; trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn; Công nghệ áp dụng; Cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có) và thời hạn hiệu lực của Nghị quyết về chủ trương đầu tư.

- Bước 7: Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;

- Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có);

- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường.

3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;

- Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có);

- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường;

- Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có).

**d) Số lượng hồ sơ**:

- 04 bộ đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.

- 08 bộ đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ**.**

- 21 bộ đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội.

**đ) Thời hạn giải quyết**:

1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định.

- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ban Quản lý.

- Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Ban Quản lý và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

- Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội

Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội

**e) Cơ quan thực hiện**:

Ban Quản lýnơi thực hiện dự án đầu tư.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân và tổ chức), tổ chức kinh tế, nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức).

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo mẫu số II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tưtheo Mẫu I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT;

- Đề xuất dự án đầu tư(đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT;

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

\* Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

- Dự án được nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua một trong các cách thức sau: (i) đấu giá quyền sử dụng đất, (ii) đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất hoặc (iii) nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Đối tượng này không bao gồm dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch.

- Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất. Đối tượng này không bao gồm dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch.

- Dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

- Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch và thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT.

\* Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

Dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại Điều 31 Luật đầu tư, trừ dự án quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch, cụ thể:

Trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo pháp luật về đầu tư công và các dự án quy định tại Điều 30 của Luật này, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây:

1. Dự án không phân biệt nguồn vốn thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Di dân tái định cư từ 10.000 người trở lên ở miền núi, từ 20.000 người trở lên ở vùng khác;

b) Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; vận tải hàng không;

c) Xây dựng và kinh doanh cảng biển quốc gia;

d) Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí;

đ) Hoạt động kinh doanh cá cược, đặt cược, casino;

e) Sản xuất thuốc lá điếu;

g) Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu chức năng trong khu kinh tế;

h) Xây dựng và kinh doanh sân gôn;

2. Dự án của nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, trồng rừng, xuất bản, báo chí, thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ 100% vốn nước ngoài;

3. Dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật.

\* Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội

Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức) thực hiện các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội quy định tại Điều 30 Luật Đầu tư, cụ thể:

Trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội theo pháp luật về đầu tư công, Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư sau đây:

1. Dự án ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, bao gồm:

a) Nhà máy điện hạt nhân;

b) Chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng, lấn biển, bảo vệ môi trường từ 500 héc ta trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 héc ta trở lên;

2. Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên;

3. Di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở các vùng khác;

4. Dự án có yêu cầu phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.

\* Có hồ sơ hợp lệ;

\* Được quyết định chủ trương đầu tư.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**7. Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư cho Ban Quản lý kèm theo tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc tên dự án đầu tư.

- Bước 2: Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Nộp qua internet tại địa chỉ: <http://diza.dongnai.gov.vn/> (vào mục Thủ tục hành chính); hoặc <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/web/bqlkcn>.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;

- Tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc tên dự án đầu tư.

**d) Số lượng hồ sơ**:

01 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết**:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện**:

Ban Quản lý.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo Mẫu II.3 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).

Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương thì Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay thế nội dung dự án đầu tư tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương. Trường hợp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương quy định nội dung đăng ký kinh doanh thì nội dung đăng ký kinh doanh tại các Giấy này tiếp tục có hiệu lực.

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(áp dụng cho điều chỉnh dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

- Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương điều chỉnh các nội dung:

+ Tên dự án đầu tư;

+ Tên nhà đầu tư (không bao gồm việc thay đổi từ nhà đầu tư này sang nhà đầu tư khác);

+ Địa chỉ của nhà đầu tư.

- Có hồ sơ hợp lệ.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**8. Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ cho Ban Quản lý.

- Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Nộp qua internet tại địa chỉ: <http://diza.dongnai.gov.vn/> (vào mục Thủ tục hành chính); hoặc <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/web/bqlkcn>.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;

- Quyết định về việc điều chỉnh dự án đầu tư của nhà đầu tư;

- Tài liệu quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư liên quan đến các nội dung điều chỉnh, cụ thể:

b) Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

c) Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

d) Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

đ) Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

e) Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính.

**d) Số lượng hồ sơ**:

01 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết**:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện**:

Ban Quản lý nơi thực hiện dự án đầu tư

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo Mẫu II.3 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).

Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương thì Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay thế nội dung dự án đầu tư tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương. Trường hợp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương quy định nội dung đăng ký kinh doanh thì nội dung đăng ký kinh doanh tại các Giấy này tiếp tục có hiệu lực.

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(áp dụng cho điều chỉnh dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (Điều 33, 34, 35, 36 Nghị định 118/2015/NĐ-CP) theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

\* Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương điều chỉnh một hoặc một số nội dung trong các nội dung sau và không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư:

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng;

- Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư;

- Vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;

- Thời hạn hoạt động của dự án;

- Tiến độ thực hiện dự án đầu tư;

- Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có);

- Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (nếu có).

\* Có hồ sơ hợp lệ;

\* Nội dung điều chỉnh không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh;

\* Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp dự án có mục tiêu hoạt động thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**9. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP cho Ban Quản lý.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan nêu tại Bước 3, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định về các nội dung điều

- Bước 5: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Bước 6: Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;

- Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư;

- Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có),cụ thể:

b) Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

c) Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

d) Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

đ) Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

e) Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

g) Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

**d) Số lượng hồ sơ**:

04 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết**:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan nêu trên, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định về các nội dung điều chỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**e) Cơ quan thực hiện**:

Ban Quản lý nơi thực hiện dự án đầu tư.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo Mẫu II.3 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(áp dụng đối với trường hợp có điều chỉnh chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc diện UBND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư và nhà đầu tư điều chỉnh một hoặc một số nội dung trong các nội dung sau:

- Điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính;

- Điều chỉnh tăng hoặc giảm trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư;

- Điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

Thủ tục này cũng áp dụng đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành (trước 01/7/2015) và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành. Nay, nhà đầu tư điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 5 Điều 63 Nghị định 118/2016/NĐ-CP).

Được UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**10. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP cho Ban Quản lý.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh (trong phạm vi các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP).

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Bước 4: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP liên quan đến nội dung điều chỉnh.

- Bước 5: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Bước 6: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Quản lý.

- Bước 7: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;

+ Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;

+ Quyết định về việc điều chỉnh dự án đầu tư của nhà đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư), cụ thể:

4. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng.

5. Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư.

6. Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động), tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn.

7. Thời hạn hoạt động của dự án.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn.

10. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có).

+ Tài liệu quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư liên quan đến các nội dung điều chỉnh, cụ thể:

b) Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

c) Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

d) Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

đ) Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

e) Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

g) Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

**d) Số lượng hồ sơ**:

08 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết**:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung điều chỉnh.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện**:

Ban Quản lý nơi thực hiện dự án đầu tư

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức).

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo Mẫu II.3 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tưtheo Mẫu I.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

\* Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc diện Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và nhà đầu tư điều chỉnh một hoặc một số nội dung trong các nội dung sau:

- Điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính;

- Điều chỉnh tăng hoặc giảm trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư;

- Điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

Thủ tục này cũng áp dụng đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành (trước 01/7/2015) và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành. Nay, nhà đầu tư điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 5 Điều 63 Nghị định 118/2016/NĐ-CP).

\* Được Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**11. Chuyển nhượng dự án đầu tư**

**a) Trình tự thực hiện:**

\* Đối với dự án thuộc một trong các trường hợp: (i) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư, (ii) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành:

- Bước 1: Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ cho Ban Quản lý.

- Bước 2: Ban Quản lý xem xét điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

\* Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý:

- Bước 1: Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ cho Ban Quản lý.

- Bước 2: Ban Quản lý xem xét điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư để điều chỉnh văn bản quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

\* Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:

- Bước 1: Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 37 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP cho Ban Quản lý.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được gửi hồ sơ có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Bước 4: Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nội dung quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư (nếu có).

- Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư.

- Bước 6: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Bước 7:

+ Đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư.

+ Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.

\* Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh:

- Bước 1: Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 37 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP cho Ban Quản lý;

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư;

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được gửi hồ sơ xin ý kiến có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình;

- Bước 4: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý lập báo cáo về việc đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Bước 5: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;

- Bước 6:

+ Đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư.

+ Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.

\* Đối với dự án đầu tư đã được quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành thì không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư khi chuyển nhượng dự án đầu tư.

\* Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án đầu tư và thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư đó thì nhà đầu tư thực hiện thủ tục cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, sau đó thực hiện thủ tục thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.

- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư.

- Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có).

- Bản sao Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

- Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

**d) Số lượng hồ sơ**:

- 01 bộ hồ sơ đối với: (i) dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư; (ii) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành.

- 04 bộ hồ sơ đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban Quản lý.

- 08 bộ hồ sơ đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

**đ) Thời hạn giải quyết**:

\* Đối với dự án thuộc một trong các trường hợp: (i) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư, (ii) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

\* Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được gửi hồ sơ có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nếu có).

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.

\* Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được gửi hồ sơ xin ý kiến có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình;

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý lập báo cáo về việc đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;

- Đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư.

+ Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện**:

Ban Quản lý nơi thực hiện dự án đầu tư.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

\* Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh nhưng không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trừ dự án đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành.

\* Thủ tục này cũng áp dụng đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. Trong trường hợp này, Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay cho nội dung dự án đầu tư quy định tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (thay đổi nhà đầu tư) theo Mẫu II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Văn bản điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Ban Quản lýđối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư: Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu I.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Trường hợp không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư: Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

Đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Điều 45 Luật đầu tư, cụ thể:

1. Nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án đầu tư cho nhà đầu tư khác khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật này;

b) Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài;

c) Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

d) Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).

2. Trường hợp chuyển nhượng dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này kèm theo hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư để điều chỉnh nhà đầu tư thực hiện dự án.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**12. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ cho Ban Quản lý nơi thực hiện dự án đầu tư để điều chỉnh dự án đầu tư.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý điều chỉnh, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Nộp qua internet tại địa chỉ: <http://diza.dongnai.gov.vn/> (vào mục Thủ tục hành chính); hoặc <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/web/bqlkcn>.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu có giá trị pháp lý tương đương của nhà đầu tư tiếp nhận dự án đầu tư;

- Bản sao nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư.

**d) Số lượng hồ sơ**:

01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết**:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện**:

Ban Quản lý

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện việc tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế) làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) theo Mẫu II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

Trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**13. Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ cho Ban Quản lý nơi thực hiện dự án đầu tư.

- Bước 2: Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức.

- Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài.

**d) Số lượng hồ sơ**:

- 01 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết**:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

**e) Cơ quan thực hiện**:

Ban Quản lý

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) theo Mẫu II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

Có bản án, quyết định có hiệu lực của tòa án, trọng tài.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**14. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Ban Quản lý.

- Bước 2: Ban Quản lý cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**d) Số lượng hồ sơ**:

- 01 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết**:

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư đối với cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện**:

Ban Quản lý nơi thực hiện dự án đầu tư

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (cấp lại) theo Mẫu II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Không

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

Nhà đầu tư bị mất hoặc hỏng Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**15. Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư gửi đề nghị hiệu đính thông tin cho Ban Quản lý.

- Bước 2: Ban Quản lý hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**d) Số lượng hồ sơ**:

- 01 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết**:

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện**:

Ban Quản lý nơi thực hiện dự án đầu tư

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không đúng với thông tin tại hồ sơ đăng ký đầu tư.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hiệu đính thông tin) theo Mẫu II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**Không

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

Đối với dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không đúng với thông tin tại hồ sơ đăng ký đầu tư.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**16. Giãn tiến độ đầu tư**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư gửi văn bản đề xuất giãn tiến độ cho Ban Quản lý, gồm các nội dung sau:

+ Tình hình hoạt động của dự án đầu tư và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư đến thời điểm giãn tiến độ;

+ Giải trình lý do và thời hạn giãn tiến độ thực hiện dự án;

+ Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án, bao gồm kế hoạch góp vốn, tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động;

+ Cam kết của nhà đầu tư về việc tiếp tục thực hiện dự án.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất, Ban Quản lý có ý kiến bằng văn bản về việc giãn tiến độ đầu tư.

- Bước 3: Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư thì thực hiện theo thủ tục tương ứng về điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư mà không thực hiện theo thủ tục này.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Nộp qua internet tại địa chỉ: <http://diza.dongnai.gov.vn/> (vào mục Thủ tục hành chính); hoặc <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/web/bqlkcn>.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu I.9 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

**d) Số lượng hồ sơ**: 01 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết**:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất của nhà đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện**: Ban Quản lý.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư và nhà đầu tư đề nghị giãn tiến độ đầu tư.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Văn bản về việc giãn tiến độ đầu tư (Khoản 4 Điều 46 Luật đầu tư) theo Mẫu II.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.Khi lên nhận kết quả TTHC, doanh nghiệp nộp lại bộ hồ sơ gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức 3.

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (Khoản 1 Điều 46 Luật đầu tư) theo Mẫu I.9 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

Nhà đầu tư có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư, đề nghị giãn tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư so với tiến độ quy định tại cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**17. Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC nộp hồ sơ đăng ký thành lập văn phòng điều hành tại Ban Quản lý nơi dự kiến đặt văn phòng điều hành.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành gồm tên và địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC; tên, địa chỉ văn phòng điều hành; nội dung, thời hạn, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành; họ, tên, nơi cư trú, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu của người đứng đầu văn phòng điều hành;

- Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành;

- Bản sao quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành;

- Bản sao hợp đồng BCC.

**d) Số lượng hồ sơ**: 01 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết**:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

**e) Cơ quan thực hiện**:Ban Quản lý.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân và tổ chức) và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a, b và c Khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC (Khoản 1 Điều 23 và Khoản 2 Điều 28 Luật đầu tư)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành theo Mẫu II.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành theo Mẫu I.5 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

- Nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tếlà một bên trong hợp đồng BCC;

- Có hồ sơ hợp lệ.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**18. Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành, nhà đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ thông báo cho Ban Quản lý nơi đặt văn phòng điều hành.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban Quản lý quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành trong trường hợp văn phòng điều hành chấm dứt hoạt động trước thời hạn;

- Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán;

- Danh sách người lao động và quyền lợi người lao động đã được giải quyết;

- Xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế;

- Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội;

- Xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu;

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Bản sao hợp đồng BCC.

**d) Số lượng hồ sơ**: 01 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết**:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện**:Ban Quản lý.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân và tổ chức) có văn phòng điều hành trong hợp đồng BCC.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành.

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**Không

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**: Không có.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**19. Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Ban Quản lý.

- Bước 2: Ban Quản lý cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 61 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định lại nội dung dự án đầu tư tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. Trường hợp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương tiếp tục có hiệu lực.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

**d) Số lượng hồ sơ**: 01 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết**:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

**e) Cơ quan thực hiện**:Ban Quản lý.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu II.4 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**: Không có

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**20. Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư gửi yêu cầu bằng văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo đảm ưu đãi đầu tư quy định tại Khoản 4 Điều 13 Luật đầu tư cho Ban Quản lý.

- Bước 2: Ban Quản lý quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm ưu đãi đầu tư theo đề xuất của nhà đầu tư trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư. Trường hợp vượt thẩm quyền thì trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị áp dụng các biện pháp bảo đảm đầu tư gồm các nội dung sau:

+ Tên và địa chỉ của nhà đầu tư;

+ Ưu đãi đầu tư theo quy định tại văn bản pháp luật trước thời điểm văn bản pháp luật mới có hiệu lực gồm: Loại ưu đãi, điều kiện hưởng ưu đãi, mức ưu đãi (nếu có);

+ Nội dung văn bản pháp luật mới có quy định làm thay đổi ưu đãi đầu tư;

+ Đề xuất của nhà đầu tư về áp dụng biện pháp bảo đảm ưu đãi đầu tư quy định tại Khoản 4 Điều 13 Luật Đầu tư.

- Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quy định về ưu đãi đầu tư (nếu có một trong các loại giấy tờ đó).

**d) Số lượng hồ sơ**: 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết**:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện**:Ban Quản lý.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư nước ngoài (tổ chức và cá nhân) có dự án đầu tư thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư nhưng bị bãi bỏ ưu đãi đầu tư (quy định tại Khoản 3 Điều 13 Luật đầu tư).

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Văn bản quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm ưu đãi đầu tư theo đề xuất của nhà đầu tư

**i) Lệ phí**: Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**Văn bản đề nghị do nhà đầu tư lập.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

Đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư đang hưởng ưu đãi đầu tư nhưng bị bãi bỏ ưu đãi đầu tư (quy định tại Khoản 3 Điều 13 Luật đầu tư).

- Văn bản đề nghị gửi Cơ quan đăng ký đầu tư trong thời hạn 3 năm kể từ ngày văn bản mới có hiệu lực thi hành bãi bỏ ưu đãi của nhà đầu tư.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

**21. Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư cho Ban Quản lý nơi dự định thực hiện dự án đầu tư.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan đến những nội dung quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP.

Đối với dự án đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện trong KCN, KCX, KCNC, KKT thì Ban Quản lý lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngoài cơ quan nhà nước có liên quan đến những nội dung quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP.

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Ban Quản lý.

- Bước 4: Trong thời hạn 25 ngày đối với dự án quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật đầu tư và trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan đối với dự án quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư, Ban Quản lý xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

**d) Số lượng hồ sơ**: 04 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết**:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Ban Quản lý.

- Trong thời hạn 25 ngày đối với dự án quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật đầu tư và trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan đối với dự án quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư, Ban Quản lý xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện**:Ban Quản lý nơi thực hiện dự án đầu tư.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) trong nước có dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

- Dự án đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư thực hiện trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch.

- Dự án đầu tư quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật đầu tư thực hiện trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Văn bản quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý KCN, KCX, KCNC, KKTtheo mẫu II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT hoặc Văn bản thông báo từ chối quyết định chủ trương đầu tư (nêu rõ lý do).

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tưtheo Mẫu I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT;

- Đề xuất dự án đầu tưtheo Mẫu I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) trong nước có dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

- Dự án đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư thực hiện trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch, cụ thể:

- Dự án đầu tư quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật đầu tư thực hiện trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch, cụ thể:

a) Dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng; dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất;

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**22. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP cho Ban Quản lý.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.

Đối với dự án đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều 32 Nghị định 118/2015/NĐ-CP, Ban Quản lý lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung điều chỉnh.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan nêu tại Bước 2, Ban Quản lý xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ**:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;

- Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư), cụ thể:

+ Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng.

+ Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư.

+ Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động), tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn.

+ Thời hạn hoạt động của dự án.

+ Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn.

+ Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có).

- Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có), cụ thể:

+ Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

+ Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

+ Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

+ Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

+ Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

**d) Số lượng hồ sơ**: 04 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết**:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được xin ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định, Ban Quản lý xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện**:Ban Quản lý

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Văn bản điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lýKCN, KCX, KCNC, KKT hoặc Văn bản thông báo từ chối điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư (nêu rõ lý do).

**i) Lệ phí**: Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(áp dụng đối với trường hợp có điều chỉnh chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l)Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

- Đối với dự án đầu tư được nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất, dự án đầu tư có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nhà đầu tư (cá nhân, tổ chức) thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tưtrong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính;

+ Điều chỉnh tăng hoặc giảm trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư;

+ Điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

- Thủ tục này cũng áp dụng đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành (trước 01/7/2015) và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành. Nay, nhà đầu tư điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 5 Điều 63 Nghị định 118/2016/NĐ-CP).

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**MẪU ĐƠN, MẪU TỜ KHAI LĨNH VỰC ĐẦU TƯ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mẫu văn bản và căn cứ áp dụng** | **Ký hiệu** |
| **Danh mục I: Mẫu văn bản áp dụng đối với nhà đầu tư** | | |
| 1 | Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư *(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)* | Mẫu I.1 |
| 2 | Đề xuất dự án đầu tư *(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)* | Mẫu I.2 |
| 3 | Đề xuất dự án đầu tư *(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư - Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư)* | Mẫu I.3 |
| 4 | Văn bản đăng ký góp vốn/mua cổ phần/phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài *(Điểm a Khoản 2 Điều 26 Luật đầu tư)* | Mẫu I.4 |
| 5 | Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành  *(Điểm a Khoản 4 Điều 49 Luật đầu tư)* | Mẫu I.5 |
| 6 | Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư *(áp dụng đối với trường hợp dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư - Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)* | Mẫu I.6 |
| 7 | Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư *(Áp dụng cho điều chỉnh dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư- (Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)* | Mẫu I.7 |
| 8 | Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh *(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)* | Mẫu I.8 |
| 9 | Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư  *(Khoản 1 Điều 46 Luật đầu tư)* | Mẫu I.9 |
| 10 | Văn bản thông báo tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư *(Khoản 1 Điều 47 Luật đầu tư)* | Mẫu I.10 |
| 11 | Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư  *(Điểm a, b và c, Khoản 1 Điều 48 Luật đầu tư)* | Mẫu I.11 |
| 12 | Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư  (*Điều 61 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)* | Mẫu I.12 |

**Mẫu I.1**

**Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư**

*(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)*

**CỘNG** **HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**Kính gửi:** Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

Tên Công ty: SPEED HAIR PRODUCTS .LTD

Được thành lập ngày: 25/12/2007; số giấy phép: 91511600669570822M,

Địa chỉ trụ sở: Thôn Hợp Lực, Văn phòng Cổ Kiều, thành phố Hoa Oanh, tỉnh Tứ Xuyên. Trung Quốc.

Điện thoại: 886-3-420-3622 Email: pro@ms81.hinet.net

Đại diện bởi: Ông CHONG KIU WAY: chức vụ Giám đốc, sinh ngày 23 tháng 3 năm 1959, quốc tịch Trung Quốc, hộ chiếu số KJ0000864 cấp ngày 12 / 02 / 2007 tại Trung Quốc, địa chỉ thường trú tại Thôn Hợp Lực, Văn phòng Cổ Kiều, thành phố Hoa Oanh, tỉnh Tứ Xuyên. Trung Quốc.

Điện thoại:  82-55-3388559, Fax:  82-55-3388560.

Email: King@yahoo.com.kr

**II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (trường hợp gắn với thành lập tổ chức kinh tế)**

**1. Loại hình tổ chức kinh tế:** Công ty TNHH Một thành viên

**2. Vốn điều lệ:** (*bằng số*): 3.349.500.000 VNĐ và tương đương 150.000 USD

\*tỷ giá tạm tính ngày 19/9/2016: 22.330VND/USD

**3. Tỷ lệ vốn góp của từng nhà đầu tư:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** |
|  | CÔNG TY TNHH …….. | 3.349.500.000 | 150.000 | 100 |

1. **Ngành nghề:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục tiêu hoạt động** | **Mã ngành theo VSIC** | **Mã ngành CPC** |
| 01 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu  Chi tiết: Sản xuất tóc giả và phụ kiện tóc | **3290** |  |

**III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**Tên dự án đầu tư**: NHÀ MÁY SẢN XUẤT .......VIỆT NAM

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

**IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của Hồ sơ đầu tư và các văn bản sao gửi cơ quan quản lý nhà nước.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**V. HỒ SƠ KÈM THEO**

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư.

- Các hồ sơ liên quan khác *(nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại Đồng Nai, ngày 19 tháng 09 năm 2016  CÔNG TY TNHH ....... VIỆT NAM  TỔNG GIÁM ĐỐC |

(Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên,đóng dấu và giáp lai văn bản)

**Mẫu I.2**

**Đề xuất dự án đầu tư**

*(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư*

*điều 3, 24, 35 Luật Đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư*

*Ngày 30 tháng 12 năm 2016)*

**I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ:**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

**a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: …A……………… Giới tính: .......Nam...........

Sinh ngày: …02… /…01 / 1965……. Quốc tịch: …Hàn Quốc………….

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 131143608

Ngày cấp: 06 /..02/ 2010…, Nơi cấp: …..Hàn Quốc…..

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú: 51, 29 Beon-gil, Sinsan-ro, Saha-gu, Busan Metropolitan, Korea.

Chỗ ở hiện tại: Lô C6, đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai.

Điện thoại: ……………. Fax: ………………. Email: ………………………

**b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:**

Tên doanh nghiệp/tổ chức: ………..Co., LTD

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: NBD/11660

Ngày cấp: 29/10/2010 , Cơ quan cấp: Brunei Darussalam.

Địa chỉ trụ sở: Rm 51, 5th Floor, Britannia House,Jalan Cator, Bandar Seri Begawan BS 8811, Negara Brunei Darussalam.

Điện thoại: +886932045569 Fax: ….. Email: wu932045569@yahoo.com Website: www.chientabolt.com

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:**

Họ tên: …..A…. Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc Sinh ngày: 30/06/1971 Quốc tịch: Trung Quốc(Đài Loan).

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 300540650

Ngày cấp: 29 / Jul/2009 Nơi cấp: Taipei City

Địa chỉ thường trú: ……………., Lane 297, Chu – Lin Road, Linkou,Taipei County 244, Taiwan.

Chỗ ở hiện tại: …….., đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai

Điện thoại: 0918 262 569 Fax: 0613 993908 Email: [lee@chientabolt.com](mailto:lee@chientabolt.com)

**2. Nhà đầu tư tiếp theo:** thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất………………….

**Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:**

**II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU**

1. **Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:** 
   1. Tên dự án:

**DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT ...A.... VINA ĐỒNG NAI**

* 1. Địa điểm thực hiện dự án: Lô số....., đường số ......, KCN An Phước, xã An Phước,huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Diện tích sử dụng: 1.400 m2

**2. Mục tiêu dự án:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục tiêu hoạt động** | **Tên ngành**  *(Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)* | **Mã ngành theo VSIC**  *(Mã ngành cấp 4)* | **Mã ngành CPC (\*)**  *(đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)* |
| 1 | Sản xuất các loại khuôn đúc | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 2599 |  |
| 2 | Sản xuất linh kiện máy hút bụi (ống nối, bàn chải, nắp đậy, …) | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 2220 |  |
| 3 | - Sản xuất hộp nhựa Danpla, tấm, xốp chèn | - Sản xuất sản phẩm từ plastic | 2220 |  |

*Ghi chú:*

*- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.*

*- (\*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.*

**3. Quy mô đầu tư:**

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Diện tích sử dụng: 1.400 m2

- Công suất thiết kế:

+ Sản xuất, sửa chữa các loại khuôn đúc, quy mô 500 sản phẩm/năm, tương đương khoảng 400 tấn/năm.

+ Sản xuất, lắp ráp linh kiện máy hút bụi (ống nối, bàn chải, nắp đậy, …), quy mô 450 tấn/năm.

+ Sản xuất hộp nhựa danpla, tấm, khuôn cao su, xốp chèn, quy mô 450 tấn/năm.

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Sản xuất các loại khuôn đúc; Sản xuất linh kiện máy hút bụi (ống nối, bàn chải, nắp đậy, …); Sản xuất hộp nhựa danpla, tấm, khuôn cao su, xốp chèn; Gia công, lắp ráp bàn làm việc, bàn thao tác; Gia công, lắp ráp các loại máy dùng trong công nghiệp; Gia công, lắp ráp linh kiện điện, điện tử dùng cho điện thoại di động và các thiết bị điện, điện tử khác như: bo mạch điện tử, các loại rơ le

- Quy mô kiến trúc xây dựng: Văn phòng và nhà xưởng sản xuất 1.400 m2

**4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất***(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đấttheoquy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất *(địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);*

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất*(nếu có)*;

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất *(lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)*

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5.Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai*.*

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư*(nếu có):*

**5. Vốn đầu tư:**

5.1. Tổng vốn đầu tư: Tổng vốn đầu tư: 890.400.000.000 (tám trăm chín mươi tỷ, bốn trăm triệu) đồng Việt Nam, tương đương 40.000.000 (bốn mươi triệu) đô la Mỹ. (Tỷ giá bán ra của Ngân hàng Nhà nước ngày 1 /12/2016 là: 1USD = 22.300VNĐ), trong đó:

a) Vốn cố định: ................. VNĐ*(Sáu tỷ không trăm hai mươi mốt triệu đồng Việt Nam*)và tương đương ............... USD*(Hai trăm bảy mươi ngàn đô la Mỹ).*

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư *(nếu có)*:

- Chi phí thuê đất, mặt nước,…:

- Chi phí xây dựng công trình:

- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;

- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.

- Chi phí dự phòng;

Cộng: ………………………..

b) Vốn lưu động: ................... VNĐ*(Mười sáu tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu đồng Việt Nam*)và tương đương ................ USD*(Hai trăm ba mươi ngàn đô la Mỹ).*

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** | **Phương thức góp vốn (\*)** | **Tiến độ góp vốn** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** |
| 1 | CÔNG TY TNHH ...A...VINA | ……….. | ……. | *100%* | Tiền mặt | Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |

b) Vốn huy động: ................. VNĐ*(Mười sáu tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu đồng Việt Nam*)và tương đương ..................... USD (Bảy trăm ba mươi ngànđô la Mỹ*). (Tỷ giá bán ra của Ngân hàng Nhà nước ngày ..../01/2017 là: 1USD = 22.300VNĐ)*

- Phương pháp huy động vốn: Vốn huy động sẽ được vay từ các ngân hàng thương mại hoặc tổ chức tín dụng trong và ngoài nước phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Vốn khác: Không (hoặc nếu có)

**6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:** 25 *(hai mươi lăm)* năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**7. Tiến độ thực hiện dự án:** Dự kiến đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh vào tháng 8/2018.

**8. Nhu cầu về lao động:** Dự án dự định sử dụng 56 lao động, trong đó:

- Lao động nước ngoài: 06 lao động;

- Lao động Việt Nam: 50 lao động.

**9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án**

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ....).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**10. Giải trình về sử dụng công nghệ:***(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

- Tên công nghệ;

- Xuất xứ công nghệ;

- Sơ đồ quy trình công nghệ;

- Thông số kỹ thuật chính;

- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;

- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

**11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài***(nếu có): …………*

**III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ** *(ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)*

**1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:...

**2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:...

**3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:

**4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư** *(nếu có)***:** ..................................................................

Làm tại ……., ngày ….. tháng …..năm……

**Nhà đầu tư**

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên,chức danh, ký nháy từng trang hoặc đóng dấu *(nếu có)*

**Mẫu I.3**

**Đề xuất dự án đầu tư**

*(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư*

*Khoản 2 điều 37 Luật Đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư*

*Ngày 30 tháng 12 năm 2016)*

**I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ:**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

**a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: …A……………… Giới tính: .......Nam...........

Sinh ngày: …02… /…01 / 1965……. Quốc tịch: …Hàn Quốc………….

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 131143608

Ngày cấp: 06 /..02/ 2010…, Nơi cấp: …..Hàn Quốc…..

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú: 51, 29 Beon-gil, Sinsan-ro, Saha-gu, Busan Metropolitan, Korea.

Chỗ ở hiện tại: Lô C6, đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai.

Điện thoại: ……………. Fax: ………………. Email: ………………………

**b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:**

Tên doanh nghiệp/tổ chức: ………..Co., LTD

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: NBD/11660

Ngày cấp: 29/10/2010 , Cơ quan cấp: Brunei Darussalam.

Địa chỉ trụ sở: Rm 51, 5th Floor, Britannia House,Jalan Cator, Bandar Seri Begawan BS 8811, Negara Brunei Darussalam.

Điện thoại: +886932045569 Fax: ….. Email: wu932045569@yahoo.com Website: www.chientabolt.com

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:**

Họ tên: …..A…. Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc Sinh ngày: 30/06/1971 Quốc tịch: Trung Quốc(Đài Loan).

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 300540650

Ngày cấp: 29 / Jul/2009 Nơi cấp: Taipei City

Địa chỉ thường trú: ……………., Lane 297, Chu – Lin Road, Linkou,Taipei County 244, Taiwan.

Chỗ ở hiện tại: …….., đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai

Điện thoại: 0918 262 569 Fax: 0613 993908 Email: [lee@chientabolt.com](mailto:lee@chientabolt.com)

**2. Nhà đầu tư tiếp theo:** thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất………………….

**Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:**

**II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU**

1. **Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:** 
   1. Tên dự án:

**DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT ...A.... VINA ĐỒNG NAI**

* 1. Địa điểm thực hiện dự án: Lô số....., đường số ......, KCN An Phước, xã An Phước,huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Diện tích sử dụng: 1.400 m2

**2. Mục tiêu dự án:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục tiêu hoạt động** | **Tên ngành**  *(Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)* | **Mã ngành theo VSIC**  *(Mã ngành cấp 4)* | **Mã ngành CPC (\*)**  *(đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)* |
| 1 | Sản xuất các loại khuôn đúc | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 2599 |  |
| 2 | Sản xuất linh kiện máy hút bụi (ống nối, bàn chải, nắp đậy, …) | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 2220 |  |
| 3 | - Sản xuất hộp nhựa Danpla, tấm, xốp chèn | - Sản xuất sản phẩm từ plastic | 2220 |  |

*Ghi chú:*

*- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.*

*- (\*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.*

**3. Quy mô đầu tư:**

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Diện tích sử dụng: 1.400 m2

- Công suất thiết kế:

+ Sản xuất, sửa chữa các loại khuôn đúc, quy mô 500 sản phẩm/năm, tương đương khoảng 400 tấn/năm.

+ Sản xuất, lắp ráp linh kiện máy hút bụi (ống nối, bàn chải, nắp đậy, …), quy mô 450 tấn/năm.

+ Sản xuất hộp nhựa danpla, tấm, khuôn cao su, xốp chèn, quy mô 450 tấn/năm.

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Sản xuất các loại khuôn đúc; Sản xuất linh kiện máy hút bụi (ống nối, bàn chải, nắp đậy, …); Sản xuất hộp nhựa danpla, tấm, khuôn cao su, xốp chèn; Gia công, lắp ráp bàn làm việc, bàn thao tác; Gia công, lắp ráp các loại máy dùng trong công nghiệp; Gia công, lắp ráp linh kiện điện, điện tử dùng cho điện thoại di động và các thiết bị điện, điện tử khác như: bo mạch điện tử, các loại rơ le

- Quy mô kiến trúc xây dựng: Văn phòng và nhà xưởng sản xuất 1.400 m2

**4. Vốn đầu tư:**

4.1. Tổng vốn đầu tư: 22.300.000.000 VNĐ*(Hai mươi hai tỷ ba trăm triệu đồng Việt Nam*)và tương đương 1.000.000 USD*(Một triệu đô la Mỹ)*.*(Tỷ giá bán ra của Ngân hàng Nhà nước ngày 1 /12/2016 là: 1USD = 22.300VNĐ)*, trong đó:

a) Vốn cố định: 6.021.000.000 VNĐ*(Sáu tỷ không trăm hai mươi mốt triệu đồng Việt Nam*)và tương đương 270.000 USD*(Hai trăm bảy mươi ngàn đô la Mỹ).*

b) Vốn lưu động: 16.279.000.000 VNĐ*(Mười sáu tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu đồng Việt Nam*)và tương đương 730.000 USD*(Hai trăm ba mươi ngàn đô la Mỹ).*

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** | **Phương thức góp vốn (\*)** | **Tiến độ góp vốn** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** |
| 1 | CÔNG TY TNHH ...A...VINA | 6.021.000.000 | 270.000 | *100%* | Tiền mặt | Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |

b) Vốn huy động: 16.279.000.000 VNĐ*(Mười sáu tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu đồng Việt Nam*)và tương đương 730.000 USD (Bảy trăm ba mươi ngànđô la Mỹ*). (Tỷ giá bán ra của Ngân hàng Nhà nước ngày ..../01/2017 là: 1USD = 22.300VNĐ)*

- Phương pháp huy động vốn: Vốn huy động sẽ được vay từ các ngân hàng thương mại hoặc tổ chức tín dụng trong và ngoài nước phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Vốn khác: Không (hoặc nếu có)

**5. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:** 25 *(hai mươi lăm)* năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**6. Tiến độ thực hiện dự án:** Dự kiến đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh vào tháng 8/2018.

**7. Nhu cầu về lao động:** Dự án dự định sử dụng 56 lao động, trong đó:

- Lao động nước ngoài: 06 lao động;

- Lao động Việt Nam: 50 lao động.

**8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:**

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ....).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**9. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài** *(nếu có): ………..*

**III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ** *(ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)*

**1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:..

**2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:..

**3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:.

**4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư** *(nếu có)***:** ..................................................................

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại ……., ngày ….. tháng …..năm……  **Nhà đầu tư**  Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên,chức danh, ký nháy từng trang hoặc đóng dấu *(nếu có)* |

**Mẫu I.4**

*Văn bản đăng ký góp vốn/mua cổ phần/phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài*

*(Điểm a Khoản 2 Điều 26 Luật đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐĂNG KÝ GÓP VỐN/MUA CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP**

Kính gửi: SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐỒNG NAI

Nhà đầu tư đăng ký góp vốn/mua cổ phần/mua lại phần vốn góp vào CÔNG TY TNHH .............. với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

*a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:*

Họ tên (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): ...................... Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 14/ 01/ 1980, Quốc tịch: Hàn Quốc.

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số: M07568216

Ngày cấp: 18 / 01 / 2011 Nơi cấp: Hàn Quốc

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú: …126- 802 XI A.P.T, Banpo 1 Dong, Seocho-Gu, Seoul, Korea.

Chỗ ở hiện tại: 126- 802 XI A.P.T, Banpo 1 Dong, Seocho-Gu, Seoul, Korea.

Điện thoại: 008.698.200999….Fax: ……………….Email: ……………

*b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:*

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*): ……………..., LTD

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập: 124-81-26760

Do: Hàn Quốc Cấp/phê duyệt ngày 07 tháng 01 năm 1995

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: 20-4, Buk-Ri

Xã/Phường/Thị trấn: Namsa-Myeon, Cheoin-Gu

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Young-In-Si

Tỉnh/Thành phố: Gyeonggi-Do

Quốc gia: Korea

Điện thoại: 800.789267 Fax:

Email: Website:

***Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:***

- Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): ………….. Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24/01/1954 Dân tộc: Hàn Quốc tịch: Hàn Quốc

Số giấy chứng thực cá nhân: Hộ chiếu số GK1672701

Ngày cấp: 05/12/2005 Ngày hết hạn: 05/12/2015 Nơi cấp: Hàn Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: 4101-103 Daewon Cantavil

Xã/Phường/Thị trấn: Eeunmok Vilage, Jung-Dong

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Gihung-Gu, Yong-In-Si

Tỉnh/Thành phố: Gyeonggi-do

Quốc gia: Korea

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: 4101-103 Daewon Cantavil

Xã/Phường/Thị trấn: Eeunmok Vilage, Jung-Dong

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Gihung-Gu, Yong-In-Si

Tỉnh/Thành phố: Gyeonggi-do

Quốc gia: Korea

Điện thoại: …………….Fax: ……………….Email: ……………

**2. Nhà đầu tư tiếp theo** *(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):*

**II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ NHẬN GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN, PHẦN VỐN GÓP:**

**1. Tên tổ chức kinh tế** *(ghi bằng chữ in hoa)***:**

- Tên bằng tiếng Việt*:* **CÔNG TY TNHH ..............VINA**

- Tên bằng tiếng nước ngoài *(nếu có): .....***VINA PRECISION CO., LTD**

- Tên viết tắt *(nếu có): ……………………………………………*

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3602648989

**3. Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** Lô số.....,đường số 01, KCN Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**5.Ngành, nghề kinh doanh:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành** | **Mã ngành theo VSIC** | **Mã ngành CPC** |
| 1 | Đúc sắt thép:  Sản xuất các loại đầu thép nối các cọc bê tông | 2431 |  |
| 2 | Sản xuất các kết cấu kim loại:  Sản xuất các sản phẩm thép dùng trong ngành xây dựng | 2511 |  |

**6. Vốn điều lệ** (*bằng số*): 22.470.000.000 VNĐ và tương đương 1.400.0000 USD *(nếu có).*

**7. Tỷ lệ hiện hữu về sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** |
| 01 | …… PRECISION CO., LTD | 14.605.500.000 | 910.000 | 65 |
| 02 | …..HYDRAULIC CO., LTD | 7.864.500.000 | 490.000 | 35 |
| Tổng | | 22.470.000.000 | 1.400.000 | 100 |

**III. TỶ LỆ SỞ HỮU VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TỪNG NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI SAU KHI GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN, PHẦN VỐN GÓP:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** |
| 01 | ………. PRECISION CO., LTD | 22.470.000.000 | 1.400.000 | 100 |

**IV. GIẢI TRÌNH VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** *(nếu có)***.**

*(Giải trình về đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ; Hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động, đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư và điều kiện khác theo quy định của điều ước quốc tế)*

**V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

1. Về tính chính xác của nội dung của hồ sơ đầu tư

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**VI. HỒ SƠ KÈM THEO**

Hồ sơ quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 26 Luật Đầu tư.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại Long Thành, ngày 16 tháng 01 năm 2017  **Đại diện theo Pháp luật của Công ty**  **Tổng giám đốc**  (Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên,đóng dấu và giáp lai văn bản) |

**Mẫu I.6**

**Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư**

*(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)*

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH ĐỒNG NAI

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

**a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: …A……………… Giới tính: .......Nam...........

Sinh ngày: …02… /…01 / 1965……. Quốc tịch: …Hàn Quốc………….

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 131143608

Ngày cấp: 06 /..02/ 2010…, Nơi cấp: …..Hàn Quốc…..

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú: 51, 29 Beon-gil, Sinsan-ro, Saha-gu, Busan Metropolitan, Korea.

Chỗ ở hiện tại: Lô C6, đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai.

Điện thoại: ……………. Fax: ………………. Email: ………………………

**b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:**

Tên doanh nghiệp/tổ chức: ………..Co., LTD

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: NBD/11660

Ngày cấp: 29/10/2010 , Cơ quan cấp: Brunei Darussalam.

Địa chỉ trụ sở: Rm 51, 5th Floor, Britannia House,Jalan Cator, Bandar Seri Begawan BS 8811, Negara Brunei Darussalam.

Điện thoại: +886932045569 Fax: ….. Email: wu932045569@yahoo.com Website: www.chientabolt.com

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:**

Họ tên: …..A…. Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc Sinh ngày: 30/06/1971 Quốc tịch: Trung Quốc(Đài Loan).

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 300540650

Ngày cấp: 29 / Jul/2009 Nơi cấp: Taipei City

Địa chỉ thường trú: ……………., Lane 297, Chu – Lin Road, Linkou,Taipei County 244, Taiwan.

Chỗ ở hiện tại: …….., đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai

Điện thoại: 0918 262 569 Fax: 0613 993908 Email: [lee@chientabolt.com](mailto:lee@chientabolt.com)

**2. Nhà đầu tư tiếp theo:** thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất…..

**II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Tên tổ chức kinh tế:** CÔNG TY TNHH ………….

**2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:** 472023000524 do BQL các KCN Đồng Nai cấp lần đầu ngày: 10/07/2002.

**III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:**

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT……..với nội dung như sau:

**1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên giấy** | **Số giấy/Mã số dự án** | **Ngày cấp** | **Cơ quan cấp** | **Ghi chú**  *(Còn hoặc hết hiệu lực)* |
| 1 | Giấy CNĐT điều chỉnh lần thứ 4 | 472023000524 | 28/02/2011 | BQL các KCN Đồng Nai | Còn hiệu lực |
| 2 | ĐC lần 5 | 05/03/2014 |
| 3 | ĐC lần 6 | 30/10/2014 |
| 4 | ĐC lần 7 | 13/04/2015 |

**2. Nội dung điều chỉnh:**

**2.1. Nội dung điều chỉnh 1:**Mục tiêu và quy mô dự án:

**Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :**

- Sản xuất, gia công các loại bu lông, tán, long dền,đinh, vít, ngũ kim; các loại linh kiện bằng thép của xe mô tô, ô tô và các sản phẩm điện gia dụng với quy mô 2.000 tấn/ năm .

- Xử lý nhiệt và gia công xử lý nhiệt với quy mô 2.000tấn/ năm.

**Nay đăng ký điều chỉnh thành**:

- Sản xuất, gia công các loại bu lông, tán, long dền, đinh, vít, ngũ kim; các loại linh kiện bằng thép của xe mô tô, ô tô và các sản phẩm điện gia dụng với quy mô 2.000 tấn/ năm.

- Xử lý nhiệt và gia công xử lý nhiệt với quy mô 2.000 tấn/ năm.

- Sản xuất ……………………..với quy mô………sản phẩm/năm.

**Lý do điều chỉnh:**

- Công ty muốn đa dạng hóa sản phẩm, tạo thêm nhiều cơ hội cho khách hàng lựa chọn sản phẩm phù hợp theo yêu cầu .

- ………………………..

- Quy trình sản xuất chi tiết đối với mục tiêu bổ sung:

…………………………………

**2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo** *(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1)***:**

**IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ** *(nếu có)***:**

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư *....*NHÀ MÁY SẢN XUẤT……với nội dung như sau:

**1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên giấy** | **Số giấy/Mã số dự án** | **Ngày cấp** | **Cơ quan cấp** | **Ghi chú**  *(Còn hoặc hết hiệu lực)* |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**2. Nội dung điều chỉnh:**

**2.1. Nội dung điều chỉnh 1:**

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh: .............................................

- Nay đăng ký sửa thành: ................................................................................

- Lý do điều chỉnh: ..........................................................................................

**2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo***(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1)***:** ………………….

**3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh** *(nếu có)***:**

……………………………

**IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:**

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**V. HỒ SƠ KÈM THEO:**

1. Quyết định của Chủ đầu tư;

2. Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư;

3. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

4…………..

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại Đồng Nai, ngày …. tháng …. năm 2017  **Đại diện Công ty TNHH A** |

(Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên,

đóng dấu và giáp lai văn bản)

**Mẫu I.7**

**Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư***(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư -*

*Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)*

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH ĐỒNG NAI

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

**a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: …A……………… Giới tính: .......Nam...........

Sinh ngày: …02… /…01 / 1965……. Quốc tịch: …Hàn Quốc………….

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 131143608

Ngày cấp: 06 /..02/ 2010…, Nơi cấp: …..Hàn Quốc…..

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú: 51, 29 Beon-gil, Sinsan-ro, Saha-gu, Busan Metropolitan, Korea.

Chỗ ở hiện tại: Lô C6, đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai.

Điện thoại: ……………. Fax: ………………. Email: ………………………

**b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:**

Tên doanh nghiệp/tổ chức: ………..Co., LTD

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: NBD/11660

Ngày cấp: 29/10/2010 , Cơ quan cấp: Brunei Darussalam.

Địa chỉ trụ sở: Rm 51, 5th Floor, Britannia House,Jalan Cator, Bandar Seri Begawan BS 8811, Negara Brunei Darussalam.

Điện thoại: +886932045569 Fax: ….. Email: wu932045569@yahoo.com Website: www.chientabolt.com

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:**

Họ tên: …..A…. Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc Sinh ngày: 30/06/1971 Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan).

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 300540650

Ngày cấp: 29 / Jul/2009 Nơi cấp: Taipei City

Địa chỉ thường trú: ……………., Lane 297, Chu – Lin Road, Linkou,Taipei County 244, Taiwan.

Chỗ ở hiện tại: …….., đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai

Điện thoại: 0918 262 569 Fax: 0613 993908 Email: [lee@chientabolt.com](mailto:lee@chientabolt.com)

**2. Nhà đầu tư tiếp theo:** thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất…..

**II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Tên tổ chức kinh tế:** CÔNG TY TNHH ………….

**2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:** 472023000524 do BQL các KCN Đồng Nai cấp lần đầu ngày: 10/07/2002.

**III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:**

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT……..với nội dung như sau:

**1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên giấy** | **Số giấy/Mã số dự án** | **Ngày cấp** | **Cơ quan cấp** | **Ghi chú**  *(Còn hoặc hết hiệu lực)* |
| 1 | Giấy CNĐT điều chỉnh lần thứ 4 | 472023000524 | 28/02/2011 | BQL các KCN Đồng Nai | Còn hiệu lực |
| 2 | ĐC lần 5 | 05/03/2014 |
| 3 | ĐC lần 6 | 30/10/2014 |
| 4 | ĐC lần 7 | 13/04/2015 |

**2. Nội dung điều chỉnh:**

**2.1. Nội dung điều chỉnh 1:**Mục tiêu và quy mô dự án:

**Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư:**

- Sản xuất, gia công các loại bu lông, tán, long dền,đinh, vít, ngũ kim; các loại linh kiện bằng thép của xe mô tô, ô tô và các sản phẩm điện gia dụng với quy mô 2.000 tấn/ năm .

- Xử lý nhiệt và gia công xử lý nhiệt với quy mô 2.000tấn/ năm.

**Nay đăng ký điều chỉnh thành**:

- Sản xuất, gia công các loại bu lông, tán, long dền, đinh, vít, ngũ kim; các loại linh kiện bằng thép của xe mô tô, ô tô và các sản phẩm điện gia dụng với quy mô 2.000 tấn/ năm.

- Xử lý nhiệt và gia công xử lý nhiệt với quy mô 2.000 tấn/ năm.

- Sản xuất ……………………..với quy mô………sản phẩm/năm.

**Lý do điều chỉnh:**

- Công ty muốn đa dạng hóa sản phẩm, tạo thêm nhiều cơ hội cho khách hàng lựa chọn sản phẩm phù hợp theo yêu cầu .

- ………………………..

- Quy trình sản xuất chi tiết đối với mục tiêu bổ sung:

…………………………………

**2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo** *(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1)***:**

**3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh** *(nếu có)***:**

……………………………

**IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:**

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**V. HỒ SƠ KÈM THEO:**

1. Quyết định của Chủ đầu tư;

2. Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư;

3. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

4…………..

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại Đồng Nai, ngày …. tháng …. năm 2017  **Đại diện Công ty TNHH A** |

(Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên,

đóng dấu và giáp lai văn bản)

**Mẫu I.8**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Nhà đầu tư: **…Công ty A…**báo cáo về tình hình hoạt động của dự án **Nhà máy……** số Giấy chứng nhận đầu tư 6525070512 ngày 19 tháng 5 năm 2016 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp, số liệu báo cáo cập nhật đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 với các nội dung:

**1. Tiến độ dự án:** Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh**:**

- Tổng diện tích xây dựng: ….m2.

- Tổng diện tích đất sử dụng: 16.606 m2.

- Trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh: đã trang bị máy móc thiết bị sản xuất và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính thức từ tháng 8 năm 2000.

**2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:**

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện:49.600.000.000 đồng Việt Nam tương đương 3.100.000đô la Mỹ đạt 67% so với tổng vốn đầu tư đăng ký, trong đó:

- Vốn góp:2.100.000đô la Mỹ, tiến độ góp: đã góp đủ

- Vốn vay: 1.000.000 USD (nguồn vốn: vay từ Công ty mẹ).

- Vốn khác: không.

**3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:** đã thực hiện đúng theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư (Trường hợp, nếu có thay đổi nội dung gì khác với giấy phép đã cấp, đề nghị báo cáo cụ thể tại mục này).

**4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:**

- Doanh thu: 385.6 tỷ đồng

- Giá trị xuất khẩu: 61.7 triệu đồng.

- Giá trị nhập khẩu: 107.7 tỷ đồng

- Lợi nhuận (trước thuế): 98.7tỷ đồng

- Ưu đãi đầu tư được hưởng: theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số ……….. do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động: 513 người, người Việt Nam: 501, người nước ngoài : 02

**5. Những kiến nghị cần giải quyết**:(nếu có)

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại Đồng Nai, ngày …. tháng …. năm 2017  Đại diện Công ty TNHH A(Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên, đóng dấu và giáp lai văn bản) |

**Mẫu I.9**

**Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư**

*(Khoản 1 Điều 46 Luật đầu tư)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
----------------

**VĂN BẢN ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: **Ban Quản lý các KCN Đồng Nai**

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

*a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:*

Họ tên: **Nguyễn Văn A**  Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: **26/8/1982** Quốc tịch: **Hàn Quốc**

*b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:*

Tên doanh nghiệp/tổ chức: **Công ty TNHH A**

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập: **472043001168**

Ngày cấp: **18/5/2016** Cơ quan cấp: **Ban Quản lý các KCN Đồng Nai**

2. Nhà đầu tư tiếp theo*(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):*

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:**CÔNG TY TNHH A**

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:**472043001168** do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp lần đầu ngày: 18/5/2016

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC

1. Tình hình hoạt động của dự án

1.1. Thực hiện các thủ tục hành chính *:* Đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định.

1.2. Tiến độ triển khai dự án *(nêu theo từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn)*:

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn: **trong vòng 24 tháng kể từ ngày cấp Giấy CNĐT**.

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động *(nếu có)*: **Nhà xưởng và bể chứa nước thải đang thi công**.

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động: **Đang thúc đẩy tiến độ xây dựng các hạng mục công trình.**

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp: **Đã nộp đầy đủ**.

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ *(nếu có)*: Không.

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác *(nếu có)*: **lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,… thực hiện đầy đủ.**

IV. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ

**Đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư Công ty TNHH A, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh mã số/số 472043001168, do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 18/11/2014 với nội dung như sau:**

1. Nội dung cụ thể giãn tiến độ: *(ghi cụ thể nội dung đề xuất giãn tiến độ như tiến*

*- Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:***Đến tháng 02/2017**

*- Tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động:***Tháng 5/2017**

2. Thời gian giãn tiến độ: **6 tháng.**

3. Giải trình lý do giãn tiến độ: **Do tiến độ xây dựng công trình chậm trễ hoặc việc xây dựng nhà máy không đáp ứng được yêu cầu ban đầu**.

4. Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án:

- Kế hoạch góp vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động:

**V. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Về việc tiếp tục thực hiện dự án

3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**VI. HỒ SƠ KÈM THEO**

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư *(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dư án hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật)*.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại ……., ngày ….. tháng ….. năm……  **CÔNG TY TNHH A**  Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu *(nếu có)* |

Đã ký

**NGUYEN VAN A**

**Mẫu I.10**

**Văn bản thông báo tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư**

*(Khoản 1 Điều 47 Luật đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: ……….. *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

*a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:*

Họ tên: **NGUYEN VAN A** Giới tính: Nam

Sinh ngày: …….../ / …………. Quốc tịch: Việt Nam

*b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:*

Tên doanh nghiệp/tổ chức: **Công ty TNHH A**

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập: ..............

Ngày cấp: **22/11/2006** Cơ quan cấp: **Ban Quản lý các KCN**

**2. Nhà đầu tư tiếp theo** *(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):*

**II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Tên tổ chức kinh tế: Công ty TNHH A**

**2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:** ………do ..……………. (*tên cơ quan cấp*) cấp lần đầu ngày: ………………………

**III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC**

**1. Tình hình hoạt động của dự án**

1.1. Thực hiện các thủ tục hành chính *(nêu các thủ tục đã thực hiện, chưa thực hiện):*

1.2. Tiến độ triển khai dự án *(nêu theo từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn)*:

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn: ……………….

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động *(nếu có)*: ………

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động: …………………….

**2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính**

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp: ........

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ *(nếu có):*......

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác *(nếu có)*: lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba, ......

**IV. NỘI DUNG TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Thông báo tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư *(tên dự án)*....................., đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh mã số/số .............., do ……. *(tên cơ quan cấp)* cấp ngày.............. với nội dung như sau:

1. Nội dung tạm ngừng hoạt động *(ghi cụ thể việc ngừng từng phần hay toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư):*

2. Thời gian tạm ngừng hoạt động *(từ ngày... tháng... năm đến ngày .... tháng .... năm ......)*:

3. Giải trình lý do tạm ngừng hoạt động:

4. Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án:

- Kế hoạch góp vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động:

**V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**V. HỒ SƠ KÈM THEO**

1. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư;

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư *(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật)*.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại……., ngày ….. tháng ….. năm……  **Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế**  Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu *(nếu có)* |

**NGUYEN VAN A**

**Mẫu I.11**

**Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư**

*(Điểm a, b và c, khoản 1 Điều 48 Luật đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: ……….. *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

*a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:*

Họ tên: **NGUYEN VAN A** Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: …….../ / …………. Quốc tịch: **Việt Nam**.

*b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:*

Tên doanh nghiệp/tổ chức: **Công ty TNHH A**

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập: ..............

Ngày cấp: 22/11/2006 Cơ quan cấp: **Ban Quản lý các KCN**

**2. Nhà đầu tư tiếp theo** *(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):*

**II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Tên tổ chức kinh tế: Công ty TNHH A**

**2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:** ………… do … .. . . (*tên cơ quan cấp*) cấp lần đầu ngày: ………………………………

**III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC ĐẾN THỜI ĐIỂM CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN**

**1. Tình hình hoạt động của dự án**

- Tình hình góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tình hình xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động *(nếu có)*:

- Tình hình thực hiện các mục tiêu hoạt động:

**2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính**

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp: ........

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ *(nếu có):*......

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác *(nếu có)*: *lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba, ......*

**IV. NỘI DUNG CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư *(tên dự án)*............................., đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh mã số/số ..............., do ……….. *(tên cơ quan cấp)* cấp ngày........ với nội dung như sau:

1. Thời điểm chấm dứt hoạt động của dự án: từ ngày... tháng... năm.......

2. Giải trình lý do chấm dứt hoạt động: ……………………………

**V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**VI. HỒ SƠ KÈM THEO**

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc chấm dứt hoạt động của dự án *(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại ……., ngày ….. tháng ….. năm……  **Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế**  Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu *(nếu có)* |

**Công ty TNHH A**

**Mẫu I.12**

*(Điều 61 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
----------------**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ   
ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

*Kính gửi:* **Ban Quản Lý Các Khu Công Nghiệp Đồng Nai**

Nhà đầu tư đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ………………… HONG KONG COMPANY LTD.,**

Giấy phép thành lập số : 12723422, Ngày cấp: 21/4/2008

Nơi cấp : Hồng Kông

Địa chỉ trụ sở : ........., No. 83 Hung To Road, Kwun Tong, Kowloon, Hong Kong

Điện thoại : ……… Fax: ………….Email: ……………

Thông tin về người đại diện của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên : …………………

Giới tính : Nam

Chức danh : Chủ tịch

Sinh ngày : 15/9/1963

Quốc tịch : Nhật Bản

Số hộ chiếu : TH 1761012

Ngày cấp : 06/10/2010

Nơi cấp : Nhật Bản

Địa chỉ thường trú : ………………Nishigamo, Kita-ku, Kyoto 603-8816, Nhật Bản

Chỗ ở hiện tại : ……………… Nishigamo, Kita-ku, Kyoto 603-8816, Nhật Bản

Điện thoại : …………… Fax: …………… Email: …………

**II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Tên tổ chức kinh tế: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN …………**

**2. Số GCNĐT:** 472043000630 do Ban Quản lý các Khu Công Nghiệp Đồng Nai chứng nhận lần đầu ngày 26/6/1997, chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 06/5/2014.

**III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ ĐỔI SANG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

1. Các Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh và các giấy điều chỉnh đã được cấp:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên giấy** | **Số giấy/Mã số**  **dự án** | **Ngày cấp** | **Cơ quan cấp** | **Ghi chú**  *(Còn hoặc hết*  *hiệu lực)* |
| 01 | Giấy chứng nhận đầu tư | 472043001212 | cấp lần đầu ngày 26/6/1997, chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 06/5/2014. | Ban Quản lý các Khu Công Nghiệp Đồng Nai | Còn hiệu lực |
| 02 | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | 3600262213 | cấp lần đầu ngày 26/6/1997, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 25/8/2016. | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai | Còn hiệu lực |

2. Các thông tin đề nghị ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

2.1 Nhà đầu tư:

Tên công ty : **...................... HONG KONG COMPANY LTD.,**

Giấy phép thành lập số: 12723422, Ngày cấp: 21/4/2008

Nơi cấp : Hồng Kông

Địa chỉ trụ sở : .............., No. 83 Hung To Road, Kwun Tong, Kowloon, Hong Kong

*Thông tin về người đại diện của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:*

Họ tên : ………………..

Giới tính : Nam

Chức danh : Chủ tịch

Sinh ngày : 05/5/1965

Quốc tịch : Nhật Bản

Số hộ chiếu : TZ1043317

Ngày cấp : 24/02/2016

Nơi cấp : Tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại Hồng Kông

Địa chỉ thường trú : ………………., Kawaguchi city, Saitama, Japan

Chỗ ở hiện tại : ………………, Kawaguchi city, Saitama, Japan

Điện thoại : …………. Fax: ……………. Email: ……………

2.2 Nội dung dự án đầu tư

- Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN …………..**

- Mục tiêu của dự án:

+ Sản xuất phụ tùng, thiết bị, linh kiện phục vụ ngành may, không bao gồm công đoạn xi mạ với quy mô sản lượng khoảng 300 cái/ năm.

+ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các mặt hàng phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Địa điểm thực hiện dự án: lô đất số 110, Khu công nghiệp ............., thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Diện tích: 25.200 m2

- Tổng vốn đầu tư đăng ký là: 232.725.000.000 (hai trăm ba mươi hai tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu) đồng Việt Nam, tương đương 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn) đô la Mỹ.

Vốn góp để thực hiện dự án là 54.604.199.840 (năm mươi bốn tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu một trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi) đồng Việt Nam, tương đương 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đô la Mỹ. Chiếm ...% tổng vốn đầu tư.

................ HONG KONG COMPANY LTD góp 54.604.199.840 (năm mươi bốn tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu một trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi) đồng Việt Nam, tương đương 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đô la Mỹ, chiếm 100% vốn góp của dự án. Tiến độ góp vốn: Đã góp đủ.

- Thời hạn hoạt động của dự án là 47 (bốn mươi bảy) năm kể từ ngày 26 tháng 6 năm 1997.

- Tiến độ thực hiện dự án: chính thức đi vào hoạt động sản xuất kể từ tháng 4 năm 1998.

- Ưu đãi đối với dự án:................................

**IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**V. HỒ SƠ KÈM THEO**

Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | | |
|  | | Làm tại Đồng Nai, ngày …. tháng …. năm 2017  Đại diện Công ty TNHH A |

(Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên,

đóng dấu và giáp lai văn bản)

|  |  |
| --- | --- |
| **Mẫu MĐ-1: Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh** | |
|  | |  | |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

------------

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH**

**Kính gửi:** BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

1. Tên doanh nghiệp *(viết bằng chữ in hoa)*: CÔNG TY TNHH ……VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đầu tư số 472043001216 do Ban Quản Lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 04 năm 2016

Địa chỉ trụ sở chính: *(ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/ tỉnh, thành phố)*: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0613.514.570-3, Fax: 0613.514.574,

Email: [anhanh898906@gmail.com](mailto:anhanh898906@gmail.com), Website (nếu có):............

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên: ……….., .Nam/Nữ: Nam.............Quốc tịch: Hàn Quốc..................

Chức danh: Tổng Giám Đốc..............................................................

**Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hoávà các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá với nội dung sau:**

**I. Hoạt động mua bán hàng hoá**: Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối các hàng hóa có mã HS sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm hàng** | **Mã HS** | **Ghi Chú** |
| 1 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic. | 3917 |  |
| 2 | Tấm, phiến, màng, lá, băng, dải và các hình dạng phẳng khác tự dính, bằng plastic, có hoặc không ở dạng cuộn | 3919 |  |
| 3 | |  | | --- | | Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic. | |  | | 3921 |  |
| 4 | Các sản phẩm khác bằng plastic và các sản phẩm bằng các vật liệu khác của các nhóm từ 39.01 đến 39.14.  Loại khác | 3926 |  |
| 5 | |  | | --- | | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng, có hoặc không kèm theo các phụ kiện để ghép nối (ví dụ, các đoạn nối, khớp, khuỷu, vành đệm). | | 4009 |  |
| 6 | Các sản phẩm khác bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng. | 4016 |  |
| 7 | Các loại nhãn mác bằng giấy hoặc bìa, đã hoặc chưa in. | 4821 |  |
| 8 | Các sản phẩm bằng đá hoặc bằng các chất liệu khoáng khác (kể cả sợi carbon, các sản phẩm bằng sợi carbon và các sản phẩm làm bằng than bùn), chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác | 6815 |  |
| 9 | Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hay bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hay lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, rơ le, công tắc, chi tiết đóng ngắt mạch, cầu chì, bộ triệt xung điện, phích cắm, ổ cắm, đui đèn và các đầu nối khác, hộp đấu nối), dùng cho điện áp không quá 1.000V; đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi quang hoặc cáp quang. | 8536 |  |
| 10 | Dây, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và dây dẫn cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang, làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi, có hoặc không gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối. | 8544 |  |

**II. Hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá:**………………

**III. Lập cơ sở bán lẻ thứ nhất (số 1)** (nếu không lập cơ sở bán lẻ thì ghi: không lập cơ sở bán lẻ)

1. Tên cơ sở bán lẻ:................................................................................

2. Địa chỉ: *(ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/ tỉnh, thành phố)*......................

3. Người đứng đầu cơ sở bán lẻ:

Họ và tên.....................................Nam/Nữ..................................Quốc tịch....

Chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu số .... do ......cấp ngày ..... tháng .... năm .....

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú/tạm trú.............................................

Chỗ ở hiện nay:............................................................................

4. Quy mô của cơ sở bán lẻ:

- Diện tích đất: ...........................................................................................

- Tổng diện tích sàn xây dựng:...................................................................

- Diện tích kinh doanh mua bán hàng hoá:.............................................

5. Nội dung hoạt động của cơ sở bán lẻ: ……………………………

**Doanh nghiệp cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép kinh doanh./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại Đồng Nai, ngày …. tháng …. năm 2017  **Đại diện Công ty TNHH A** |

(Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên,

đóng dấu và giáp lai văn bản)

|  |
| --- |
| **Mẫu MĐ-6:** Bản giải trình việc đáp ứng các điều kiện thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá |

**TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN GIẢI TRÌNH VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN**

**HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG**

**LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN MUA BÁN HÀNG HOÁ**

**I. Nội dung giải trình về sự phù hợp với cam kết mở cửa thị trường**

**1. Quốc tịch nhà đầu tư nước ngoài:** Nhà đầu tư nước ngoài căn cứ vào nơi đăng ký thành lập (trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức), quốc tịch (trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân) của nhà đầu tư nước ngoài để xem xét nhà đầu tư nước ngoài thuộc hay không thuộc các nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và trong Điều ước quốc tế đó Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

**2. Hình thức đầu tư:** Nhà đầu tư nước ngoài căn cứ vào hình thức đầu tư và lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá quy định tại Phụ lục số 01 Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 20007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá (sau đây gọi tắt là Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM) và quy định pháp luật có liên quan để xem xét sự phù hợp giữa hình thức đầu tư và lĩnh vực đầu tư.

**II. Nội dung giải trình việc đáp ứng điều kiện thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá (nếu đề nghị cấp phép thực hiện)**

1. Hàng hoá kinh doanh: Nhà đầu tư nước ngoài lập danh mục hàng hóa đề nghị cấp phép thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo tên nhóm hàng hoặc tên từng mặt hàng kèm theo mã HS tương ứng và căn cứ vào Danh mục hàng hoá và lộ trình thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của Phụ lục số 02, 03 và 04 Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM và quy định pháp luật có liên quan để xem xét sự phù hợp giữa hàng hoá với lộ trình mở cửa thị trường.

2. Phạm vi hoạt động: Nhà đầu tư nước ngoài căn cứ vào các quy định về hoạt động mua bán hàng hóa của Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 23/2007/NĐ-CP), Luật Thương mại và quy định pháp luật có liên quan để giải trình phạm vi hoạt động là: quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ, lập cơ sở bán lẻ, nhượng quyền thương mại, đại lý mua bán hàng hoá). Trong đó cần giải trình rõ:

a) Phương thức thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, mua trong nước các hàng hoá để thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối (giải trình rõ các thủ tục phải thực hiện để hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu; thủ tục mua hàng đối với hàng hoá mua trong nước).

b) Chu trình thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối:

- Chu trình thực hiện quyền xuất khẩu: giải trình về trình tự lưu chuyển hàng hoá từ khi nhận hàng của người bán đến khi hoàn thành thủ tục xuất khẩu gắn với điều kiện không được mở địa điểm để mua gom hàng hoá xuất khẩu.

- Chu trình thực hiện quyền nhập khẩu: giải trình về trình tự lưu chuyển hàng hoá từ khi hoàn thành thủ tục nhập khẩu đến khi giao hàng cho người mua gắn với điều kiện không được tổ chức hoặc tham gia hệ thống phân phối.

- Chu trình thực hiện quyền phân phối: giải trình về trình tự lưu chuyển hàng hoá từ khi hoàn thành thủ tục nhập khẩu đến khi giao hàng cho người mua (đối với hàng nhập khẩu để phân phối) và trình tự lưu chuyển hàng hoá từ khi nhận hàng của người bán đến khi giao hàng cho người mua (đối với hàng mua trong nước để phân phối), cách thức bán hàng (đối với hàng hoá bán lẻ để tiêu dùng).

c) Thị trường mục tiêu, đối tượng khách hàng.

d) Các phương án về kho lưu giữ, bảo quản hàng hoá (trường hợp liên quan đến vệ sinh môi trường, an toàn cháy nổ, cần giải trình các biện pháp khắc phục).

đ) Các vấn đề liên quan đến điều kiện kinh doanh (trường hợp hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối thuộc diện kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư nước ngoài cần giải trình việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh tương ứng theo quy định của pháp luật).

3. Giải trình về khả năng tham gia và phát triển thị trường.

**III. Nội dung giải trình việc đáp ứng điều kiện thực hiện hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá (nếu đề nghị cấp phép thực hiện)**

1. Hoạt động kinh doanh: Nhà đầu tư nước ngoài căn cứ vào các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa được quy định tại Nghị định số 23/2007/NĐ-CP, các quy định pháp luật có liên quan và lộ trình thực hiện tương ứng tại Biểu cam kết về thương mại dịch vụ của Việt Nam với WTO để xem xét sự phù hợp giữa hoạt động kinh doanh với lộ trình mở cửa thị trường.

2. Phạm vi hoạt động: nhà đầu tư nước ngoài căn cứ vào các quy định về hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của Nghị định số 23/2007/NĐ-CP, Luật Thương mại và Biểu cam kết về thương mại dịch vụ của Việt Nam với WTO để giải trình phạm vi các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá đề nghị cấp phép. Trong đó cần giải trình rõ:

- Mã CPC của hoạt động kinh doanh (theo Bảng mã phân loại sản phẩm dịch vụ trung tâm của Liên hợp quốc).

- Nội dung của hoạt động kinh doanh (mô tả tính chất, đặc điểm, trình tự thực hiện hoạt động kinh doanh...).

- Thị trường mục tiêu, đối tượng khách hàng.

- Các vấn đề liên quan đến điều kiện kinh doanh (trường hợp hoạt động kinh doanh thuộc diện kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư nước ngoài cần giải trình việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh tương ứng theo quy định của pháp luật).

3. Giải trình về khả năng tham gia và phát triển thị trường.

**IV. Các nội dung khác**

1. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đã có đối tác tại Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài cần làm rõ mối quan hệ hiện tại với đối tác, phương án thay đổi mối quan hệ với đối tác sau khi được cấp phép kinh doanh và phương án giải quyết mâu thuẫn hoặc tranh chấp có thể phát sinh với đối tác (nếu có).

2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài có Văn phòng đại diện, Chi nhánh đang hoạt động tại Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài cần báo cáo về tình hình hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh và phương án hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh sau khi được cấp phép kinh doanh.

3. Các nội dung giải trình khác (nếu cần hoặc được yêu cầu)./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại Đồng Nai, ngày …. tháng …. năm 2017  **Đại diện Công ty TNHH A** |

(Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên,

đóng dấu và giáp lai văn bản)

**II. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG**

**23. Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp**

**a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh nơi đăng ký kinh doanh.

- Bước 2: Cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ đăng ký nội quy lao động cho người sử dụng lao động.

- Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, nếu phát hiện nội quy lao động có quy định trái pháp luật thì cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh có văn bản thông báo và hướng dẫn người sử dụng lao động sửa đổi, bổ sung và đăng ký lại nội quy lao động.

**b. Cách thức thực hiện**:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ**: 01 bộ, gồm văn bản đề nghị đăng ký nội quy lao động; Các văn bản của người sử dụng lao động có quy định liên quan đến kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất; Biên bản góp ý kiến của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở; Nội quy lao động.

**d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Người sử dụng lao động sử dụng từ 10 người lao động trở lên.

**đ. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh (Ban quản lý các Khu công nghiệp được ủy quyền).

**e. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận đã nhận hồ sơ đăng ký nội quy lao động.

**g. Phí, lệ phí**: Không có.

**h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

i. Yêu cầu, điều kiện: Các quy định của nội quy lao động không trái với pháp luật lao động.

**k. Căn cứ pháp lý:**

- Bộ luật lao động năm 2012;

- Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

**III. LĨNH VỰC VIỆC LÀM**

**24. Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Trước ít nhất 15 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc cho người sử dụng lao động thì người sử dụng lao động đó phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

- Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động, Ban Quản lý các Khu công nghiệpcấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định (nội dung của giấy phép lao động theo Mẫu số 4 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH). Trường hợp không cấp giấy phép lao động thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Đối với người lao động nước ngoài làm việc theo hợp đồng lao động, sau khi được cấp giấy phép lao động thì người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến làm việc cho người sử dụng lao động.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký kết hợp đồng lao động, người sử dụng lao động phải gửi bản sao hợp đồng lao động đã ký kết tới Ban Quản lý các Khu công nghiệp đã cấp giấy phép lao động đó.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Nộp qua internet tại địa chỉ: <http://diza.dongnai.gov.vn/> (vào mục Thủ tục hành chính); hoặc <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/web/bqlkcn>.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động theo mẫu số 7 ban hành kèm theo Thông tư số [40/2016/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/thong-tu-40-2016-tt-bldtbxh-huong-dan-11-2016-nd-cp-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-viet-nam-308541.aspx) .

- Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký kết luận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ.

- Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài cấp. Trường hợp người lao động nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam thì chỉ cần phiếu lý lịch tư pháp do Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự được cấp không quá 06 tháng, kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ.

- Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật. Đối với một số nghề, công việc, văn bản chứng minh trình độ chuyên môn, kỹ thuật của người lao động nước ngoài được thay thế bằng một trong các giấy tờ sau đây:

+ Giấy công nhận là nghệ nhân đối với những ngành nghề truyền thống do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

+ Văn bản chứng minh kinh nghiệm của cầu thủ bóng đá nước ngoài.

+ Bằng lái máy bay vận tải hàng không do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với phi công nước ngoài.

+ Giấy phép bảo dưỡng tàu bay do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với người lao động nước ngoài làm công việc bảo dưỡng tàu bay.

Các giấy tờ nêu trên là 01 bản chụp kèm theo bản gốc để đối chiếu hoặc 01 bản sao có chứng thực. Nếu của nước ngoài thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật; dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- 02 ảnh mầu (kích thước 4cm x 6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu), ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

- Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị theo quy định của pháp luật.

- Các giấy tờ liên quan đến người lao động nước ngoài:

+ Đối với người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp phải có văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử sang làm việc tại hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài đó trên lãnh thổ Việt Nam và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã được doanh nghiệp nước ngoài đó tuyển dụng trước khi làm việc tại Việt Nam ít nhất 12 tháng.

+ Đối với người lao động nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và y tế phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận ký kết giữa đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài, trong đó phải có thỏa thuận về việc người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

+ Đối với người lao động nước ngoài nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng phải có hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 02 năm.

+ Đối với người lao động nước ngoài chào bán dịch vụ phải có văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.

+ Đối với người lao động nước ngoài làm việc cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam được phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam phải có giấy chứng nhận của tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế được phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

+ Đối với người lao động nước ngoài là người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại phải có văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để thành lập hiện diện thương mại của nhà cung cấp dịch vụ đó.

+ Đối với người lao động nước ngoài là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật mà tham gia vào hoạt động của doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam thì phải có văn bản chứng minh người lao động nước ngoài được tham gia vào hoạt động của doanh nghiệp nước ngoài đó.

Các giấy tờ này là 01 bản chụp kèm theo bản gốc để đối chiếu hoặc 01 bản sao có chứng thực, nếu của nước ngoài thì miễn hợp pháp hóa lãnh sự, nhưng phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:**05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Người sử dụng lao động nước ngoài và người lao động nước ngoài làm việc cho người sử dụng lao động nước ngoài sau đây:

- Doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư hoặc theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Nhà thầu nước ngoài hoặc trong nước tham dự thầu, thực hiện hợp đồng.

- Văn phòng đại diện, chi nhánh của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập.

- Tổ chức sự nghiệp theo quy định tại điểm d, đ, e Khoản 1 Điều 2 Nghị định số [55/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-55-2012-nd-cp-quy-dinh-thanh-lap-to-chuc-lai-giai-the-don-vi-142237.aspx) ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

- Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc của nhà thầu nước ngoài được đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật;

- Các tổ chức hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật hợp tác xã;

- Hộ kinh doanh, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban Quản lý các KCN Đồng Nai được ủy quyền.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lao động được cấp cho người lao động nước ngoài.

**i) Lệ phí:**Theo quy định tại Thông tư số [250/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-250-2016-tt-btc-phi-le-phi-tham-quyen-hoi-dong-tinh-thanh-pho-truc-thuoc-trung-uong-2016-323394.aspx) ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Nghị quyết số 102/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai quy định 600.000 đồng/giấy phép).

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**Tờ khai đề nghị cấp giấy phép lao động theo mẫu số 7 ban hành kèm theo Thông tư số [40/2016/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/thong-tu-40-2016-tt-bldtbxh-huong-dan-11-2016-nd-cp-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-viet-nam-308541.aspx) .

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Có sức khỏe phù hợp với yêu cầu công việc.

- Là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật.

- Không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.

- Được chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sử dụng người lao động nước ngoài.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số [140/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-140-2018-nd-cp-sua-doi-bo-sung-cac-nghi-dinh-lien-quan-den-dieu-kien-dau-tu-kinh-doanh-396446.aspx) ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của BLĐTBXH;

- Nghị định số [11/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-11-2016-nd-cp-quy-dinh-chi-tiet-bo-luat-lao-dong-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-tai-viet-nam-302198.aspx) ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

- Thông tư số [18/2018/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-18-2018-tt-bldtbxh-sua-doi-thong-tu-lien-quan-den-thu-tuc-hanh-chinh-405984.aspx) ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của BLĐTBXH;

- Thông tư số [40/2016/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/thong-tu-40-2016-tt-bldtbxh-huong-dan-11-2016-nd-cp-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-viet-nam-308541.aspx) ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số [11/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-11-2016-nd-cp-quy-dinh-chi-tiet-bo-luat-lao-dong-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-tai-viet-nam-302198.aspx) ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

**Mẫu số 7:***Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 11/2016/NĐ-CP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Công ty TNHH May mặc ABCD**  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------** |
| Số: 03/GPLĐ V/v cấp/cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài | *Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2017* |

Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức:Công ty TNHH May mặc ABCD

2. Loại hình doanh nghiệp/tổ chức *(doanh nghiệp trong nước/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/cơ quan, tổ chức/nhà thầu):* doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

3. Tổng số lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức: 5.500 người

Trong đó số lao động nước ngoài là: 5 người

4. Địa chỉ: KCN Biên Hòa II

5. Điện thoại: 0613-892307 Email *(nếu có)*: hongltt@ abcd.com

7. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số: *047223132*

Cơ quan cấp: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai Có giá trị đến ngày: 2049

Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động): Sản xuất, gia công xuất khẩu hàng may mặc

8. Người nộp hồ sơ của doanh nghiệp/tổ chức để liên hệ khi cần thiết *(số điện thoại, email):*Lê Thị Thu Hồng – 0909.123456. E.mai: hongltt@ abcd.com.

Căn cứ văn bản thông báo chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài số 153/TB-KCNĐN ngày 27/12/2016 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai, Công ty TNHH May mặc ABCD đề nghị cấp/cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài, cụ thể như sau:

9. Họ và tên (chữ in hoa): KIM TAE HO

10. Ngày, tháng, năm sinh: 25/12/1970 11. Giới tính (Nam/Nữ): Nam

12. Quốc tịch: Hàn Quốc

13. Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số: M5492619

Cơ quan cấp: Cục Quản lý XNC Hàn Quốc. Có giá trị đến ngày: 20/11/2025

14. Trình độ chuyên môn (tay nghề) *(nếu có)*: Cử nhân thiết kế thời trang và xác nhận 20 năm kinh nghiệm

15. Làm việc tại doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH May mặc ABCD

16. Địa điểm làm việc: KCN Biên Hòa II

17. Vị trí công việc: Chuyên gia

18. Chức danh công việc: Chuyên gia thiết kế

19. Hình thức làm việc *(nêu cụ thể theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016):*Di chuyển nội bộ

20. Mức lương: 40.000.000VNĐ

21. Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)* 01/02/2017 đến ngày 31/01/2019

22. Nơi đăng ký nhận giấy phép lao động: Tổ tiếp nhận – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai

23. Lý do đề nghị *(chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép lao động):gia hạn thời hạn làm việc*

I. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO (2)

- Năm 1988-1993: đào tạo chuyên ngành thiết kế thời trang Trường Đại học Busan

II. QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC (3)

24. Nơi làm việc

- Nơi làm việc lần 1: Công ty EFG Garments Co,Ltd

+ Địa điểm làm việc: Hàn Quốc

+ Vị trí công việc: Chuyên gia

+ Chức danh công việc: Nhân viên tư vấn và thiết kế

+ Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)*: 01/4/1993-1998

- Nơi làm việc lần 2: ...................................................................

+ Địa điểm làm việc: ..............................................................

+ Vị trí công việc: ...................................................

+ Chức danh công việc: ................................................

+ Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)*..........................

- Nơi làm việc cuối cùng hoặc hiện tại: Công ty ABCD Co, Ltd

+ Địa điểm làm việc: Hàn Quốc

+ Vị trí công việc: Chuyên gia

+ Chức danh công việc: Giám đốc Thiết kế

+ Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)*.05/5/1998 - nay

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu đơn vị | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**25. Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Trường hợp giấy phép lao động còn thời hạn ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày giấy phép lao động hết hạn, người sử dụng lao động nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lao động cho Ban Quản lý các KCN.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lao động, Ban Quản lý các KCN cấp lại giấy phép lao động. Trường hợp không cấp lại giấy phép lao động thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Đối với người lao động nước ngoài làm việc theo hợp đồng lao động, sau khi được cấp lại giấy phép lao động thì người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký kết hợp đồng lao động, người sử dụng lao động phải gửi bản sao hợp đồng lao động đã ký kết tới Ban Quản lý các KCN.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Nộp qua internet tại địa chỉ: <http://diza.dongnai.gov.vn/> (vào mục Thủ tục hành chính); hoặc <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/web/bqlkcn>.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép lao động theo mẫu số 7 ban hành kèm theo Thông tư số [40/2016/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/thong-tu-40-2016-tt-bldtbxh-huong-dan-11-2016-nd-cp-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-viet-nam-308541.aspx) .

- 02 ảnh mầu (kích thước 4cm x 6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu), ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

- Giấy phép lao động đã được cấp:

+ Trường hợp giấy phép lao động bị mất thì phải có xác nhận của cơ quan Công an cấp xã của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp thay đổi nội dung ghi trên giấy phép lao động thì phải có các giấy tờ chứng minh.

+ Trường hợp giấy phép lao động còn thời hạn ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày thì phải có giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký kết luận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ và có một trong các giấy tờ liên quan đến người lao động nước ngoài như sau:

++ Đối với người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp phải có văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử sang làm việc tại hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài đó trên lãnh thổ Việt Nam và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã được doanh nghiệp nước ngoài đó tuyển dụng trước khi làm việc tại Việt Nam ít nhất 12 tháng.

++ Đối với người lao động nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và y tế phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận ký kết giữa đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài, trong đó phải có thỏa thuận về việc người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

++ Đối với người lao động nước ngoài nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng phải có hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 02 năm.

++ Đối với người lao động nước ngoài chào bán dịch vụ phải có văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.

++ Đối với người lao động nước ngoài làm việc cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam được phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam phải có giấy chứng nhận của tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế được phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

++ Đối với người lao động nước ngoài là người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại phải có văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để thành lập hiện diện thương mại của nhà cung cấp dịch vụ đó.

++ Đối với người lao động nước ngoài là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật mà tham gia vào hoạt động của doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam thì phải có văn bản chứng minh người lao động nước ngoài được tham gia vào hoạt động của doanh nghiệp nước ngoài đó.

Các giấy tờ này là 01 bản chụp kèm theo bản gốc để đối chiếu hoặc 01 bản sao có chứng thực, nếu của nước ngoài thì miễn hợp pháp hóa lãnh sự, nhưng phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

+ Trường hợp người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động theo quy định tại Nghị định số [102/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-102-2013-nd-cp-huong-dan-bo-luat-lao-dong-lao-dong-nuoc-ngoai-206196.aspx) ngày 05 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam thì phải có văn bản chứng minh đáp ứng yêu cầu là chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:**03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Người sử dụng lao động nước ngoài và người lao động nước ngoài làm việc cho người sử dụng lao động nước ngoài sau đây:

- Doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư hoặc theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Nhà thầu nước ngoài hoặc trong nước tham dự thầu, thực hiện hợp đồng.

- Văn phòng đại diện, chi nhánh của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập.

- Tổ chức sự nghiệp theo quy định tại điểm d, đ, e Khoản 1 Điều 2 Nghị định số [55/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-55-2012-nd-cp-quy-dinh-thanh-lap-to-chuc-lai-giai-the-don-vi-142237.aspx) ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

- Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc của nhà thầu nước ngoài được đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật;

- Các tổ chức hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật hợp tác xã;

- Hộ kinh doanh, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban Quản lý các KCN Đồng Nai được ủy quyền.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lao động được cấp lại.

**i) Lệ phí:**Theo quy định tại Thông tư số [250/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-250-2016-tt-btc-phi-le-phi-tham-quyen-hoi-dong-tinh-thanh-pho-truc-thuoc-trung-uong-2016-323394.aspx) ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Nghị quyết số 102/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai quy định quy định 450.000 đồng/01 lần).

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**Tờ khai đề nghị cấp lại giấy phép lao động *(Mẫu số 7 ban hành kèm Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016).*

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Giấy phép lao động còn thời hạn bị mất, bị hỏng hoặc thay đổi nội dung ghi trong giấy phép lao động.

- Giấy phép lao động còn thời hạn ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số [140/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-140-2018-nd-cp-sua-doi-bo-sung-cac-nghi-dinh-lien-quan-den-dieu-kien-dau-tu-kinh-doanh-396446.aspx) ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của BLĐTBXH;

- Nghị định số [11/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-11-2016-nd-cp-quy-dinh-chi-tiet-bo-luat-lao-dong-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-tai-viet-nam-302198.aspx) ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

- Thông tư số [18/2018/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-18-2018-tt-bldtbxh-sua-doi-thong-tu-lien-quan-den-thu-tuc-hanh-chinh-405984.aspx) ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của BLĐTBXH;

- Thông tư số [40/2016/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/thong-tu-40-2016-tt-bldtbxh-huong-dan-11-2016-nd-cp-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-viet-nam-308541.aspx) ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số [11/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-11-2016-nd-cp-quy-dinh-chi-tiet-bo-luat-lao-dong-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-tai-viet-nam-302198.aspx) ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

**Mẫu số 7:** *Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 11/2016/NĐ-CP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Công ty TNHH May mặc ABCD**  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------** |
| Số: 03/GPLĐ V/v cấp/cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài | *Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2017* |

Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức:Công ty TNHH May mặc ABCD

2. Loại hình doanh nghiệp/tổ chức *(doanh nghiệp trong nước/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/cơ quan, tổ chức/nhà thầu):* doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

3. Tổng số lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức: 5.500 người

Trong đó số lao động nước ngoài là: 5 người

4. Địa chỉ: KCN Biên Hòa II

5. Điện thoại: 0613-892307 Email *(nếu có)*: hongltt@ abcd.com

7. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số: *047223132*

Cơ quan cấp: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai Có giá trị đến ngày: 2049

Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động): Sản xuất, gia công xuất khẩu hàng may mặc

8. Người nộp hồ sơ của doanh nghiệp/tổ chức để liên hệ khi cần thiết *(số điện thoại, email):*Lê Thị Thu Hồng – 0909.123456 E.mail: hongltt@ abcd.com

Căn cứ văn bản thông báo chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài số 153/TB-KCNĐN ngày 27/12/2016 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai, Công ty TNHH May mặc ABCD đề nghị cấp/cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài, cụ thể như sau:

9. Họ và tên (chữ in hoa): KIM TAE HO

10. Ngày, tháng, năm sinh: 25/12/1970 . 11. Giới tính (Nam/Nữ): Nam

12. Quốc tịch: Hàn Quốc

13. Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số: M5492619

Cơ quan cấp: Cục Quản lý XNC Hàn Quốc. Có giá trị đến ngày: 20/11/2025

14. Trình độ chuyên môn (tay nghề) *(nếu có)*: Cử nhân thiết kế thời trang và xác nhận 20 năm kinh nghiệm

15. Làm việc tại doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH May mặc ABCD

16. Địa điểm làm việc: KCN Biên Hòa II

17. Vị trí công việc: Chuyên gia

18. Chức danh công việc: Chuyên gia thiết kế

19. Hình thức làm việc *(nêu cụ thể theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016):*Di chuyển nội bộ

20. Mức lương: 40.000.000VNĐ

21. Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)* 01/02/2017 đến ngày 31/01/2019

22. Nơi đăng ký nhận giấy phép lao động: Tổ tiếp nhận – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai

23. Lý do đề nghị *(chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép lao động):gia hạn thời hạn làm việc*

I. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO (2)

- Năm 1988-1993: đào tạo chuyên ngành thiết kế thời trang Trường Đại học Busan

II. QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC (3)

24. Nơi làm việc

- Nơi làm việc lần 1: Công ty EFG Garments Co,Ltd

+ Địa điểm làm việc: Hàn Quốc

+ Vị trí công việc: Chuyên gia

+ Chức danh công việc: Nhân viên tư vấn và thiết kế

+ Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)*: 01/4/1993-1998

- Nơi làm việc lần 2: ...................................................................

+ Địa điểm làm việc: ..............................................................

+ Vị trí công việc: ...................................................

+ Chức danh công việc: ................................................

+ Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)*.....................................

- Nơi làm việc cuối cùng hoặc hiện tại: Công ty ABCD Co, Ltd

+ Địa điểm làm việc: Hàn Quốc

+ Vị trí công việc: Chuyên gia

+ Chức danh công việc: Giám đốc Thiết kế

+ Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)*05/5/1998 - nay

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu đơn vị | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**26. Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Người sử dụng lao động đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người nước ngoài dự kiến làm việc xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động trước ít nhất 07 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động nước ngoài bắt đầu làm việc.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, Ban Quản lý các Khu công nghiệp có văn bản xác nhận gửi người sử dụng lao động theo Mẫu số 6 Phụ lục III Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH. Trường hợp không xác nhận thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 5 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số [18/2018/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-18-2018-tt-bldtbxh-sua-doi-thong-tu-lien-quan-den-thu-tuc-hanh-chinh-405984.aspx) .

- Các giấy tờ để chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

- Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là 01 bản chụp kèm theo bản gốc để đối chiếu hoặc 01 bản sao có chứng thực, nếu của nước ngoài thì miễn hợp pháp hóa lãnh sự, nhưng phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Người sử dụng lao động nước ngoài và người lao động nước ngoài làm việc cho người sử dụng lao động nước ngoài sau đây:

- Doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư hoặc theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Nhà thầu nước ngoài hoặc trong nước tham dự thầu, thực hiện hợp đồng.

- Văn phòng đại diện, chi nhánh của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập.

- Tổ chức sự nghiệp theo quy định tại điểm d, đ, e Khoản 1 Điều 2 Nghị định số [55/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-55-2012-nd-cp-quy-dinh-thanh-lap-to-chuc-lai-giai-the-don-vi-142237.aspx) ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

- Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc của nhà thầu nước ngoài được đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật;

- Các tổ chức hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật hợp tác xã;

- Hộ kinh doanh, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Một số trường hợp người lao động nước ngoài không phải thực hiện đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động:

+ Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện chào bán dịch vụ.

+ Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý những sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được.

+ Vào Việt Nam làm việc tại vị trí chuyên gia, nhà quản lý, giám đốc điều hành hoặc lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày và thời gian cộng dồn không quá 90 ngày trong 01 năm.

+ Thân nhân thành viên cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm thành viên.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

**i) Lệ phí:** Không.

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**Tờ khai đề nghị xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 5 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số [18/2018/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-18-2018-tt-bldtbxh-sua-doi-thong-tu-lien-quan-den-thu-tuc-hanh-chinh-405984.aspx).

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**Người lao động nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau:

- Là thành viên góp vốn hoặc chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn.

- Là thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần.

- Là luật sư nước ngoài đã được cấp giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của Luật Luật sư.

- Theo quy định của Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Là học sinh, sinh viên hoặc tập tại Việt Nam nhưng người sử dụng lao động phải báo trước 07 ngày với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

- Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi 11 ngành dịch vụ trong biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới, bao gồm: kinh doanh; thông tin; xây dựng; phân phối; giáo dục; môi trường; tài chính; y tế; du lịch; văn hóa giải trí và vận tải.

- Vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, theo dõi đánh giá, quản lý và thực hiện chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) theo quy định hay thỏa thuận trong các điều ước quốc tế về ODA đã ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và nước ngoài.

- Được Bộ Ngoại giao cấp giấy phép hoạt động thông tin, báo chí tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

- Được cơ quan, tổ chức của nước ngoài cử sang Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu tại trường quốc tế thuộc phạm vi quản lý của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam hoặc được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận vào giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục, đào tạo tại Việt Nam.

- Tình nguyện viên có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

- Vào Việt Nam thực hiện thỏa thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức ở Trung ương, cấp tỉnh ký kết theo quy định của pháp luật.

- Học sinh, sinh viên đang học tập tại các trường, cơ sở đào tạo ở nước ngoài có thỏa thuận thực tập trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam.

- Có hộ chiếu công vụ vào làm việc cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

- Các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số [140/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-140-2018-nd-cp-sua-doi-bo-sung-cac-nghi-dinh-lien-quan-den-dieu-kien-dau-tu-kinh-doanh-396446.aspx) ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của BLĐTBXH;

- Nghị định số [11/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-11-2016-nd-cp-quy-dinh-chi-tiet-bo-luat-lao-dong-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-tai-viet-nam-302198.aspx) ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

- Thông tư số [18/2018/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-18-2018-tt-bldtbxh-sua-doi-thong-tu-lien-quan-den-thu-tuc-hanh-chinh-405984.aspx) ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của BLĐTBXH;

- Thông tư số [40/2016/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/thong-tu-40-2016-tt-bldtbxh-huong-dan-11-2016-nd-cp-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-viet-nam-308541.aspx) ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số [11/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-11-2016-nd-cp-quy-dinh-chi-tiet-bo-luat-lao-dong-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-tai-viet-nam-302198.aspx) ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

**Mẫu số 5:** *Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ LĐ - TB và XH*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……………. V/v xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động | *…….., ngày ……. tháng ….. năm ……* |

Kính gửi: ………………………………………(1)

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức: .................................................................................

2. Loại hình doanh nghiệp/tổ chức *(doanh nghiệp trong nước/doanh nghiệp có vốn đầu tưnước ngoài/cơ quan, tổ chức/nhà thầu)*................................................

3. Tổng số lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức: .................... người

Trong đó số lao động nước ngoài là: ...........................................................  người

4. Địa chỉ: ...............................................................................................................

5. Điện thoại: ……… …………….6. Email *(nếu có)* ..........................................

7. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số: ...............................................................

Cơ quan cấp: ………………Có giá trị đến ngày: ...............................................

Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động): ..........................................................................

8. Người nộp hồ sơ của doanh nghiệp/tổ chức để liên hệ khi cần thiết (số điện thoại, email):

Căn cứ văn bản số....*(ngày/tháng/năm)* của …..về việc chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài, *(tên doanh nghiệp/tổ chức)* đề nghị ………..(2) xác nhận những người lao động nước ngoài sau đây không thuộc diện cấp giấy phép lao động:

9. Họ và tên: ...........................................................................................................

10. Ngày, tháng, năm sinh: ………11. Giới tính (Nam/Nữ): .................................

12. Quốc tịch: …………………….13. Số hộ chiếu: .............................................

14. Cơ quan cấp: …………………15. Có giá trị đến ngày: ..................................

16. Vị trí công việc: ................................................................................................

17. Chức danh công việc: .......................................................................................

18. Hình thức làm việc: ..........................................................................................

19. Trình độ chuyên môn (tay nghề) (nếu có): .......................................................

20. Làm việc tại doanh nghiệp/tổ chức: .................................................................

21. Địa điểm làm việc: ...........................................................................................

22. Thời hạn làm việc: Từ *(ngày/tháng/năm)* …….đến *(ngày/tháng/năm)* ...........

23. Trường hợp lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động *(nêu rõ thuộc đối tượng nào quy định tại Điều 7 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016)*:..............

24. Các giấy tờ chứng minh kèm theo *(liệt kê tên các giấy tờ)*:..............................

Xin trân trọng cảm ơn!

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu đơn vị | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**27. Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài**

**a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài, người sử dụng lao động (trừ nhà thầu) gửi báo cáo giải trình về nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/TT-BLĐTBXH đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp có thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài thì người sử dụng lao động (trừ nhà thầu) gửi báo cáo giải trình thay đổi theo Mẫu số 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số [18/2018/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-18-2018-tt-bldtbxh-sua-doi-thong-tu-lien-quan-den-thu-tuc-hanh-chinh-405984.aspx) đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo chấp thuận sử dụng người lao động nước tới người sử dụng lao động theo Mẫu số 3 phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số [18/2018/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-18-2018-tt-bldtbxh-sua-doi-thong-tu-lien-quan-den-thu-tuc-hanh-chinh-405984.aspx) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình hoặc báo cáo giải trình thay đổi.

**b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Nộp qua internet tại địa chỉ: <http://diza.dongnai.gov.vn/> (vào mục Thủ tục hành chính); hoặc <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/web/bqlkcn>.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*- Thành phần hồ sơ:* Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số [18/2018/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-18-2018-tt-bldtbxh-sua-doi-thong-tu-lien-quan-den-thu-tuc-hanh-chinh-405984.aspx) hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số [18/2018/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-18-2018-tt-bldtbxh-sua-doi-thong-tu-lien-quan-den-thu-tuc-hanh-chinh-405984.aspx) .

*- Số lượng hồ sơ:* 01 bộ hồ sơ.

**d. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Người sử dụng lao động nước ngoài và người lao động nước ngoài làm việc cho người sử dụng sau đây:

- Doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư hoặc theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Nhà thầu nước ngoài hoặc trong nước tham dự thầu, thực hiện hợp đồng.

- Văn phòng đại diện, chi nhánh của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập.

- Tổ chức sự nghiệp theo quy định tại điểm d, đ, e Khoản 1 Điều 2 Nghị định số [55/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-55-2012-nd-cp-quy-dinh-thanh-lap-to-chuc-lai-giai-the-don-vi-142237.aspx) ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

- Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc của nhà thầu nước ngoài được đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật;

- Các tổ chức hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật hợp tác xã;

- Hộ kinh doanh, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Một số trường hợp người lao động nước ngoài không phải thực hiện báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài:

+ Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện chào bán dịch vụ.

+ Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý những sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được.

+ Là học sinh, sinh viên hoặc tập tại Việt Nam nhưng người sử dụng lao động phải báo trước 07 ngày với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

+ Người lao động nước ngoài vào Việt Nam làm việc tại vị trí chuyên gia, nhà quản lý, giám đốc điều hành hoặc lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày và thời gian cộng dồn không quá 90 ngày trong 01 năm.

+ Học sinh, sinh viên đang học tập tại các trường, cơ sở đào tạo ở nước ngoài có thỏa thuận thực tập trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam.

+ Thân nhân thành viên cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm thành viên.

**e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**Ủy ban dân dân cấp tỉnh ủy quyền Ban quản lý các Khu công nghiệp thực hiện.

**g . Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Thông báo chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài của người sử dụng lao động.

**i. Phí, lệ phí:** Không.

**k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**Báo cáo giải trình về nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số [18/2018/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-18-2018-tt-bldtbxh-sua-doi-thong-tu-lien-quan-den-thu-tuc-hanh-chinh-405984.aspx) hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số [18/2018/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-18-2018-tt-bldtbxh-sua-doi-thong-tu-lien-quan-den-thu-tuc-hanh-chinh-405984.aspx) .

**l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Người sử dụng lao động xác định được nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được.

**m. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số [140/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-140-2018-nd-cp-sua-doi-bo-sung-cac-nghi-dinh-lien-quan-den-dieu-kien-dau-tu-kinh-doanh-396446.aspx) ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của BLĐTBXH;

- Nghị định số [11/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-11-2016-nd-cp-quy-dinh-chi-tiet-bo-luat-lao-dong-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-tai-viet-nam-302198.aspx) ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

- Thông tư số [18/2018/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-18-2018-tt-bldtbxh-sua-doi-thong-tu-lien-quan-den-thu-tuc-hanh-chinh-405984.aspx) ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của BLĐTBXH;

- Thông tư số [40/2016/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/thong-tu-40-2016-tt-bldtbxh-huong-dan-11-2016-nd-cp-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-viet-nam-308541.aspx) ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số [11/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-11-2016-nd-cp-quy-dinh-chi-tiet-bo-luat-lao-dong-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-tai-viet-nam-302198.aspx) ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

**Mẫu số 1***Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số*[*18/2018/TT-BLĐTBXH*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-18-2018-tt-bldtbxh-sua-doi-thong-tu-lien-quan-den-thu-tuc-hanh-chinh-405984.aspx)

|  |  |
| --- | --- |
| **Công ty TNHH May mặc ABCD -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------** |
| Số: 01/ĐKNC  V/v giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài | *Đồng Nai, ngày 22 tháng 12 năm 2017* |

Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai

Công ty TNHH May mặc ABCD, trụ sở Công ty tại KCN Biên Hòa II, chuyên sản xuất các sản phẩm may mặc.

Điện thoại: 0613-892307; Fax: 0613-892378 Website: abcdgarments.com

Người liên hệ: Lê Thị Thu Hồng Email: hongltt@abcd.com

Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài như sau:

1. Vị trí công việc 1: Nhà quản lý *(Lựa chọn 1 trong 4 vị trí công việc: nhà quản lý/giám đốc điều hành/chuyên gia/lao động kỹ thuật).*

- Chức danh công việc: Giám đốc Kinh doanh *(do doanh nghiệp/tổ chức tự kê khai, ví dụ: kế toán, giám sát công trình v.v...)*

- Số lượng *(người): 01*

- Thời hạn làm việc từ: 01/02/2018 đến ngày 31/01/2020

- Lý do sử dụng người lao động nước ngoài: Cần người nước ngoài am hiểu thị trường xuất khẩu; có kinh nghiệm đám phán quốc tế và thông thạo ngoại ngữ.

2. Vị trí công việc 2*:* Chuyên gia *(nếu có) (Lựa chọn 1 trong 4 vị trí công việc: nhà quản lý/giám đốc điều hành/chuyên gia/lao động kỹ thuật).*

- Chức danh công việc: Giám sát sản xuất *(do doanh nghiệp/tổ chức tự kê khai, ví dụ: kế toán, giám sát công trình v.v...)*

- Số lượng *(người): 02*

- Thời hạn làm việc từ 01/02/2017 đến ngày 31/01/2019

- Lý do sử dụng người lao động nước ngoài: Cần chuyên gia có trình độ và nhiều kinh nghiệm, hướng dẫn, giám sát hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

3. Vị trí công việc... (nếu có)

*(đính kèm bảng tổng hợp –mẫu 7-BQL soạn để thuận tiện cho công tác sử dụng lao động nước ngoài)*

Đề nghị Ban Quản lý các KCN Đồng Nai xem xét, thẩm định và chấp thuận.

Xin trân trọng cảm ơn!

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu:.......... | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 2.** *Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số*[*18/2018/TT-BLĐTBXH*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-18-2018-tt-bldtbxh-sua-doi-thong-tu-lien-quan-den-thu-tuc-hanh-chinh-405984.aspx)**.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Công ty TNHH May mặc ABCD -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------** |
| Số: 02/GTNC V/v giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài | *Đồng Nai, ngày 15 tháng 3 năm 2017* |

Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai (*theo ủy quyền của UBND tỉnh)*

Căn cứ văn bản số 153/TB-KCNĐN ngày 27/12/2016 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về việc thông báo chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài và nhu cầu thực tế của Công ty May mặc ABCD

Công ty TNHH May mặc ABCD, trụ sở Công ty tại KCN Biên Hòa II, chuyên sản xuất các sản phẩm may mặc.

Điện thoại: 0613-892307; Fax: 0613-892378 Website: abcdgarments.com

Người liên hệ: Lê Thị Thu Hồng Email: hongltt@abcd.com

Báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài như sau:

1. Vị trí công việc *(nhà quản lý/giám đốc điều hành/chuyên gia/lao động kỹ thuật),* số lượng *(người),* thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)* đã được chấp thuận:

Vị trí công việc 1: Nhà quản lý

- Chức danh công việc: Giám đốc Kinh doanh

- Số lượng *(người): 01*

- Thời hạn làm việc từ: 01/02/2017 đến ngày 31/01/2019

Vị trí công việc 2*:* Chuyên gia

- Chức danh công việc: Giám sát sản xuất

- Số lượng *(người): 02*

- Thời hạn làm việc từ 01/02/2017 đến ngày 31/01/2019

2. Vị trí công việc *(nhà quản lý/giám đốc điều hành/chuyên gia/lao động kỹ thuật),* số lượng *(người),* thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)* đã sử dụng *(nếu có)*

Vị trí công việc 1: Nhà quản lý

- Chức danh công việc: Giám đốc Kinh doanh

- Số lượng *(người): 01*

- Thời hạn làm việc từ: 01/02/2017 đến ngày 31/01/2019

Vị trí công việc 2*:* Chuyên gia

- Chức danh công việc: Giám sát sản xuất

- Số lượng *(người): 02*

- Thời hạn làm việc từ 01/02/2017 đến ngày 31/01/2019

3. Vị trí công việc *(nhà quản lý/giám đốc điều hành/chuyên gia/lao động kỹ thuật),* số lượng *(người),* thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm),* lý do sử dụng người lao động nước ngoài *(có nhu cầu thay đổi):* bổ sung thêm nhu cầu sử dụng lao động

Vị trí công việc *:* Chuyên gia

- Chức danh công việc: Giám sát sản xuất

- Số lượng *(người): 02*

- Thời hạn làm việc từ 01/5/2017 đến ngày 30/4/2019

Lý do: Công ty vừa mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tuyển dụng thêm lao động nên cần có các chuyên gia hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật.

Đề nghị Ban Quản lý các KCN Đồng Nai xem xét, thẩm định và chấp thuận.

Xin trân trọng cảm ơn!

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu:.......... | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**IV. LĨNH VỰC XÂY DỰNG**

**28. Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh**

***a. Trình tự thực hiện:***

**-** Người đề nghị thẩm định gửi 01 bộ hồ sơ đến Ban Quản lý các KCN Đồng Nai để thực hiện thẩm định.

**-**Ban Quản lý các KCN Đồng Nai sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định. Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, Ban Quản lý các KCN Đồng Nai có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.

- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

***b. Cách thức thực hiện:***

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh theo Mẫu số 01Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

- Hồ sơ thiết kế cơ sở (thuyết minh và bản vẽ) trong trường hợp thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh;

- Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

***d. Thời hạn giải quyết:***

Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau:

*- Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh:*

+ Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B;

+ Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức và cá nhân.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

***h. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở.

***h. Phí, Lệ phí:*** Theo quy định của Bộ Tài chính.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Mẫu Tờ trình Thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không quy định

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

**Mẫu 01. Tờ trình thẩm định dự án/thiết kế cơ sở hoặc thẩm định điều chỉnh dự án/điều chỉnh thiết kế cơ sở***(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …… | *……., ngày……tháng…….năm….* |

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở**

Kính gửi: *(Cơ quan chủ trì thẩm định)*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan................................................

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)**

1. Tên dự án:

2. Nhóm dự án:

3. Loại và cấp công trình:

4. Người quyết định đầu tư:

5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,…):

6. Địa điểm xây dựng:

7. Giá trị tổng mức đầu tư:

8. Nguồn vốn đầu tư:

9. Thời gian thực hiện:

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

12. Các thông tin khác (nếu có):

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO**

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

*(Tên tổ chức)* trình *(Cơ quan chủ trì thẩm định)* thẩm định dự án đầu tư xây dựng *(Tên dự án)* với các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*     **Tên người đại diện** |

**29. Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (với công trình thực hiện thiết kế 3 bước), hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (với công trình thực hiện thiết kế 2 bước) theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.

- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức có năng lực phù hợp theo quy định để ký hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; 10 ngày đối với các công trình còn lại. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng.

***b. Cách thức thực hiện:***

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

***c. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng (theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP);

- Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan.

- Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, trừ công trình nhà ở riêng lẻ.

- Bản sao hồ sơ về điều kiện năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng.

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

- Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

***d. Thời hạn giải quyết:***Không quá 20 ngày.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức và cá nhân.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Văn bản về kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng được lập theo Mẫu số 07 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

***h. Lệ phí****:* Theo quy định của Bộ Tài chính.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai***

- Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng (theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP).

- Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016.

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính****:* Không

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

MẪU TỜ TRÌNH  
Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình  
*(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ………………. | *…………., ngày……tháng…….năm........* |

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

**I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình:

2. Cấp công trình:

3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):

5. Địa điểm xây dựng:

6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:

7. Nguồn vốn đầu tư:

8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

10. Các thông tin khác có liên quan:

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM**

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC** *(Ký tên, đóng dấu)* **Tên người đại diện** |

**Mẫu số 03**

**Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ THẨM TRA -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………… V/v báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình | *………, ngày … tháng … năm……* |

**KẾT QUẢ THẨM TRA  
THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

**Công trình: ……………**

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH**

- Tên công trình: ... Loại, cấp công trình: ...

- Thuộc dự án đầu tư: ...

- Chủ đầu tư: ...

- Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...

- Nguồn vốn:...

- Địa Điểm xây dựng:...

- Đơn vị khảo sát xây dựng: ...

- Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

**II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA**

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

2. Danh Mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:

3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

**III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng Mục công trình)

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình

**IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA**

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.

3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:

a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;

b) Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;

c) Về đơn giá áp dụng cho công trình;

d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

**V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ**

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;

b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.

- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.

5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

7. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

**VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN**

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung chi phí | Giá trị đề nghị thẩm tra | Giá trị sau thẩm tra | Tăng, giảm (+;-) |
| 1 | Chi phí xây dựng |  |  |  |
| 2 | Chi phí thiết bị (nếu có) |  |  |  |
| 3 | Chi phí quản lý dự án |  |  |  |
| 4 | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng |  |  |  |
| 5 | Chi phí khác |  |  |  |
| 6 | Chi phí dự phòng |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |

(có phụ lục chi Tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

**VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ Điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

**CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN**

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

- …………………

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

*(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;  - Lưu. | **ĐƠN VỊ THẨM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)* |

**30. Cấp giấy phép xây dựng (*Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình*) đối với công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong khu công nghiệp (trừ công trình cấp đặc biệt)**.

***a. Trình tự thực hiện:***

- Chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa. Khi thẩm định hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép.

- Căn cứ quy mô, tính chất, loại công trình và địa điểm xây dựng công trình có trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Đối với công trình kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn quy định, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng.

***b. Cách thức thực hiện:***

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

*(1) Trường hợp xây dựng mới:*

*(1.1) Đối với công trình không theo tuyến.*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Riêng đối với công trình của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ quan nước ngoài đầu tư tại Việt Nam còn tuân thủ các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam; Đối với công trình tôn giáo bổ sung bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan tôn giáo theo phân cấp.

*(1.2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

+ Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Riêng đối với công trình ngầm phải bổ sung thêm: Bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500.

*(1.3) Đối với công trình quảng cáo:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê công trình đối với trường hợp thuê đất hoặc thuê công trình để xây dựng công trình quảng cáo;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

- Đối với trường hợp công trình xây dựng mới:

+ Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt cắt móng và mặt cắt công trình tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng chính công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Đối với trường hợp biển quảng cáo được gắn vào công trình đã được xây dựng hợp pháp:

+ Bản vẽ kết cấu của bộ phận công trình tại vị trí gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng công trình có gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50 - 1/100.

*(2) Trường hợp theo giai đoạn:*

*(2.1) Đối với công trình không theo tuyến:*

Đối với công trình cấp I, nếu chủ đầu tư có nhu cầu thì có thể đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo hai giai đoạn. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

- Giai đoạn 1:

+ Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, bản vẽ mặt bằng, mặt cắt chính của phần công trình đã được phê duyệt trong giai đoạn 1 tỷ lệ 1/50 - 1/200 kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: Giao thông, thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/100 - 1/200.

- Giai đoạn 2:

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chính giai đoạn 2 của công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

*(2.2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:*

Việc phân chia công trình theo giai đoạn thực hiện do chủ đầu tư xác định theo quyết định đầu tư. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phần đất thực hiện theo giai đoạn hoặc cả dự án theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

+ Các bản vẽ theo từng giai đoạn: Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình theo giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Đối với công trình ngầm yêu cầu phải có bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/100 - 1/500.

*(3) Đối với công trình theo dự án:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xây dựng đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng giai đoạn của dự án tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ các mặt đứng và các mặt cắt chính của từng công trình tỷ lệ 1/50- 1/200;

- Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 của từng công trình kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

*(4) Đối với công trình sửa chữa, cải tạo:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật hoặc bản sao giấy phép xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.

- Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.

*(5) Di dời công trình:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới tỷ lệ 1/50 - 1/500.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính phương án di dời gồm:

+ Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;

+ Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.

- Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại mục 3, mục 4 Điểm này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

Ngoài các tài liệu quy định đối với mỗi loại công trình nêu trên, hồ sơ đề nghị cấp hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng.

*(6) Đối với công trình xây dựng có thời hạn:* Hồ sơ như điểm (1.1); (4); (5) mục này.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Không quá 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Chủ đầu tư

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

***h. Lệ phí:*** Lệ phí cấp giấy phép xây dựng: 100.000 đồng/giấy phép (Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 25/02/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai).

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHEP XÂY DỰNG  
*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

*(*Sử dụng cho công trình: *Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)*

Kính gửi:..............................................................

**1. Thông tin về chủ đầu tư:**

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):........................................................................................

- Người đại diện:....................................Chức vụ (nếu có):.................................

- Địa chỉ liên hệ:..............................................................................................

- Số nhà:................. Đường/phố....................Phường/xã......................................

- Quận/huyện.....................................Tỉnh/thành phố:.........................................

- Số điện thoại:.................................................................................................

**2. Thông tin công trình:**

- Địa điểm xây dựng:.......................................................................................

- Lô đất số:..........................................Diện tích............m2.

- Tại số nhà:................. Đường/phố....................

- Phường/xã..........................................Quận/huyện.....................................

- Tỉnh, thành phố:..........................................................................................

**3. Nội dung đề nghị cấp phép:**

***3.1. Đối với công trình không theo tuyến:***

- Loại công trình:.................................................Cấp công trình:.......................

- Diện tích xây dựng:.........m2.

- Cốt xây dựng: …….m

- Tổng diện tích sàn:……….. m2*(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).*

- Chiều cao công trình:.....m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).*

- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

***3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:***

- Loại công trình:.................................................Cấp công trình:.......................

- Tổng chiều dài công trình:………..m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính x, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).*

- Cốt của công trình:........m *(ghi rõ cốt qua từng khu vực)*

- Chiều cao tĩnh không của tuyến:.....m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực).*

- Độ sâu công trình:.............m *(ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)*

***3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:***

- Loại công trình:.................................................Cấp công trình:.......................

- Diện tích xây dựng:.........m2.

- Cốt xây dựng:...........m

- Chiều cao công trình:.....m

***3.4. Đối với công trình quảng cáo:***

- Loại công trình:.................................................Cấp công trình:.......................

- Diện tích xây dựng:.........m2.

- Cốt xây dựng:...........m

- Chiều cao công trình:.....m

- Nội dung quảng cáo:..........................

***3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:***

- Cấp công trình:.......................

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):.........m2.

- Tổng diện tích sàn:……….. m2*(trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).*

- Chiều cao công trình:.....m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).*

- Số tầng: *(trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

***3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:***

- Loại công trình:.................................................Cấp công trình:.......................

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt)::.........m2.

- Tổng diện tích sàn:……….. *m2 (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).*

- Chiều cao công trình:.....m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).*

- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

***3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:***

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình:.................................................Cấp công trình:.......................

+ Diện tích xây dựng:.........m2.

+ Cốt xây dựng:...........m

+ Chiều sâu công trình:........m *(tính từ cốt xây dựng)*

- Giai đoạn 2:

+ Tổng diện tích sàn:……….. m2*(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).*

+ Chiều cao công trình:.....m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).*

+ Số tầng:......*(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

***3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:***

- Loại công trình:.................................................Cấp công trình:.......................

- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn:……….. m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính x, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).*

- Cốt của công trình:........m *(qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

- Chiều cao tĩnh không của tuyến:.....m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn).*

- Độ sâu công trình:...........m *(ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

***3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:***

- Tên dự án:........................................................

+ Đã được:..............phê duyệt, theo Quyết định số:............... ngày............

- Gồm: (*n)* công trình

Trong đó:

+ Công trình số *(1-n)*: *(tên công trình)*

\* Loại công trình:....................................Cấp công trình:.......................

\* Các thông tin chủ yếu của công trình:......................................

***3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:***

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình:.................................................Cấp công trình:.......................

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):.............................................................m2.

- Tổng diện tích sàn:..........................................................................................m2.

- Chiều cao công trình:......................................................................................m.

- Địa điểm công trình di dời đến: ……………………………………………….

- Lô đất số:...............................................Diện tích.......................................... m2.

- Tại:......................................................... Đường:................................................

- Phường (xã)..........................................Quận (huyện).....................................

- Tỉnh, thành phố:..................................................................................................

- Số tầng:..................................................................................................................

**4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế**:....................................................

- Tên đơn vị thiết kế:...................................................

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số …………. Cấp ngày …………

- Tên chủ nhiệm thiết kế:...................................................

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:...............do ……. Cấp ngày:.....................

- Địa chỉ:.................................................................................................

- Điện thoại: …………………..........................

- Giấy phép hành nghề số (nếu có):.............................cấp ngày.....................

**5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình**:...................... tháng.

**6. Cam kết:** Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

*Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:*

1 -

2 -

|  |  |
| --- | --- |
|  | ......... *ngày.*........ *tháng.*........ *năm.*........ **Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư** *Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)* |

**31. Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài**

***a. Trình tự thực hiện:***

(1) Trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng trình tự thực hiện như cấp giấy phép xây dựng.

(2) Trường hợp gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng:

- Chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm xem xét gia hạn giấy phép xây dựng hoặc cấp lại giấy phép xây dựng.

***b. Cách thức thực hiện:***

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Nộp qua internet tại địa chỉ: <http://diza.dongnai.gov.vn/> (vào mục Thủ tục hành chính); hoặc <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/web/bqlkcn>.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng : Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều : Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

*(1) Đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng,* thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

+ Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

*(2) Đối với trường hợp gia hạn giấy phép xây dựng,* thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

*(3) Đối với trường hợp cấp lại giấy phép xây dựng,* thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát).

- Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Điều chỉnh giấy phép xây dựng: Không quá 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng: Không quá 04 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Chủ đầu tư

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Giấy phép xây dựng được điều chỉnh, gia hạn hoặc cấp lại.

***h. Lệ phí:***

- Lệ phí cấp lại GPXD: không.

- Lệ phí điều chỉnh giấy phép xây dựng: 100.000 đồng/giấy phép (theo Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

- Lệ phí gia hạn giấy phép xây dựng: 10.000 đồng/lần (theo Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 25/02/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai).

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Đơn đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

**Mẫu đơn đề nghị điều chỉnh/gia hạn/cấp lại giấy phép xây dựng***(Ban hành kèm theo Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG***(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)*

Kính gửi:..............................................................

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):................................................................................................

- Người đại diện:..............................................Chức vụ:.......................................

- Địa chỉ liên hệ:........................................................................................................

- Số nhà:................. Đường (phố)....................Phường (xã)....................................

- Quận (huyện) …………………… Tỉnh, thành phố:..............................

- Số điện thoại:...........................................................................................................

2. Địa điểm xây dựng:.............................................................................................

- Lô đất số:...............................................Diện tích.......................................... m2.

- Tại:......................................................... Đường:................................................

- Phường (xã)..........................................Quận (huyện).....................................

- Tỉnh, thành phố:..................................................................................................

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:....................................................

- Tên đơn vị thiết kế:...................................................

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số …………. Cấp ngày …………

- Tên chủ nhiệm thiết kế:...................................................

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:...............do …….. Cấp ngày:....................

- Địa chỉ:.................................................................................................

- Điện thoại: …………………..........................

- Giấy phép hành nghề số (nếu có):.............................cấp ngày.....................

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn:....... tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

*Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:*

1 -

2 -

|  |  |
| --- | --- |
|  | ........ *ngày.*........ *tháng.*........ *năm.*........ **Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư** *Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)* |

**V. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

**32. Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam**

**a. Trình tự thực hiện**

- Thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép nơi dự kiến đặt Văn phòng đại diện.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

- Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định [07/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp từ chối cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

- Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập Văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành (sau đây gọi chung là Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành) và trường hợp việc thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, Cơ quan cấp Giấy phép gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cơ quan cấp Giấy phép, Bộ quản lý chuyên ngành có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cấp phép thành lập Văn phòng đại diện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành, Cơ quan cấp Giấy phép cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

**b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;

- Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện;

- Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

- Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện;

- Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm:

+ Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;

+ Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định [07/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) và quy định pháp luật có liên quan.

- Thành phần hồ sơ quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 (đối với trường hợp bản sao hộ chiếu của người đứng đầu Văn phòng đại diện là người nước ngoài) phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

**c. Thời hạn giải quyết** : 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** thương nhân nước ngoài

**đ. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai.

**e. Phí, Lệ phí:** 3.000.000 đồng/giấy phép

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

**h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:***mẫu MĐ-1 Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương.

**i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Thương nhân nước ngoài được cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Thương nhân nước ngoài được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc được pháp luật các quốc gia, vùng lãnh thổ này công nhận;

- Thương nhân nước ngoài đã hoạt động ít nhất 01 năm, kể từ ngày được thành lập hoặc đăng ký;

- Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ;

- Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phải phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

- Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập Văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành (sau đây gọi chung là Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành).

**k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số [07/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số [11/2016/TT-BCT](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2016/TT-BCT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số [07/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

*Mẫu MĐ-1*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*Địa điểm, ngày 22 tháng 5 năm 2016*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP**  
**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

**Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai**

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):PARK, HY - KYUN

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.............................

Quốc tịch của thương nhân:Hàn Quốc.

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh) No #1003, 411 Dong street 45, Wi city 4-ro ward, Ilsandong-gu District , Goyang-si City Gyeonggi-do Province, Korea.

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:235169

Do:..Hàn Quốc...cấp ngày…15….tháng…5....năm...2012 tạiHàn Quốc

Lĩnh vực hoạt động chính:.... Sản xuất vải các loại (vải dệt kim và dệt thoi)

Vốn điều lệ:22 tỷ VND, tương đương 1.000.0000 USD

Số tài khoản:...215793684. tại Ngân hàng: Sinhan Bank Hàn Quốc

Điện thoại:........................ Fax:......................

Email:......... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.. Ông TAEHYUN KIM

Chức vụ: Giám đốc.

Quốc tịch:Hàn Quốc

Tóm tắt quá trình hoạt động của thương nhân:..................................................

**Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:**

Tên Văn phòng đại diện /Chi nhánh[[2]](#footnote-2): VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN BUCHOEN TẠI ĐỒNG NAI

Tên viết tắt: (nếu có)BUCHOEN DONA. Tên giao dịch bằng tiếng Anh: BUCHOEN DONA

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố): Phân Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện /Chi nhánh: (nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động)..............................................

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

Họ và tên: NGUYỂN VĂN LONGGiới tính:..Nam

Quốc tịch:.Việt Nam

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:..271445023

Do: Công an Đồng Nai cấp ngày 25 tháng 3 năm 2005 tại Đồng Nai

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

**Tài liệu gửi kèm bao gồm:**

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương;

2. Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương;

3. Bản sao điều lệ hoạt động của Thương nhân nước ngoài (nếu có);

4. Bản sao điều lệ hoạt động của Chi nhánh;

5. Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân (nếu là người Việt Nam); Bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh;

6. Bản sao hợp đồng thuê địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

**Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)[[3]](#footnote-3)*

**33. Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam**

**a. Trình tự thực hiện:**

- Thương nhân nước ngoài thực hiện thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định [07/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện tại nơi chuyển đi. Quá thời hạn nêu trên, thương nhân nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định 07/2016/NĐ-CP.

- Thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không cấp lại phải có văn bản nêu rõ lý do.

**b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*Trường hợp cấp lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định*[*07/2016/NĐ-CP*](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*hồ sơ 01 bộ bao gồm:*

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 36 Nghị định 07/2016/NĐ-CP;

- Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp;

- Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện nơi chuyển đến theo quy định tại Điểm e khoản 1 Điều 10 Nghị định 07/2016/NĐ-CP.

*Trường hợp cấp lại theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định*[*07/2016/NĐ-CP*](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*hồ sơ 01 bộ bao gồm:* Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký.

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

**d. Thời hạn giải quyết:**

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*:*** thương nhân nước ngoài

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

**g. Phí, Lệ phí:** 1.500.000 đồng/giấy phép.

**h. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*:*** Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:*** mẫu MĐ-1, mẫu MĐ-2 Thông tư 11/2016/TT-BCT

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Thương nhân nước ngoài làm thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong những trường hợp sau:

- Chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác.

- Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số [07/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số [11/2016/TT-BCT](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2016/TT-BCT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số [07/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

*Mẫu MĐ-1*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*Địa điểm, ngày 22 tháng 5 năm 2016*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP**  
**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

**Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai**

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):PARK, HY - KYUN

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.............................

Quốc tịch của thương nhân: Hàn Quốc.

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh) No #1003, 411 Dong street 45, Wi city 4-ro ward, Ilsandong-gu District , Goyang-si City Gyeonggi-do Province, Korea.

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số: 235169

Do:..Hàn Quốc...cấp ngày…15….tháng…5....năm...2012 tạiHàn Quốc

Lĩnh vực hoạt động chính:.... Sản xuất vải các loại (vải dệt kim và dệt thoi)

Vốn điều lệ: 22 tỷ VND, tương đương 1.000.0000 USD

Số tài khoản:...215793684. tại Ngân hàng: Sinhan Bank Hàn Quốc

Điện thoại:........................ Fax:......................

Email:......... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.. Ông TAEHYUN KIM

Chức vụ: Giám đốc.

Quốc tịch:Hàn Quốc

Tóm tắt quá trình hoạt động của thương nhân:..................................................

**Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:**

Tên Văn phòng đại diện /Chi nhánh[[4]](#footnote-4): VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN BUCHOEN TẠI ĐỒNG NAI

Tên viết tắt: (nếu có) BUCHOEN DONA. Tên giao dịch bằng tiếng Anh: BUCHOEN DONA

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố): Phân Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện /Chi nhánh: (nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động)..............................................

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

Họ và tên: NGUYỂN VĂN LONGGiới tính:..Nam

Quốc tịch:.Việt Nam

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:..271445023

Do: Công an Đồng Nai cấp ngày 25 tháng 3 năm 2005 tại Đồng Nai

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

**Tài liệu gửi kèm bao gồm:**

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương;

2. Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương;

3. Bản sao điều lệ hoạt động của Thương nhân nước ngoài (nếu có);

4. Bản sao điều lệ hoạt động của Chi nhánh;

5. Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân (nếu là người Việt Nam); Bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh;

6. Bản sao hợp đồng thuê địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

**Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)[[5]](#footnote-5)*

*Mẫu MĐ-2*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*Địa điểm, ngày 22 tháng 5 năm 2016*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP**  
**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

**Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai**

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):........PARK, HY - KYUN

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):................................

Quốc tịch của thương nhân:...Hàn Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh) No #1003, 411 Dong street 45, Wi city 4-ro ward, Ilsandong-gu District , Goyang-si City Gyeonggi-do Province, Korea

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:..235169

Do:..Hàn Quốc...cấp ngày…15….tháng…5....năm...2012 tại….Hàn Quốc.......

Lĩnh vực hoạt động chính:.... Sản xuất vải các loại (vải dệt kim và dệt thoi).......

Vốn điều lệ:....22 tỷ VND, tương đương 1.000.0000 USD…….......................

Số tài khoản:...215793684.... tại Ngân hàng: Sinhan Bank Hàn Quốc

Điện thoại:............ Fax:............. Email:................. Website: (nếu có) ..............

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.. Ông TAEHYUN KIM.

Chức vụ:....Giám đốc

Quốc tịch:......Hàn Quốc

Tên Văn phòng đại diện /Chi nhánh[[6]](#footnote-6):..VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN BUCHOEN TẠI ĐỒNG NAI

Tên viết tắt: (nếu có)........BUCHOEN DONA

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: … BUCHOEN DONA

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố): Phân Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Giấy phép thành lập số:....4735699102. Do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 15 tháng 02 năm 2017 tại Đồng Nai.

Số tài khoản ngoại tệ: 1597853461 tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đông Á.

Số tài khoản tiền Việt Nam: 235791685 tại Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại CP Đông Á.

Điện thoại:............. Fax:.............. Email:................ Website: (nếu có)................

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy phép)..............

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

Họ và tên: NGUYỂN VĂN LONG. Giới tính:..Nam

Quốc tịch:.Việt Nam

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:..271445023

Do: Công an Đồng Nai cấp ngày 25 tháng 3 năm 2005 tại Đồng Nai

**Chúng tôi đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập với các nội dung cụ thể như sau:**

Nội dung điều chỉnh:.....................................................

Lý do điều chỉnh:...........................................

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

**Tài liệu gửi kèm bao gồm:**

1. Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh đã được cấp;

2. Giấy tờ chứng minh người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh sắp mãn nhiệm đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt Nam (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

3. Bản sao hộ chiếu, thị thực nhập cảnh (nếu là người nước ngoài) hoặc hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân (nếu là người Việt Nam) của người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh sắp kế nhiệm (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

4. Bản sao tài liệu pháp lý chứng minh sự thay đổi địa điểm của thương nhân nước ngoài trong phạm vi nước nơi thương nhân thành lập (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

5. Bản sao hợp đồng thuê địa điểm mới của Văn phòng đại diện/Chi nhánh (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP).

**Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)[[7]](#footnote-7)*

**34. Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam**

**a. Trình tự thực hiện:**

- Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi quy định về các nội dung quy định tại Điều 15 Nghị định [07/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

- Thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

- Trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy phép điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không điều chỉnh phải có văn bản nêu rõ lý do.

- Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập Văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành và trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, Cơ quan cấp Giấy phép gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép, Bộ quản lý chuyên ngành có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành, Cơ quan cấp Giấy phép điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không điều chỉnh phải có văn bản nêu rõ lý do.

**b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

- Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi, cụ thể:

+ Trường hợp thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài.

+ Trường hợp thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện: Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi.

+ Trường hợp thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện.

- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

Số lượng bộ hồ sơ*:*01 bộ

**d. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**thương nhân nước ngoài

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

**g. Phí, Lệ phí:** 1.500.000 đồng/giấy phép.

**h. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** mẫu MĐ-3 Thông tư 11/2016/TT-BCT

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong những trường hợp sau:

- Thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài.

- Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện.

- Thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện.

- Thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện.

- Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số [07/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số [11/2016/TT-BCT](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2016/TT-BCT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số [07/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

*Mẫu MĐ-3*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*Địa điểm, ngày 22 tháng 5 năm 2016*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP**

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH**

**Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai**

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):........PARK, HY - KYUN.................................................................

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.......................................

Quốc tịch của thương nhân:...Hàn Quốc......................................

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh) No #1003, 411 Dong street 45, Wi city 4-ro ward, Ilsandong-gu District , Goyang-si City Gyeonggi-do Province, Korea...................................................................

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:..235169...........................................

Do:..Hàn Quốc...cấp ngày…15….tháng…5....năm...2012 tại….Hàn Quốc.......

Lĩnh vực hoạt động chính:.... Sản xuất vải các loại (vải dệt kim và dệt thoi).......

Vốn điều lệ:....22 tỷ VND, tương đương 1.000.0000 USD…….......................

Số tài khoản:...215793684.... tại Ngân hàng: Sinhan Bank Hàn Quốc .............

Điện thoại:..................... Fax:............ Email:........... Website: (nếu có)................

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.. Ông TAEHYUN KIM................

Chức vụ:....Giám đốc..........................

Quốc tịch:......Hàn Quốc.........

Tên Văn phòng đại diện /Chi nhánh[[8]](#footnote-8):..VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN BUCHOEN TẠI ĐỒNG NAI...................................................................

Tên viết tắt: (nếu có)........BUCHOEN DONA..................................................

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: … BUCHOEN DONA ………………………..

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố): Phân Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6A, KCN Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Giấy phép thành lập số:....4735699102, do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 15 tháng 02 năm 2017 tại Đồng Nai.

Số tài khoản ngoại tệ: 1597853461 tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đông Á.

Số tài khoản tiền Việt Nam: 235791685 tại Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại CP Đông Á.

Điện thoại:........... Fax:......... Email:......... Website: (nếu có)..

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy phép)..........................................................

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

Họ và tên: NGUYỂN VĂN LONG...................Giới tính:..Nam

Quốc tịch:.Việt Nam............................................................................

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:..271445023.................................

Do: Công an Đồng Nai cấp ngày 25 tháng 3 năm 2005 tại Đồng Nai

**Chúng tôi đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập với lý do như sau: ……….**

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

**Tài liệu gửi kèm bao gồm:**

1. Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh đã được cấp (trong trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 11 và trường hợp bị rách theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP;

2. Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh đã được cấp (trong trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 và trường hợp bị mất, tiêu huỷ theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

3. Xác nhận của cơ quan đã cấp Giấy phép về việc xoá đăng ký Văn phòng đại diện tại địa phương cũ (trong trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

4. Bản sao hợp đồng thuê địa điểm mới của Văn phòng đại diện/Chi nhánh (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

5. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài (trong trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP).

**Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)[[9]](#footnote-9)*

**35. Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam**

**a. Trình tự thực hiện:**

- Hồ sơ gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện phải được nộp trong thời hạn ít nhất 30 ngày trước khi Giấy phép hết hạn.

- Thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không gia hạn phải có văn bản nêu rõ lý do.

- Trường hợp việc gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, Cơ quan cấp Giấy phép gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép, Bộ quản lý chuyên ngành có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành, Cơ quan cấp Giấy phép gia hạn hoặc không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không gia hạn phải có văn bản nêu rõ lý do.

**b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;

- Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

- Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

**d. Thời hạn giải quyết:**

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân nước ngoài

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

**g. Phí, Lệ phí:** 1.500.000 đồng/giấy phép.

**h. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** mẫu MĐ-4 Thông tư 11/2016/TT-BCT

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Thương nhân nước ngoài được gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện khi hết thời hạn quy định trong Giấy phép, trừ trường hợp có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 44 Nghị định 07/2016/NĐ-CP.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số [07/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số [11/2016/TT-BCT](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2016/TT-BCT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số [07/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

 - Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

*Mẫu MĐ-4*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*Địa điểm, ngày 22 tháng 5 năm 2016*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP**

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH**

**Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai**

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):........PARK, HY - KYUN.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):...................................

Quốc tịch của thương nhân:...Hàn Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh) No #1003, 411 Dong street 45, Wi city 4-ro ward, Ilsandong-gu District , Goyang-si City Gyeonggi-do Province, Korea.......

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:..235169........

Do:..Hàn Quốc...cấp ngày…15….tháng…5....năm...2012 tại….Hàn Quốc.......

Lĩnh vực hoạt động chính:.... Sản xuất vải các loại (vải dệt kim và dệt thoi).......

Vốn điều lệ:....22 tỷ VND, tương đương 1.000.0000 USD…….......................

Số tài khoản:...215793684.... tại Ngân hàng: Sinhan Bank Hàn Quốc .........

Điện thoại:............. Fax:.... Email:....................... Website: (nếu có)...........

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.. Ông TAEHYUN KIM..................

Chức vụ:....Giám đốc......................

Quốc tịch:......Hàn Quốc................

Tên Văn phòng đại diện /Chi nhánh[[10]](#footnote-10):..VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN BUCHOEN TẠI ĐỒNG NAI...................................................................

Tên viết tắt: (nếu có)........BUCHOEN DONA..................................................

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: … BUCHOEN DONA ………………………..

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố): Phân Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Giấy phép thành lập số:....4735699102, do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 15 tháng 02 năm 2017 tại Đồng Nai.

Số tài khoản ngoại tệ: 1597853461 tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đông Á.

Số tài khoản tiền Việt Nam: 235791685 tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đông Á.

Điện thoại:............ Fax:.......... Email:.............. Website: (nếu có)...........

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy phép)..................................................

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

Họ và tên: NGUYỂN VĂN LONG...................Giới tính:..Nam

Quốc tịch:.Việt Nam.................................................................

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:..271445023.................................

Do: Công an Đồng Nai cấp ngày 25 tháng 3 năm 2005 tại Đồng Nai

**Chúng tôi đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập với nội dung cụ thể như sau:**

1. Lý do đề nghị gia hạn:.............................................

2. Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm:..................................

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

**Tài liệu gửi kèm bao gồm:**

1. Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh đã được cấp;

2. Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương;

3. Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh tính từ thời điểm thành lập đến thời điểm đề nghị gia hạn (đối với trường hợp đề nghị gia hạn kể từ lần thứ hai, Văn phòng đại diện, Chi nhánh chỉ thực hiện báo cáo hoạt động từ thời điểm gia hạn gần nhất đến thời điểm đề nghị gia hạn kế tiếp).

4. Bản sao giấy tờ chứng minh Chi nhánh đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt Nam trong thời gian hoạt động (chỉ áp dụng đối với trường hợp Chi nhánh đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập).

**Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)[[11]](#footnote-11)*

**36. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép**

**a. Trình tự thực hiện:**

- Thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp giấy phép.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.

**b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ- CP;

- Bản sao văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 35 Nghị định [07/2016/NĐ-CP)](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP)&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Cơ quan cấp Giấy phép (đối với trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP);

- Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;

- Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;

- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

Số lượng bộ hồ sơ:01 bộ

**d. Thời hạn giải quyết:**

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân nước ngoài

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

**g. Phí, Lệ phí:** chưa có

**h. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** mẫu TB Thông tư 11/2016/TT-BCT

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- Theo đề nghị của thương nhân nước ngoài.

- Khi thương nhân nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi thương nhân đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh.

- Hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà thương nhân nước ngoài không đề nghị gia hạn.

- Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được Cơquan cấp Giấy phép đồng ý gia hạn.

- Bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 44 Nghị định 07/2016/NĐ-CP.

- Thương nhân nước ngoài, Văn phòng đại diện không còn đáp ứng một trong những điều kiện quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định 07/2016/NĐ-CP.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số [07/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số [11/2016/TT-BCT](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2016/TT-BCT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số [07/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

*Mẫu TB*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------------------------**

*Địa điểm, ngày 22 tháng 5 năm 2016*.

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN…/CHI NHÁNH … TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai

Tên thương nhân: PARK, HY - KYUN

Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh trong Giấy phép thành lập): VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN BUCHOEN TẠI ĐỒNG NAI. Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh số 243678991 Ngày cấp: 22 /5/2015.

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh theo Giấy phép thành lập) Phân Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại:.............. Fax:........... Email:...............Website: (nếu có) ..............

Thời hạn hoạt động: từ ngày 22 tháng 5 năm 2015 đến ngày 22 tháng 5 năm 2017.

11Thông báo việc thanh toán (hoặc chưa thanh toán) các Khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện…/Chi nhánh…:

1. Thuế: ................................................................................

2. Bảo hiểm xã hội:....................................................................................

3. Các Khoản khác:.....................................................................................

4. Các nghĩa vụ khác (nếu có): ...........................................................

**Đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện…/Chi nhánh tại Việt Nam:**

Từ ngày 23 tháng 5 năm 2017

Lý do chấm dứt hoạt động: ...................................................

**Chúng tôi cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số [07/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) pháp luật Việt Nam liên quan đến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.*/.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

11 Trong trường hợp chấm dứt hoạt động do chuyển địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Nghị định số [07/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) không phải kê khai nội dung này.

**VI. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**

**37. Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/ Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường**

***a) Trình tự thực hiện***

*Bước 1. Nộp hồ sơ:* Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Ban Quản lý các khu công nghiệp là cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định.

*Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:*Ban Quản lý các Khu công nghiệpxem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, cơ quan thẩm định phải có văn bản thông báo cho chủ dự án.

*Bước 3. Thẩm định hồ sơ:*

- Thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua Hội đồng thẩm định hoặc thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Trong quá trình thẩm định (trong trường hợp cần thiết), cơ quan thẩm định được tiến hành các hoạt động: Kiểm tra, khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia liên quan; tổ chức họp chuyên gia theo chuyên đề.

- Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án hoàn thiện và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, gồm:

+ 01 văn bản đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung;

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, chủ dự án ký vào phía dưới của từng trang hoặc đóng dấu giáp lai báo cáo kể cả phụ lục với số lượng đủ để gửi tới các địa chỉ quy định tại khoản 13 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP đã được sửa đổ, bổ sung bởi Nghị định số 40/2019/NĐ-CP kèm theo 01 đĩa CD trong đó chứa 01 tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và 01 tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục).

*Bước 4. Phê duyệt và gửi kết quả*

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

- Ban Quản lý các Khu công nghiệpgửi quyết định phê duyệt và báo cáo đánh giá tác động môi trường đến chủ dự án; Bộ Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi thực hiện dự án; Sở Tài nguyên và Môi trường.

***b) Cách thức thực hiện:***

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Nộp qua internet tại địa chỉ: <http://diza.dongnai.gov.vn/> (vào mục Thủ tục hành chính); hoặc <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/web/bqlkcn>.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ***

- 01 văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo Phụ lục 1.1 (kèm theo).

- 01 bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương;

- 07 bản báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn 07 người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường.

***d) Thời hạn giải quyết***

*- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ*: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

*- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*:

+ Tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

+ Tối đa là 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục III nhưng không thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

+ Tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với hình thức thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP **bao gồm các dự án thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường**.

*- Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:* tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc.

***đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Chủ dự án.

***e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính***

*- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:*Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.

*- Cơ quan được ủy quyền thực hiện*: Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

***h) Phí, lệ phí:*** Thực hiện theo quy định tại Thông tư 56/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018.

**i) Tên các mẫu đơn**

*- Phụ lục 1.1* : Mẫu văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

*- Phụ lục 1.2:* Mẫu trang bìa, trang phụ bìa của báo cáo đánh giá tác động môi trường (ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

*- Phụ lục 1.3:* Cấu trúc và nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường (ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

***k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** *không quy định*

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính***

- Luật Bảo vệ môi trường 2014

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định v ề đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

**Phụ lục 1.1. Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

|  |  |
| --- | --- |
| (1)***Công ty TNHH ACB* -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------** |
| Số: ***243/ĐTM-ACB***  V/v thẩm định báo cáo ĐTM của dự án (2) ***“Sản xuất các sản phẩm nhựa từ hạt nhựa với công suất 2.000 sản phẩm/năm”*** | ***Nhơn Trạch,*ngày 01 tháng 7 năm 2019** |

Kính gửi: (3)***Ban Quản lý các KCN Đồng Nai***

Chúng tôi là: (1)***Công ty TNHH ACB***, chủ đầu tư dự án (2)***“Sản xuất các sản phẩm nhựa từ hạt nhựa với công suất 2.000 sản phẩm/năm”***, thuộc mục số ***79, cột 3*** Phụ lục II Mục I của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

Dự án đầu tư do  ***Công ty TNHH ACB*** phê duyệt.

- Địa điểm thực hiện dự án: ***Lô 5, đường số 6, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai***

- Địa chỉ liên hệ của chủ dự án: ***Lô 5, đường số 6, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai*** .

- Điện thoại: ***12345678*** Fax***: 12345678***; E-mail: ***abc@gmail.com***

Chúng tôi gửi đến quý (3) ***Ban Quản lý các KCN Đồng Nai*** hồ sơ gồm:

- Một (01) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương của dự án.

- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3)***Ban Quản lý các KCN Đồng Nai*** thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;  - Lưu: ***ACB*** | ***Tổng Giám đốc***  (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) |

*Ghi chú: (1) chủ dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.*

**Phụ lục 1.2. Mẫu trang bìa và trang phụ bìa báo cáo đánh giá tác động môi trường**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cơ quan cấp trên của chủ dự án (nếu có)  (1) ***Công ty TNHH ACB***      **BÁO CÁO**  **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  của dự án (2) ***“Sản xuất các sản phẩm nhựa từ hạt nhựa với công suất 2.000 sản phẩm/năm”***       |  |  | | --- | --- | | **CHỦ DỰ ÁN (\*)** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* | **ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (\*)** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |       *Địa danh (\*\*), tháng … năm …* |

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan chủ dự án;

(2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án; (\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa; (\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án.

**Phụ lục 1.3. Cấu trúc, nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường**

**MỤC LỤC**

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ,...

**MỞ ĐẦU**

**1. Xuất xứ của dự án**

1.1. Thông tin chung về dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án (mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ hoặc dự án loại khác).

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương;

1.3. Mối quan hệ của dự án với các dự án khác và quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

1.4. Trường hợp dự án nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp (gọi chung là khu công nghiệp) thì phải nêu rõ tên của khu công nghiệp và thuyết minh rõ sự phù hợp của dự án với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng. Đính kèm bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường hoặc giấy tờ tương đương của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

**2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM:**

2.1. Chỉ liệt kê các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.

2.2. Liệt kê đầy đủ các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.

**3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường:** Tóm tắt việc tổ chức thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của chủ dự án, đơn vị tư vấn kèm theo danh sách (có chữ ký) của những người tham gia ĐTM.

**4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường:** Liệt kê đầy đủ các phương pháp đã được sử dụng và chỉ dẫn rõ sử dụng ở nội dung nào trong quá trình thực hiện ĐTM.

**Chương 1**

**MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN**

**1.1. Thông tin chung về dự án:**

- Tên dự án (theo dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng).

- Tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; người đại diện theo pháp luật của chủ dự án; nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án.

- Vị trí địa lý (các điểm mốc tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án. Mô tả rõ các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và các đối tượng khác có khả năng bị tác động bởi dự án.

- Mục tiêu; quy mô; công suất; công nghệ và loại hình dự án.

**1.2. Các hạng mục công trình của dự án**

Liệt kê đầy đủ, chi tiết về khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án, phân thành 3 loại sau:

- Các hạng mục công trình chính: dây chuyền sản xuất sản phẩm chính, hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án.

- Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án.

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: thu gom và thoát nước mưa; thu gom và thoát nước thải; xử lý nước thải (sinh hoạt, công nghiệp,...); xử lý bụi, khí thải; công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn; các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải, khí thải; ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ và các công trình bảo vệ môi trường khác.

Đối với các dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở, khu công nghiệp đang hoạt động, trong nội dung chương này phải làm rõ thêm các thông tin về thực trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở, khu công nghiệp hiện hữu; các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung; tính liên thông, kết nối với các hạng công trình hiện hữu với công trình đầu tư mới.

- Mô tả cụ thể hiện trạng quản lý, sử dụng đất khu vực thực hiện dự án; sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy định của pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan.

**1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án**

Liệt kê các loại nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án. Trường hợp dự án có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất, phải làm rõ về nhu cầu, năng lực sử dụng phế liệu; tỷ lệ, khối lượng phế liệu sử dụng được nhập khẩu và thu mua trong nước, đề xuất khối lượng phế liệu nhập khẩu khi dự án vận hành theo công suất thiết kế của dự án.

**1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành**

Mô tả chi tiết, cụ thể về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa.

**1.5. Biện pháp tổ chức thi công**

Mô tả chi tiết, cụ thể về các biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn biện pháp, công nghệ.

**1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án.**

**Chương 2**

**ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội** (không bắt buộc thực hiện đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp đã có các thủ tục về môi trường).

- Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về các điều kiện tự nhiên khu vực triển khai dự án, gồm các loại dữ liệu về: địa lý, địa chất; khí hậu, khí tượng; số liệu thủy văn, hải văn trong thời gian ít nhất 03 năm gần nhất.

- Tóm tắt các điều kiện về kinh tế - xã hội khu vực dự án, gồm: các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác); đặc điểm dân số, điều kiện y tế, văn hóa, giáo dục, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án. Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực dự án.

**2.2. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án**

2.2.1. Dữ liệu về hiện hạng môi trường và tài nguyên sinh vật

Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực triển khai dự án, trong đó làm rõ: chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án, môi trường nước mặt tiếp nhận trực tiếp nước thải của dự án; số liệu, thông tin về đa dạng sinh học trên cạn có thể bị tác động bởi dự án; khoảng cách từ dự án đến các vùng sinh thái nhạy cảm gần nhất; diện tích các loại rừng (nếu có); danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án; số liệu, thông tin về đa dạng sinh học biển và đất ngập nước ven biển có thể bị tác động bởi dự án (dữ liệu về tài nguyên sinh vật không bắt buộc đối với dự án trong khu công nghiệp đã có các thủ tục về môi trường).

2.2.2. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí,...

Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án được thực hiện ít nhất là 03 đợt khảo sát. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường. Tổng hợp kết quả để đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án; đánh giá được hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án trước khi triển khai xây dựng.

Đối với dự án có liên quan đến phóng xạ, trong mục này cần bổ sung kết quả quan trắc phóng xạ, đánh giá hiện trạng và sơ bộ phân tích nguyên nhân. Trường hợp nước thải cửa dự án đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp thì không cần đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt, trầm tích. Việc đánh giá hiện trạng môi trường không khí xung quanh chỉ yêu cầu đối với những dự án phát sinh bụi, khí thải gây ô nhiễm môi trường hoặc dự án sử dụng mô hình tính toán lan truyền ô nhiễm (nếu có).

2.2.3. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

Hiện trạng đa dạng sinh học, tài nguyên sinh vật khu vực thực hiện và chịu tác động của dự án (không bắt buộc đối với dự án trong khu công nghiệp đã có các thủ tục về môi trường), bao gồm:

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học trên cạn có thể bị tác động bởi dự án, như: nơi cư trú, các vùng sinh thái nhạy cảm (đất ngập nước nội địa, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di sản thiên nhiên thế giới trong và lân cận khu vực dự án); khoảng cách từ dự án đến các vùng sinh thái nhạy cảm gần nhất; diện tích các loại rừng (nếu có); danh mục và hiện hạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án (nếu có);

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học dưới nước là nguồn tiếp nhận chất thải hoặc chịu tác động trực tiếp của dự án (sông, hồ, biển, đất ngập nước ven biển,...) có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: đặc điểm hệ sinh thái dưới nước (nếu có), hệ sinh thái biển và đất ngập nước ven biển, danh mục và hiện trạng các loài phiêu sinh, động vật đáy, cá và tài nguyên thủy, hải sản khác (nếu có).

**Chương 3**

**ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

**Nguyên tắc chung:**

- Việc đánh giá tác động của dự án đến môi trường được thực hiện theo các giai đoạn triển khai xây dựng dự án và khi dự án đi vào vận hành (vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại) và phải được cụ thể hóa cho từng nguồn gây tác động, từng đối tượng bị tác động. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện phải phù hợp, đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đối với từng tác động đã được đánh giá.

- Đối với dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở, khu công nghiệp đang hoạt động phải đánh giá tổng hợp tác động môi trường của cơ sở, khu công nghiệp cũ và dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của dự án mới.

**3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án**

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Việc đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường của giai đoạn này tập trung vào các hoạt động chính sau đây:

- Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư,...;

- Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng;

- Khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);

- Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;

- Thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có công trình xây dựng);

- Làm sạch đường ống, làm sạch các thiết bị sản xuất, công trình bảo vệ môi trường của dự án (như: làm sạch bằng hóa chất, nước sạch, hơi nước,...).

Yêu cầu: Đối với nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải cần cụ thể hóa về thải lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải.

3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

- Về nước thải: Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có):

+ Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của từng nhà thầu thi công, xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

+ Công trình thu gom, xử lý các loại chất thải lỏng khác như hóa chất thải, hóa chất súc rửa đường ống..., đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Về rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Mô tả quy mô, vị trí, biện pháp bảo vệ môi trường của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

- Về bụi, khí thải: Các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

**3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành**

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Việc đánh giá tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào 02 giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại, với các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải (chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, các loại chất thải lỏng khác, tiếng ồn, độ rung,...). Mỗi tác động phải được cụ thể hóa về thải lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải.

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải.

- Đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, phải đánh giá bổ sung tác động từ việc phát sinh nước thải của dự án đối với hiện trạng thu gom, xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp; đánh giá khả năng tiếp nhận, xử lý của công trình xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp đối với khối lượng nước thải phát sinh lớn nhất từ hoạt động của dự án.

3.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

Yêu cầu chung: Trên cơ sở kết quả đánh giá các tác động tại Mục 3.2.1 nêu trên, chủ dự án phải căn cứ vào từng loại chất thải phát sinh (với lưu lượng và nồng độ các thông số ô nhiễm đặc trưng) để đề xuất lựa chọn các thiết bị, công nghệ xử lý chất thải phù hợp (trên cơ sở liệt kê, so sánh các thiết bị, công nghệ đang được sử dụng), đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường quy định.

a) Về công trình xử lý nước thải (bao gồm: các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và các loại chất thải lỏng khác):

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý nước thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc dự thảo thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước (sau đây gọi tắt là dự thảo bản vẽ thiết kế). Chi tiết được nêu tại Phụ lục 2 báo cáo.

- Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

b) Về công trình xử lý bụi, khí thải:

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý bụi, khí thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý bụi, khí thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (chi tiết được nêu tại Phụ lục 2 báo cáo);

- Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

c) Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình quản lý, xử lý chất thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình quản lý, xử lý chất thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (chi tiết được nêu tại Phụ lục 2 báo cáo).

d) Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải và khí thải (đối với trường hợp phải lắp đặt):

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (chi tiết được nêu tại Phụ lục 2 báo cáo).

đ) Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

**3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

- Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

**3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:**

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ về ĐTM có hạn; các nguyên nhân khác).

**Chương 4**

**PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

(Chỉ yêu cầu đối với các dự án khai thác khoáng sản)

**4.1. Lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực; quy hoạch sử dụng đất sau khai thác (nếu có) tổ chức, cá nhân phải xây dựng tối thiểu 02 phương án cải tạo, phục hồi môi trường khả thi.

- Đối với mỗi phương án cải tạo, phục hồi môi trường đưa ra cần mô tả các giải pháp; các công trình và khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường. Xây dựng bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,...).

- Tính toán “chỉ số phục hồi đất” cho các phương án lựa chọn. Trên cơ sở đánh giá và so sánh “chỉ số phục hồi đất” và ưu điểm, nhược điểm của các phương án, lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường tối ưu.

**4.2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường**

Từ phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục, khối lượng các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo, phục hồi môi trường.

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo, phục hồi môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Thiết kế các công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường từng giai đoạn trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

**4.3. Kế hoạch thực hiện**

- Sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

- Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình.

- Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên công trình** | **Khối lượng/ đơn vị** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Thời gian thực hiện** | **Thời gian hoàn thành** | **Ghi chú** |
| I | Khu vực khai thác |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Cải tạo bờ mỏ, đáy mỏ, bờ moong, đáy mong khu A |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Trồng cây khu A |  |  |  |  |  |  |
| … | .... |  |  |  |  |  |  |

**4.4. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường**

a) Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

Lập bảng tổng hợp chi phí và tiến độ thực hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

b) Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ:

Trình bày cụ thể các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo.

c) Đơn vị nhận ký quỹ:

Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị và tổ chức thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

**Chương 5**

**CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG**

**5.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án**

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương 1,3 dưới dạng bảng như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các giai đoạn của dự án** | **Các hoạt động của dự án** | **Các tác động môi trường** | **Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường** | **Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường** | **Thời gian thực hiện và hoàn thành** | **Trách nhiệm tổ chức thực hiện** | **Trách nhiệm giám sát** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Thi công xây dựng |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Vận hành thử nghiệm |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Vận hành thương mại |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**5.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án**

Chương trình giám sát môi trường phải được đặt ra cho quá trình thực hiện dự án, được thiết kế cho các giai đoạn: (1) Thi công xây dựng; (2) Vận hành thử nghiệm và (3) Dự kiến khi vận hành thương mại, cụ thể như sau:

- Giám sát nước thải và khí thải: phải quan trắc, giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải, khí thải trước và sau xử lý với tần suất tối thiểu 03 tháng/01 lần; vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ.

- Giám sát chất thải rắn: giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh; phải phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định,...

- Giám sát tự động, liên tục nước thải, khí thải và truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương (đối với trường hợp phải lắp đặt).

- Giám sát môi trường xung quanh: chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ hoặc một số loại hình đặc thù theo yêu cầu của cơ quan phê duyệt với tần suất tối thiểu 06 tháng/01 lần; vị trí các điểm giám sát phải được lựa chọn để đảm bảo tính đại diện và phải được mô tả rõ.

- Giám sát các vấn đề môi trường khác (trong trường hợp dự án có thể gây tác động đến): các hiện tượng trượt, sụt, lở, lún, xói lở, bồi lắng; sự thay đổi mực nước mặt, nước ngầm, xâm nhập mặn, xâm nhập phèn, các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các vấn đề này với tần suất tối thiểu 06 tháng/01 lần.

**Chương 6**

**KẾT QUẢ THAM VẤN**

**I. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG**

**6.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng:**

Nêu tóm tắt quá trình tổ chức tham vấn ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án và quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án dưới hình thức họp cộng đồng dân cư như sau:

6.1.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức tham vấn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Mô tả rõ quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng đã được thực hiện và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản do chủ dự án gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án; số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án. Trường hợp không nhận được ý kiến trả lời bằng văn bản của một số Ủy ban cấp xã, tổ chức chịu tác động, phải chứng minh việc đã gửi văn bản đến các cơ quan này nhưng không nhận được ý kiến phản hồi.

6.1.2. Tóm tắt về quá hình tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Nêu rõ việc phối hợp của chủ dự án với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án trong việc đồng chủ trì họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án, trong đó làm rõ thông tin về các thành phần tham gia cuộc họp.

**6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng**

6.2.1. Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Nêu rõ các ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức chịu tác động trực tiếp về các nội dung của báo cáo ĐTM và các kiến nghị kèm theo (nếu có).

6.2.2. Ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Nêu tóm tắt các ý kiến góp ý với trình bày của chủ dự án về nội dung báo cáo ĐTM của dự án tại cuộc họp tham vấn cộng đồng dân cư; kiến nghị của cộng đồng dân cư.

6.2.3. Ý kiến phản hồi và cam kết của chủ dự án đối với các đề xuất, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn: Nêu rõ những ý kiến tiếp thu và giải trình những ý kiến không tiếp thu của chủ dự án đối với các ý kiến góp ý, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn; cam kết của chủ dự án về việc thực hiện những ý kiến tiếp thu.

Lưu ý: Bản sao các văn bản của chủ dự án gửi xin ý kiến tham vấn, văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến; bản sao Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án phải được đính kèm tại Phụ lục của báo cáo ĐTM.

**II. THAM VẤN CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC (đối với dự án thuộc Phụ lục IIa):** Mô tả rõ quá trình tham vấn ý kiến của các nhà khoa học, chuyên gia liên quan đến lĩnh vực hoạt động của dự án và chuyên gia môi trường thông qua hình thức hội thảo, tọa đàm; ý kiến đánh giá của từng nhà khoa học, chuyên gia; ý kiến giải trình, tiếp thu và cam kết thực hiện của chủ dự án.

**III. THAM VẤN TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN VỀ TÍNH CHUẨN XÁC CỦA MÔ HÌNH:** Mô tả quá trình lấy ý kiến của tổ chức chuyên môn về tính chuẩn xác của mô hình; ý kiến nhận xét của tổ chức chuyên môn; ý kiến giải trình, tiếp thu và cam kết thực hiện của chủ dự án.

**KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

**1. Kết luận:** Phải có kết luận về các vấn đề, như: đã nhận dạng và đánh giá được hết các tác động chưa, vấn đề gì còn chưa dự báo được; đánh giá tổng quát về mức độ, quy mô của các tác động đã xác định; mức độ khả thi của các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng chống, ứng phó các sự cố, rủi ro môi trường; các tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án và nêu rõ lý do.

**2. Kiến nghị:** Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết các vấn đề vượt khả năng giải quyết của dự án.

**3.** Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

**PHỤ LỤC I**

Đính kèm trong Phụ lục I của báo cáo ĐTM là các loại tài liệu sau đây: Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến dự án; các phiếu kết quả phân tích môi trường nền đã thực hiện; bản sao các văn bản liên quan đến tham vấn cộng đồng; bản sao các văn bản tham vấn thông qua hội thảo, tọa đàm (nếu có); bản sao các văn bản nhận xét của tổ chức chuyên môn có liên quan về tính chuẩn xác của mô hình (nếu có); các hình ảnh liên quan đến khu vực dự án (nếu có).

Đối với dự án khai thác khoáng sản phải có thêm các bản vẽ sau đây: Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ vỉa khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000); Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác; Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000); Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm; Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000).

**PHỤ LỤC II**

Đính kèm trong Phụ lục II của báo cáo ĐTM là thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xử lý chất thải (đối với các dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước); công trình cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có).

***Ghi chú:*** Tùy theo từng dự án cụ thể, nội dung của báo cáo ĐTM có thể được bổ sung thêm các nội dung đặc thù hoặc lược bỏ những nội dung không cần thiết, không liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của dự án nhưng vẫn phải bảo đảm các nội dung chính và yêu cầu của báo cáo ĐTM nêu trên.

**38. Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt**

**a) Trình tự thực hiện:**

*Bước 1. Nộp hồ sơ:* Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận về môi trường đối với đề nghị thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt đến Ban Quản lý các KCN.

*Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:*Ban Quản lý các KCN xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, cơ quan thẩm định phải có văn bản thông báo cho chủ dự án.

*Bước 3. Xem xét hồ sơ:*

- Việc xem xét, chấp thuận về môi trường đối với đề nghị thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến của ít nhất 03 chuyên gia làm cơ sở để cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường xem xét, quyết định.

- Nội dung Báo cáo xem xét, chấp thuận về môi trường đối với đề nghị thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt bao gồm: những nội dung thay đổi; các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ những thay đổi; các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh kèm theo các thay đổi quản lý, giám sát môi trường theo Mẫu số 3.2 (kèm theo).

*Bước 4. Trả kết quả:*

- Ban Quản lý các KCN ban hành Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận với lý do rõ ràng.

- Ban Quản lý các KCN gửi Văn bản đến chủ dự án và các cơ quan liên quan.

***b) Cách thức thực hiện:***

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Nộp qua internet tại địa chỉ: <http://diza.dongnai.gov.vn/> (vào mục Thủ tục hành chính); hoặc <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/web/bqlkcn>.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ***

a) Văn bản đề nghị thay đổi của chủ dự án theo Mẫu số 3.1 (kèm theo).

b) Báo cáo về những nội dung thay đổi; các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ những thay đổi; các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh kèm theo các thay đổi quản lý, giám sát môi trường theo Mẫu số 3.2 (kèm theo).

***d) Thời hạn giải quyết***

*- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ*: 05 (năm) ngày làm việc.

*- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*: Tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Chủ dự án.

***e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính***

*- Cơ quan có thẩm quyền quyết định;*Ban Quản lý các KCN

*- Cơ quan được ủy quyền thực hiện*: Ban Quản lý các KCN.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Văn bản trả kết quả về đề nghị chấp thuận về môi trường.

***h) Phí, lệ phí:*** không quy định.

**i) Tên các mẫu đơn**

*- Phụ lục 3.1* : Mẫu văn bản đề nghị thay đổi của Chủ dự án (ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

*- Phụ lục 3.2:* Mẫu báo cáo về các nội dung thay đổi (ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

***k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** *không quy định*

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính***

- Luật bảo vệ môi trường 2014

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

**Phụ lục 3.1**

**Văn bản đề nghị thay đổi của chủ dự án đối với trường hợp tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp của dự án đang trong quá trình triển khai xây dựng**

|  |  |
| --- | --- |
| (1) **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: … V/v thay đổi …….. của (2) | *(Địa danh), ngày … tháng … năm ……* |

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của (2), đã được (3) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại quyết định số …; địa điểm thực hiện dự án: …;

Địa chỉ liên hệ của (1): …………………………………………………………………………………

Điện thoại: ………………………………; Fax: ………………………..; E-mail: …………………….

Chúng tôi gửi đến (3) ba (03) bản báo cáo những thay đổi (nêu cụ thể việc thay đổi: tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ của dự án hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp) của (2).

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét, phê duyệt những thay đổi nêu trên.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - …; - Lưu: … | (4) *(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án;

(2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

(3) Cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

**Phụ lục 3.2**

**Báo cáo những nội dung thay đổi của chủ dự án đối với trường hợp tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp của dự án đang trong quá trình triển khai xây dựng**

|  |  |
| --- | --- |
| (1) **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: … V/v thay đổi ….. của (2) | *(Địa danh), ngày … tháng … năm ……* |

Kính gửi: (3)

Căn cứ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số ngày ... tháng ... năm ...của (2); Chúng tôi là chủ đầu tư của (2) đề nghị thay đổi (nêu cụ thể việc thay đổi: tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ của dự án hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp) của (2), cụ thể như sau:

**1. Những nội dung đề nghị thay đổi:**

1.1. Nội dung đã được phê duyệt (nêu rõ quy mô, công suất, công nghệ, ngành nghề đã được phê duyệt).

1.2. Nội dung đề nghị thay đổi (nêu rõ quy mô, công suất, công nghệ, ngành nghề đề nghị thay đổi, bổ sung).

**2. Đánh giá tác động do việc thay đổi nêu tại mục 1.2** (phải đánh giá chi tiết các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ việc thay đổi).

**3. Các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh**

3.1. Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường

3.2. Các biện pháp xử lý chất thải phát sinh

**4. Các thay đổi về quản lý, giám sát môi trường**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - …; - Lưu: … | (4) *(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án;

(2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; /

(3) Cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(4) Đại diện có thẩm quyền của (1)

**39. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án**

**a) Trình tự thực hiện:**

*Bước 1. Nộp hồ sơ:* Chủ dự án nộp hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường của dự án đến Ban Quản lý các KCN cấp tỉnh.

*Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:*Ban Quản lý các KCN xem xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định.

*Bước 3. Tiến hành kiểm tra và trả kết quả*:

- Việc kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án được tiến hành thông qua đoàn kiểm tra do Ban Quản lý các KCN thành lập.

- Đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và kiểm tra thực tế các công trình bảo vệ môi trường của dự án. Kết quả kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường của dự án phải được thể hiện dưới hình thức biên bản kiểm tra.

- Trên cơ sở kết quả kiểm tra, trường hợp công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đã được xây dựng phù hợp với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và văn bản chấp thuận cho phép điều chỉnh, thay đổi của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có), Ban Quản lý các KCN cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án. Trường hợp công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án chưa đáp ứng các yêu cầu, cơ quan kiểm tra có thông báo bằng văn bản đến chủ dự án.

Chủ dự án có trách nhiệm khắc phục các vấn đề còn tồn tại đối với công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án và báo cáo UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền để được xem xét, xác nhận.

***b) Cách thức thực hiện:***

- Đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Các công trình đã được xây lắp; quy mô, công suất, quy trình vận hành của từng công trình; hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng để xử lý nước thải; hệ thống quan trắc tự động, liên tục (nếu có); quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý;

- Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải: Các công trình, thiết bị đã được xây lắp; quy mô, công suất, quy trình vận hành của từng công trình, thiết bị; hóa chất, các chất xúc tác sử dụng để xử lý bụi, khí thải; hệ thống quan trắc tự động, liên tục (nếu có); quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý;

- Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và rác thải sinh hoạt: Các công trình đã được xây lắp; quy mô, công suất và quy trình vận hành của công trình đó; các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình đó; quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng;

- Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải nguy hại: Các công trình đã được xây lắp; quy mô, công suất và quy trình vận hành đối với công trình đó; các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình đó; quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng;

- Đối với công trình bảo vệ môi trường khác: Các công trình đã được xây dựng; quy mô, công suất và quy trình vận hành đối với công trình đó; các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình; quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng;

- Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Các công trình đã được xây dựng; quy mô, công suất và quy trình vận hành của công trình đó; các thông số kỹ thuật cơ bản; quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng;

- Chương trình quan trắc và giám sát môi trường khi dự án vận hành.

*\* Nộp hồ sơ:*

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Nộp qua internet tại địa chỉ: <http://diza.dongnai.gov.vn/> (vào mục Thủ tục hành chính); hoặc <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/web/bqlkcn>.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ***

- 01 văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án theo Mẫu số 12 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;

- 07 bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án, kèm theo kết quả quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm và hồ sơ hoàn công các công trình bảo vệ môi trường đã được hoàn thành theo Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

- 01 bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

- 01 văn bản của Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

+ Trường hợp dự án có nhiều phân kỳ đầu tư hoặc có các hạng mục độc lập, chủ dự án được lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành cho từng phân kỳ đầu tư hoặc cho từng hạng mục độc lập của dự án với điều kiện đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành cho từng phân kỳ đầu tư hoặc cho từng hạng mục độc lập của dự án.

+ Dự án được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 1993 hoặc Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 nhưng không thuộc danh mục quy định tại cột 4 Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ, chủ dự án được miễn trừ trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án.

***d) Thời hạn giải quyết***

*- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ:*Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

*- Thời hạn kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường:* là 15 (mười lăm) ngày làm việc, không bao gồm thời gian chủ dự án hoàn thiện hồ sơ và thời gian phân tích mẫu chất thải (lấy mẫu tổ hợp trong trường hợp cần thiết).

***đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Chủ dự án nộp hồ sơ đăng ký.

***e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính***

*- Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ban Quản lý các KCN.

*- Cơ quan trực tiếp thực hiện:*Ban Quản lý các KCN.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án.

***h) Phí, lệ phí:*** Không quy định

***i) Tên các mẫu đơn***

- Mẫu văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án (Mẫu số 12 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

- Mẫu báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường của dự án (Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính***

- Luật Bảo vệ môi trường 2014.

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

**Mẫu số 12**

**Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án**

|  |  |
| --- | --- |
| (1)------------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: … V/v đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án | *(Địa danh), ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: (2)

Chúng tôi là (1), là chủ đầu tư Dự án (3), đã được (4) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số... ngày... tháng... năm...

- Địa chỉ văn phòng của (1): ……………………………………….

- Địa điểm thực hiện Dự án (3): ………………………………………………………..

- Địa chỉ liên hệ của (1): ………………………………………………

Điện thoại: …………………; Fax: ……………….; E-mail: ………………..

Chúng tôi xin gửi đến (2) hồ sơ gồm:

- Bảy (07) Bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án.

- Một (01) Bản sao Quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt.

- Một (01) văn bản của Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

Chúng tôi xin cam kết về độ trung thực của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

Đề nghị (2) kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; -  - Lưu: ... | (5) *(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án;

(2) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

(3) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của Dự án

(4) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(5) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

**Mẫu số 13**

**Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án**

|  |  |
| --- | --- |
| (1)------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: … | *(Địa danh), ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường**của Dự án (3)

Kính gửi: (2)

**1. Thông tin chung về dự án:**

- Tên chủ dự án: ……………………………………………

- Địa chỉ văn phòng: …………………………………………

- Điện thoại: ………………; Fax:……………; E-mail:..………………..

- Địa điểm thực hiện dự án:

- Quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án:……………

- Văn bản của cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh đánh giá về kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án: ……..……………………………

**2. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án) đã hoàn thành**

**2.1. Công trình thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải**

2.1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật mạng lưới thu gom, thoát nước mưa bề mặt; số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát (như: tự chảy, đập xả tràn, van chặn,...) và sơ đồ minh họa.

2.1.2. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải: Mô tả chức năng kèm theo thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thu gom nước thải dẫn về các công trình xử lý nước thải.

- Mạng lưới thoát nước thải: Mô tả chức năng kèm theo thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài, ...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường hoặc xả ra ngoài phạm vi của công trình xử lý chất thải.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Mô tả chi tiết vị trí xả nước thải, quy trình vận hành; đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đối nối nước thải; nguồn tiếp nhận nước thải.

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên.

2.1.3. Công trình xử lý nước thải:

- Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải đã được xây dựng hoặc lắp đặt (tên đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng,...), trong đó làm rõ: chức năng của công trình; quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình; các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng; định mức tiêu hao năng lượng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành; yêu cầu, quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý.

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã được lắp đặt kèm theo hồ sơ mô tả đặc tính, CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; việc kết nối và truyền số liệu quan trắc trực tuyến về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát.

2.1.4. Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải (cần nêu rõ tên và địa chỉ liên hệ của đơn vị thực hiện việc quan trắc môi trường: thời gian, tần suất, phương pháp, kết quả đo đạc, lấy và phân tích mẫu; thiết bị, phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu được sử dụng)

Việc đánh giá hiệu quả công trình xử lý nước thải được thực hiện thông qua kết quả quan trắc nước thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) và số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có) đối với từng công đoạn và đối với toàn bộ hệ thống xử lý (chương trình và phương pháp lấy mẫu tổ hợp để đánh giá), gồm:

- Kết quả đánh giá hiệu suất của từng công đoạn xử lý được thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả quan trắc nước thải đối với một số thông số ô nhiễm chính đã sử dụng để tính toán thiết kế cho từng công đoạn của hệ thống xử lý nước thải và được trình bày theo bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý** | **Lưu lượng thải (Đơn vị tính)** | **Thông số ô nhiễm chính tại công đoạn ………. (Đơn vị tính)** | | | | | |
| **Thông số A** | | **Thông số B** | | **v.v...** | |
| **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** |
| Lần 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| Lần 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| Lần n, ….. |  |  |  |  |  |  |  |
| Hiệu suất xử lý của từng công đoạn xử lý nước thải (%) |  |  |  |  |  |  |  |

- Kết quả đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải được thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả quan trắc nước thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) của các thông số môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với ngành, lĩnh vực có quy chuẩn riêng hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải (sinh hoạt, công nghiệp). Đối với một số ngành công nghiệp đặc thù phải thực hiện quan trắc các thông số môi trường theo quyết định của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và được trình bày theo bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng** | **Lưu lượng thải (Đơn vị tính)** | **Thông số môi trường của dự án** | | | | | |
| **Thông số A (Đơn vị tính)** | | **Thông số B (Đơn vị tính)** | | **v.v...** | |
| **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** |
| Lần 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| Lần 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| Lần n,... |  |  |  |  |  |  |  |
| Theo QCVN (tương ứng với từng loại hình sản xuất). |  |  |  |  |  |  |  |

- Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải thông qua số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt) của các ngày đã thực hiện lấy, phân tích mẫu nước thải trong phòng thí nghiệm. Kết quả quan trắc tự động, liên tục được so sánh, đối chiếu với kết quả đo nhanh hiện trường và kết quả lấy, phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm. Giá trị trung bình theo ngày của các kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục được so sánh với giá trị tối đa cho phép các thông số môi trường của các quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng để đánh giá sự phù hợp quy chuẩn (không phân biệt phương pháp đo đạc, lấy và phân tích mẫu trong quy chuẩn kỹ thuật).

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giá trị trung bình theo ngày (24 giờ) của các kết quả đo được so sánh với giá trị tối đa cho phép của quy chuẩn kỹ thuật về chất thải** | **Lưu lượng thải (Đơn vị tính)** | **Thông số quan trắc tự động, liên tục** | | | | | |
| **Thông số A (Đơn vị tính)** | | **Thông số B (Đơn vị tính)** | | **v.v...** | |
| **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** |
| Ngày thứ 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| Ngày thứ 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| Ngày thứ n (kết quả đánh giá theo ngày lấy mẫu để phân tích trong phòng thí nghiệm) |  |  |  |  |  |  |  |
| Theo QCVN (tương ứng với từng loại hình sản xuất). |  |  |  |  |  |  |  |

**2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải:**

- Mô tả rõ từng công trình xử lý khí thải đã được xây dựng hoặc lắp đặt (tên đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng,...), trong đó làm rõ: chức năng của công trình; quy mô, công suất, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình; các loại hóa chất, xúc tác sử dụng; định mức tiêu hao năng lượng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành công trình; yêu cầu, quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý.

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục đã được lắp đặt kèm theo hồ sơ mô tả đặc tính, CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; kết quả kết nối và truyền số liệu quan trắc trực tuyến về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát.

- Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Việc đánh giá hiệu quả xử lý được thực hiện thông qua kết quả quan trắc khí thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) và số liệu quan trắc tự động, liên tục (nếu có) đối với từng công đoạn và đối với toàn bộ hệ thống xử lý. Chủ dự án thực hiện thống kê dưới dạng bảng tương tự như đối với nước thải tại Mục 2.1.4 nêu trên.

**2.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Công trình lưu giữ chất thải đã được xây dựng, lắp đặt, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành công trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Công trình xử lý chất thải: Mô tả chức năng, quy mô, công suất, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành; kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải.

**2.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:**

- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại đã được xây dựng, lắp đặt, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành công trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Công trình xử lý chất thải nguy hại: Mô tả chức năng, quy mô, công suất, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành; kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải nguy hại.

**2.5. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:**

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với từng loại chất thải, trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình.

- Đánh giá hiệu quả, khả năng đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, ứng phó sự cố về chất thải của công trình, thiết bị đã hoàn thành; đề xuất phương án cải thiện, bổ sung và cam kết lộ trình hoàn thành trên cơ sở kết quả vận hành thử nghiệm dự án.

**2.6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:**

Mô tả các công trình lưu giữ chất thải khác đã được xây dựng, lắp đặt kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Riêng đối với công trình xử lý chất thải phải mô tả thêm quy mô, công suất và quy trình vận hành; kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý.

**3. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt**

(Kết quả trình bày cần thể hiện dưới dạng bảng có thuyết minh kèm theo, trong đó nêu rõ những nội dung đã được điều chỉnh, thay đổi và quyết định phê duyệt điều chỉnh của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM; các nội dung thay đổi khác có tác động tích cực hoặc không có tác động xấu đến môi trường)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên công trình bảo vệ môi trường** | **Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM** | **Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện** | **Quyết định phê duyệt điều chỉnh của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM (nếu có)** |
| 1. | ... | ... | … |  |
| 2... | ... | ... | … |  |

**4. Chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn vận hành (khi dự án đi vào vận hành thương mại):**

Trên cơ sở kết quả vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án, chủ dự án tự rà soát để đề xuất điều chỉnh, bổ sung chương trình quan trắc và giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường quy định.

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - …; - Lưu: ... | (4) *(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án;

(2) Tên cơ quan kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường;

(3) Tên đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (3);

(4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

\* Phụ lục kèm theo báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án, bao gồm các tài liệu sau (tùy loại hình dự án và từng dự án cụ thể mà có thể có một số hoặc tất cả các tài liệu này):

- Hồ sơ hoàn công kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành các công trình bảo vệ môi trường;

- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các thiết bị xử lý môi trường đồng bộ nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;

- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải;

- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thay đổi, điều chỉnh báo cáo ĐTM của dự án;

- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường.

**40. Đăng ký/Đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường**

**a) Trình tự thực hiện:**

*Bước 1. Nộp hồ sơ:* Chủ dự án nộp hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tới Ban Quản lý các KCN.

*Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:*Ban Quản lý các KCN xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, phải có văn bản thông báo cho chủ dự án.

*Bước 3. Xem xét hồ sơ:*

- Ban Quản lý các KCN xem xét, xác nhận đăng ký/đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở trong vòng 10 ngày làm việc.

- Trường hợp chưa xác nhận phải có thông báo bằng một văn bản và nêu lý do (trong đó nêu rõ tất cả các nội dung cần phải bổ sung, hoàn thiện một lần).

*Bước 4. Trả kết quả*

- Ban Quản lý các KCN thông báo kết quả tới Chủ dự án, Chủ cơ sở.

***b) Cách thức thực hiện:***

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm HCC tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

- Gửi qua dịch vụ bưu điện (Địa chỉ: Trung tâm hành chính công - quầy Ban Quản lý các KCN, Số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

- Sáng : Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

(Trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định).

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ***

a) 01 văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở theo Mẫu 4.1 trong Phụ lục kèm theo dưới đây.

b) 03 bản kế hoạch bảo vệ môi trường (kèm theo bản điện tử) của dự án, cơ sở theo Mẫu 4.2 trong Phụ lục kèm theo dưới đây.

c) 01 báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án, cơ sở (kèm theo bản điện tử).

***d) Thời hạn giải quyết***

*- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ*: trong thời hạn xem xét hồ sơ.

*- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*: Tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Chủ dự án, cơ sở.

***e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính***

*- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ban Quản lý các KCN

*- Cơ quan được ủy quyền thực hiện*: Ban Quản lý các KCN

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Văn bản trả kết quả về đề nghị chấp thuận về môi trường;

***h) Phí, lệ phí:*** không quy định

**i) Tên các mẫu đơn**

*- Phụ lục 4.1* : Mẫu văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Chủ dự án (ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

*- Phụ lục 4.2:* Mẫu bản kế hoạch bảo vệ môi trường (ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

***k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** *không quy định*

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính***

- Luật bảo vệ môi trường 2014

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến luợc, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết huớng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

**Phụ lục 4.1**

**Văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  --------  Số: ...  V/v: Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  -------------  *(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...* |

Kính gửi: (3)

(1) Là chủ đầu tư của (2), thuộc đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường quy định tại mục số ..., cột 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường. Chúng tôi đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường như sau:

Tên của (1): ............................................................................................

Địa điểm thực hiện của (2): ...................................................................

Địa chỉ liên hệ của (1): ...; Điện thoại: ...; Fax: ; E-mail: ..........

Chúng tôi gửi đến (3) hồ sơ gồm:

- Ba (03) bản kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Một (01) báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Một (01) bản điện tử của các hồ sơ nêu trên.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của (2)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - ...;  - Lưu: ... | (4)  *(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

*(1) Chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;*

*(2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;*

*(3) Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;*

*(4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

**Phụ lục 4.2**

**Cấu trúc và nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**

**2a. Mẫu trang bìa và trang phụ bìa:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **(1)**  **KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  của (2)   |  |  | | --- | --- | | **ĐẠI DIỆN (\*)**  *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu (nếu có))* | **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN**  **(nếu có) (\*)**  *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |   *(\*\*), tháng... năm ...* |

***Ghi chú:***

*(1) Chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;*

*(2) Tên dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

*(\*) Chỉ thể hiện tại trang phụ bìa.*

*(\*\*) Ghi địa danh cấp huyện nơi thực hiện hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

**2b. Cấu trúc và nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường**

**MỤC LỤC**

**Danh mục các từ và các ký hiệu viết tắt  
Danh mục các bảng, các hình vẽ,...**

**MỞ ĐẦU  
Chương 1**

**MÔ TẢ SƠ LƯỢC VỀ DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ**

**1.1. Thông tin chung về dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (gọi chung là dự án):**

- Tên gọi của dự án (theo dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng).

- Tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; người đại diện theo pháp luật của chủ dự án; nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án.

- Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình dự án.

- Vị trí địa lý (các điểm mốc tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án.

**1.2. Nguyên, nhiên liệu sử dụng và các sản phẩm của dự án:** Liệt kê các loại nguyên, nhiên liệu sử dụng và các sản phẩm của dự án.

**1.3. Các hạng mục công trình của dự án**

- Các hạng mục công trình chính: dây chuyền sản xuất sản phẩm chính, hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án.

- Các hạng mục công trình phụ trợ: giao thông vận tải; bưu chính viễn thông; cung cấp điện; cung cấp nước; giải phóng mặt bằng;...

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: thu gom và thoát nước mưa; thu gom và thoát nước thải; xử lý nước thải (sinh hoạt, công nghiệp,...); xử lý bụi, khí thải; công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn; các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải, khí thải; ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ và các công trình bảo vệ môi trường khác.

Đối với các dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở đang hoạt động, trong nội dung chương này phải làm rõ thêm các thông tin về thực trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở hiện hữu; các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung; tính liên thông, kết nối với các hạng mục công trình hiện hữu với công trình đầu tư mới.

**1.4 Hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án**

- Làm rõ nguồn tiếp nhận nước thải của dự án. Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường khu vực triển khai dự án trong thời gian ít nhất 02 năm gần nhất, trong đó làm rõ: chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án, môi trường nước mặt tiếp nhận trực tiếp nước thải của dự án.

- Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp phải báo cáo bổ sung tình trạng hoạt động của khu công nghiệp; sơ bộ về hạ tầng kỹ thuật đã hoàn thành của khu công nghiệp và sự đáp ứng tiếp nhận chất thải phát sinh từ hoạt động của dự án.

**Chương 2**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN; DỰ BÁO CÁC LOẠI CHẤT THẢI PHÁT SINH VÀ CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Nguyên tắc chung:**

- Việc dự báo tác động của dự án đến môi trường được thực hiện theo các giai đoạn triển khai xây dựng dự án và khi dự án đi vào vận hành.

- Đối với dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở đang hoạt động phải dự báo tổng hợp tác động môi trường của cơ sở cũ và dự án mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ của dự án mới.

**2.1. Dự báo tác động và đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án**

2.1.1. Dự báo các tác động: Dự báo sơ bộ các tác động đến môi trường của giai đoạn, trong đó tập trung vào các hoạt động chính như: vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án); vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có công trình xây dựng); làm sạch đường ống, làm sạch các thiết bị sản xuất, công trình bảo vệ môi trường của dự án (như: làm sạch bằng hóa chất, nước sạch, hơi nước, ...).

2.1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

- Về nước thải: Mô tả quy mô, công suất, công nghệ các công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có):

+ Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của từng nhà thầu thi công, xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

+ Công trình thu gom, xử lý các loại chất thải lỏng khác như hóa chất thải, hóa chất súc rửa đường ống, ...), đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

Mỗi công trình xử lý nước thải phải có bản vẽ thiết kế cơ sở của từng hạng mục và cả công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Về rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Mô tả quy mô, vị trí của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

- Về bụi, khí thải: Các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

**2.2. Dự báo tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành**

2.2.1. Dự báo các tác động: Việc dự báo tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Tác động của các nguồn phát sinh chất thải (chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, các loại chất thải lỏng khác).

- Đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, phải bổ sung tác động từ việc phát sinh nước thải của dự án đối với hiện trạng thu gom, xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp; khả năng tiếp nhận, xử lý của công trình xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp đối với khối lượng nước thải phát sinh lớn nhất từ hoạt động của dự án.

2.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

Yêu cầu chung: Trên cơ sở kết quả dự báo các tác động tại Mục 2.2.1 nêu trên, chủ dự án phải căn cứ vào từng loại chất thải phát sinh (với lưu lượng và tải lượng ô nhiễm lớn nhất) để đề xuất lựa chọn các thiết bị, công nghệ xử lý chất thải phù hợp, đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường quy định.

a) Về công trình xử lý nước thải (bao gồm: các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và các loại chất thải lỏng khác):

- Mô tả quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải.

- Các thông số cơ bản của từng các hạng mục thành phần và của cả công trình xử lý nước thải, kèm theo bản vẽ thiết kế cơ sở (đưa vào Phụ lục báo cáo).

- Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

b) Về công trình xử lý bụi, khí thải:

- Thực hiện như đối với nước thải.

- Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

c) Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại): Thực hiện như đối với nước thải.

d) Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải và khí thải (đối với trường hợp phải lắp đặt): Thực hiện như đối với nước thải.

2.2.3. Tiến độ hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

**Chương 3**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**3.1. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường**

**3.2. Kế hoạch quan trắc môi trường:** Kế hoạch quan trắc môi trường được xây dựng theo từng giai đoạn của dự án, gồm: thi công xây dựng và vận hành thương mại, cụ thể: Giám sát lưu lượng khí thải, nước thải và những thông số ô nhiễm có trong khí thải, nước thải đặc trưng của dự án, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về môi trường với tần suất tối thiểu 06 tháng/01 lần.

**Cam kết của chủ dự án, cơ sở**

Chúng tôi cam kết về lộ trình thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong kế hoạch bảo vệ môi trường.

Chúng tôi gửi kèm theo dưới đây Phụ lục các hồ sơ, văn bản có liên quan đến dự án, cơ sở (nếu có và liệt kê cụ thể).

**Phụ lục**

(Các Phụ lục I, II,...)

1. [↑](#footnote-ref-1)
2. 1 Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

   2 Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

   3 Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân [↑](#footnote-ref-2)
3. Trong trường hợp thương nhân không có dấu, đơn phải kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân đăng ký thành lập chứng thực chữ ký của ngườiđại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài. Văn bản này phảiđược hợp pháp hoá lãnh sự và dịch ra tiếng Việt theo quy định tại khoản 3 Mục I Thông tư số 11/2006/TT-BTM. [↑](#footnote-ref-3)
4. 1 Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

   2 Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

   3 Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân [↑](#footnote-ref-4)
5. Trong trường hợp thương nhân không có dấu, đơn phải kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân đăng ký thành lập chứng thực chữ ký của ngườiđại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài. Văn bản này phảiđược hợp pháp hoá lãnh sự và dịch ra tiếng Việt theo quy định tại khoản 3 Mục I Thông tư số 11/2006/TT-BTM. [↑](#footnote-ref-5)
6. Tên Văn phòngđại diện/Chi nhánh ghi như sau: Tên văn phòngđại diện + Tỉnh, thành phố nơi dự kiếnđặt Văn phòngđại diện/ Chi nhánh (trong trường hợp thương nhân có từ 02 VPĐD/CN trở lên) hoặc Tên Văn phòngđại diện/ Chi nhánh + tại Việt Nam (trong trường hợp thương nhân chỉ có 01 VPĐD/CN tại Việt Nam). [↑](#footnote-ref-6)
7. Trong trường hợp quy định tạiđiểm c vàđiểm d khoản 1 Điều 10 Nghịđịnh số 72/2006/NĐ-CP, ngườiđứngđầu Văn phòngđại diện/Chi nhánhđược quyềnđứng tên kýđơn đề nghịđiều chỉnh Giấy phép thành lập. Trong trường hợp thương nhân đứng tên kýđơn nhưng không có dấu, đơn phải kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân đăng ký thành lập chứng thực chữ ký của ngườiđại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài. Văn bản này phảiđược hợp pháp hoá lãnh sự và dịch ra tiếng Việt theo quy định tại khoản 3 Mục I Thông tư số 11/2006/TT-BTM. [↑](#footnote-ref-7)
8. Tên Văn phòngđại diện/Chi nhánh ghi như sau: Tên văn phòngđại diện + Tỉnh, thành phố nơi dự kiếnđặt Văn phòngđại diện/ Chi nhánh (trong trường hợp thương nhân có từ 02 VPĐD/CN trở lên) hoặc Tên Văn phòngđại diện/ Chi nhánh + tại Việt Nam (trong trường hợp thương nhân chỉ có 01 VPĐD/CN tại Việt Nam). [↑](#footnote-ref-8)
9. Trong trường hợp mất, rách, tiêu huỷ theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghịđịnh số 72/2006/NĐ-CP, ngườiđứngđầu Văn phòngđại diện/Chi nhánhđược quyềnđứng tên kýđơn đề nghịđiều chỉnh Giấy phép thành lập. Trong trường hợp thương nhân đứng tên kýđơn nhưng không có dấu, đơn phải kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân đăng ký thành lập chứng thực chữ ký của ngườiđại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài. Văn bản này phảiđược hợp pháp hoá lãnh sự và dịch ra tiếng Việt theo quy định tại khoản 3 Mục I Thông tư số 11/2006/TT-BTM. [↑](#footnote-ref-9)
10. Tên Văn phòngđại diện/Chi nhánh ghi như sau: Tên văn phòngđại diện + Tỉnh, thành phố nơi dự kiếnđặt Văn phòngđại diện/ Chi nhánh (trong trường hợp thương nhân có từ 02 VPĐD/CN trở lên) hoặc Tên Văn phòngđại diện/ Chi nhánh + tại Việt Nam (trong trường hợp thương nhân chỉ có 01 VPĐD/CN tại Việt Nam). [↑](#footnote-ref-10)
11. Trong trường hợp thương nhân không có dấu, đơn phải kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân đăng ký thành lập chứng thực chữ ký của ngườiđại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài. Văn bản này phảiđược hợp pháp hoá lãnh sự và dịch ra tiếng Việt theo quy định tại khoản 3 Mục I Thông tư số 11/2006/TT-BTM. [↑](#footnote-ref-11)